

NHIỀU TÁC GIẢ



NANH VUỐT NHÀ THIỀN



Mục lục:

LỜI ĐẦU SÁCH	6
PHẦN I: CÁC GIAI THOẠI THIỀN	115
PHẦN II: THI KỆ THIỀN	216
Thiền sư Phật Nhãn Thanh Viên.....	216
Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan.....	225
Thiền sư Chân Tịnh Khắc Văn	225
Thiền sư Hoàng Long Huệ Nam	226
Thiền sư Hối Đường Tổ Tâm.....	227
Thiền sư Trường Linh Thủ Trác.....	228
Thiền sư Chánh Giác Hoàng Trí.....	229
Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan.....	229
Thiền sư Phật Tánh Pháp Thái (đệ tử Viên Ngộ Khắc Cần)	231
<i>Thiền sư Vân Cái Trí Bản</i> (đệ tử Bạch Vân Thủ Đoan)	232
Thiền sư Bản Không ở Mã Giáp Sơn	233
Tử Dương chân nhân Trương Bá Đoan.....	234
<i>Cư sĩ Bàng Uẩn</i> (Để lại trên 300 bài kệ tụng)	249
Thiền sư Phần Dương.....	262
Thiền sư Duy Tác hiệu Thiên Như	278
Thiền sư Tâm Nguyệt hiệu Thạch Khê	281
Thiền sư Hoành Xuyên Hành Cung	283
Thiền sư Liễu Am Thanh Dục (đời Nguyên).....	285
Thiền sư Ngốc Am Phổ Trang (đời Nguyên).....	289
Thiền sư Sở Thạch Phạm Kỳ	295

Thiền sư Chơn Tịnh	297
Thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm.....	306
Thiền sư Động Sơn Lương Giới.....	306
Thiền sư Thuần Am Thiên Tịnh	307
Thiền sư Lâm Tế	308
Thiền sư Nghĩa Vân (Nhật Bản).....	308
Thiền sư Đồng An Sát	309
Thiền sư Nguyệt Pha (Nhật Bản).....	310
Thiền sư Ứng Am Đàm Hoa.....	311
Thiền sư Đại Dương Kinh Huyền	313
Thiền sư Bảo Phong	313
Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng.....	314
Thiền sư Hoa Đình Thuyền Tử.....	315
Thiền sư Tam Bình Nghĩa Trung	316
Thiền sư Lạc Phổ.....	316
Thiền sư Long Tế Thiệu Tu (Tu sơn chủ)	318
Hòa thượng Vân Cái Trí Bôn	23
Thiền sư Thiên Tùng Đại Thiệu	23
Hòa thượng Quảng Giám Anh	24
Thiền sư Khai Phước Đạo Ninh	25
Thiền sư Thử Am Thử Tịnh	27
Thiền sư Đơn Hà Tử Thuần	27
Thiền sư Tính Thiên Như Kiều.....	28
Thiền sư Khảng Đường Ngạn Sung.....	29
Thiền sư Trí Đạt.....	30
Hàn Sơn đại sĩ	32

Pháp sư Tăng Triệu.....	33
Thiền sư Tiểu Ấn Đại Hân.....	33
Cư sĩ Hoàng Sơn Triệu Văn Nhu.....	34
Thiền sư Bảo Ninh Nhân Dũng.....	35
Thiền sư Huệ Khai.....	36
Thiền sư Long Nha Cư Tuần.....	36
Thiền sư Hồ Khưu Thiệu Long (đệ tử Viên Ngộ).....	37
Hòa thượng Chân Như Súc Am.....	38
Thiền sư Hoài Hải Nguyên Triệu.....	39
Thiền sư Vô Chuẩn Sư Phạm.....	39
Thiền sư Thạch Điền Pháp Huân.....	40
Hòa thượng Tuyết Nham Tổ Khâm.....	41
Thiền sư Tiên Đồ hiệu Vô Kiến.....	41
Thiền sư Chánh ở Bá Trượng.....	42
Thiền sư Thạch Thất Thanh Hồng.....	42
Thiền sư Cao Phong Nguyên Diệu.....	46
Thiền sư Linh Vân Chí Cẩn.....	48
Thiền sư Ngô Ấn, đời Lý.....	49
Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn.....	49
Thiền sư Cung ở Thạch Song.....	50
Thiền sư Bốn Dụ, đời Thanh.....	51
Thiền sư Cổ Linh Thần Tấn.....	52
Thiền sư Đông Sơn Pháp Diễn.....	52
Thiền sư Ấn Tịnh Trí Nhu bình.....	53
Thiền sư Chiêu Khánh Tịnh Tu.....	53
Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác.....	54

Cổ nhân tụng.....	56
Thiền sư Tử Tâm Ngô Tân.....	57
Thiền sư Động Sơn	57
Thiền sư Long Sơn Ấn Sơn.....	58
NGŨ VỊ TỤNG - TÔNG TÀO ĐỘNG.....	59
Đại sĩ Thiện Huệ	22
Hai Mươi Bài Đi Đường Khó.....	22
Mười Lăm Bài Đi Đường Dễ.....	48
Thiền sư Hưng Giáo Hồng Thọ.....	54
Thiền sư Dương Kỳ Phương Hội	54
Thiền sư Chân Tịnh Khắc Văn	56
Thiền sư Tuyệt Chiếu Huy.....	57
Cư sĩ Tô Đông Pha.....	58
Thiền sư Tiểu Nham Đức Bảo.....	58
Thiền sư Huyền Hư Thường Nhuận.....	60
Thiền sư Hối Đài Nguyên Cảnh.....	61
Thượng tọa Tiểu Tĩnh	62
Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn.....	62
Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan.....	64
Hòa thượng Phục Lễ.....	65
Thiền sư Biện - Thê Hiền.....	70

LỜI ĐẦU SÁCH

Từ thuở Linh Sơn mở hội, đức Thế Tôn đưa cành hoa sen lên giữa thánh chúng, tôn giả Ca-diếp mỉm cười chúm chím, đức Thế Tôn chỉ bày *“Ta có chánh pháp nhân tạng Niết-bàn diệu tâm trao cho Ca-diếp”*. Và từ đó ngàn hoa mở hội, chốn nhân thiên hương ngát thượng thừa, ngoài cỏ nội tuôn tràn mạch sống - mạch sống thiên. Vô lượng vô lượng Thánh đệ tử, mỗi người mỗi nén hương thiên, vì lợi lạc chúng hữu tình mà đưa thuyền đại nguyện vào bến me đón muôn loài trở về bờ lạc giác.

*Hữu tình đến gieo giống,
Nhân đất quả lại sanh,
Vô tình đã không giống,
Không tánh cũng không sanh.*
(Hữu tình lai hạ chủng,
Nhân địa quả hoàn sanh,
Vô tình ký vô chủng,
Vô tánh diệt vô sanh.)

Trong đêm truyền pháp nơi trượng thất, Ngũ tổ Hoàng Mai đã dạy: *“Chư Phật ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên, bởi chúng sanh căn cơ có lớn nhỏ, tùy đó hướng dẫn mới có nói ra ba thừa, mười địa, đốn tiệm, gọi đó là Giáo môn. Như Lai cũng đem chánh pháp nhân tạng vô thượng chân thật vi diệu trao cho tổ Ma-ha Ca-diếp, lần lượt truyền đến đời thứ hai mươi tám là tổ Bồ-đề-đạt-ma. Tổ Đạt-ma sang Trung Quốc truyền nối đến đời ta, nay ta đem đại pháp và y bát đã*

*thọ trao lại cho người, người phải cố gắng gìn giữ truyền giao
đừng cho bất dứt.”*

Đạo truyền từ cõi Tây thiên, đức Thế Tôn đã nói: *“Ta đem
ấy thành đạo, đem ấy Niết-bàn, khoảng giữa không nói một
lời...”* Qua đời các bậc thượng tổ kết tập Thánh giáo lưu bá
chốn nhân thiên. Đông độ, Việt Nam, một nghìn bảy trăm
công án truyền thừa, mưa diệu pháp rưới nhuần cỏ nội. Vườn
thiên ươm giống, đất tâm nảy chồi, hoa giác ngộ nở rộ nơi nơi,
muôn thuở ngạt ngào, ý tứ giải thoát. Nay đây Thầy tôi cũng
thắp đèn tông tổ, mở cửa vườn thiên cho giống mầm giác ngộ
giải thoát được vun bồi.

Lời nói chẳng đến nên nói tự nhiên. Thường cùng thế
gian hòa hợp mà pháp thế gian chẳng nhiễm. Tướng thế tục
làm thể của nó, mà cùng chẳng bị thế tục ràng buộc. Thật là
hư huyền tột diệu, bát ngát mênh mông... Đại sĩ Thiện Huệ
nói, đã được nghe nên không thể làm thính, dùng trí thô hiểu
cạn thuật lời vụng về. Tuy chẳng hội diệu lý, mà đại ý lời nói
kia cũng trở về tự nhiên. Tâm tánh hôn mê, kìm chế vọng lự,
mong bậc cao minh chánh sĩ xem thấy đừng cười.

Tôi hổ với người xưa, chưa làm tròn lời dạy của thầy tổ,
dám đâu múa mép khua môi, lạm bàn lời phi lộ. Song vì bất
tất đối với huynh đệ trong tông môn, lại sợ mang tội với Thầy,
nên làm gan kính ghi mấy lời. Cung kính phụng mệnh Ân
sư, cùng chư huynh đệ tông môn biên tập lại dịch phẩm
Nanh Vuốt Nhà Thiên của Thầy đã dịch tại thiền viện Chơn
Không vào những thập niên 1970. Nay xin trân trọng gửi
đến chư pháp lữ môn phương tường lãm.

Chúng con, hàng môn hạ của Thầy đồng kính dâng lên dịch phẩm mà Thầy đã giao phó cho chúng con thực hiện. Có bao nhiêu công đức hồi hướng chúc nguyện Thầy vượt qua được cơn lao nhọc của thân tứ đại, mừng khánh thọ 88 tuổi sắp đến. Chúng con luôn vững tin Thầy mãi là ngọn đuốc soi sáng cho chúng con và chúng sanh trên con đường thành tựu Phật đạo.

Chúng con cúi đầu kính lễ Thầy.

Thiền viện Thường Chiếu

TM. Ban Văn hóa Thường Chiếu

THÍCH NHẬT QUANG

PHẦN I: CÁC GIAI THOẠI THIÊN

Mã Tổ sai thiên sư Phục Ngưu mang thư sang Quốc sư Huệ Trung. Quốc sư hỏi:

- Gần đây Mã Tổ dạy đồ chúng thế nào?

Phục Ngưu đáp:

- Túc tâm tức Phật.

- Là lời nói gì?

Giây lâu lại hỏi:

- Ngoài cái đó lại có gì dạy chúng?

- Chẳng phải tâm chẳng phải Phật, hoặc nói chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.

- Cũng tạm được.

- Mã đại sư thế ấy, chẳng biết đạo này Hòa thượng dạy chúng thế nào?

- *Tam điểm như lưu thủy*

Khúc tự ngải hòa liên.

Dịch:

Ba điểm như nước chảy

Khúc cong tự lười liên.

(Ngũ Đăng Hội Nguyên – quyển 3)



Nam Tuyên đi ngang phòng tắm, thấy Trưởng phòng đang nấu nước, hỏi:

- Làm gì?

Trưởng phòng thưa:

- Nấu nước.

- Nhớ kêu con trâu đực đi tắm nghe!

- Dạ!

Đến chiều Trưởng phòng vào phương trượng, Nam Tuyền hỏi:

- Làm gì?

Trưởng phòng thưa:

- Mời con trâu đực đi tắm.

Nam Tuyền hỏi:

- Có đem dây mũi theo không?

Trưởng phòng không đáp được.

Kịp Triệu Châu đến phương trượng thăm hỏi. Nam Tuyền thuật lại Triệu Châu nghe. Triệu Châu thưa:

- Con có câu đáp.

Nam Tuyền hỏi:

- Có đem dây mũi theo không?

Triệu Châu lại gần Nam Tuyền, nắm lỗ mũi kéo. Nam Tuyền bảo:

- Phải thì phải, song rất thô.

(Cổ Tôn Túc Ngữ Lục – quyển 13)

*

Có vị tăng hiệu Sư Tổ đến hỏi Nam Tuyền:

- *Ma-ni châu nhân bất thức, Như Lai tàng lý thân thâm*
đắc (Châu ma-ni người không biết, trong Như Lai tàng tự
nhận được). Thế nào là tàng?

Nam Tuyên bảo:

- Vương lão sư cùng ông qua lại, ấy là tàng.

Sư hỏi:

- Nếu như không qua lại thì thế nào?

Nam Tuyên bảo:

- Cũng là tàng.

Sư hỏi:

- Thế nào là châu?

Nam Tuyên gọi: - Sư Tổ!

Sư: - Dạ!

Nam Tuyên bảo:

- Đi! Người không hiểu ý ta.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 20)



Quy Sơn dạy chúng:

- Bậc cao sĩ đi hành cước, cần phải trong thanh sắc mà
ngủ nghỉ, trong thanh sắc mà nằm ngồi mới được.

Sơ Sơn bước ra hỏi:

- Thế nào là câu chẳng rơi trong thanh sắc?

Quy Sơn dựng cây phất tử lên. Sơ Sơn thưa:

- Đây là câu rơi trong thanh sắc.

Quy Sơn trở về phương trượng.

Sơ Sơn đến từ già Hương Nghiêm đi nơi khác. Hương Nghiêm hỏi:

- Sao chẳng ở đây?

Sơ Sơn đáp:

- Tôi không có duyên với Hòa thượng.

Hương Nghiêm hỏi lý do. Sơ Sơn kể lại lời trước. Hương Nghiêm bảo:

- Tôi có một câu.

Sơ Sơn bảo:

- Nói ra xem.

Hương Nghiêm nói:

- Nói ra chẳng phải tiếng, sắc trước mặt chẳng phải vật.

Sơ Sơn nói:

- Hóa ra ở đây có người.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 39)

*

Quy Sơn ngồi tại pháp đường, Tri khố đánh bảng. Trưởng trù ném củi vào lò, vỗ tay cười to. Quy Sơn bảo:

- Trong chúng cũng có người thế ấy.

Bèn gọi lại hỏi:

- Ông làm gì?

Trưởng trù thưa:

- Con khi sáng không ăn cháo, bụng đói, nghe bảng mừng quỳnh.

Quy Sơn gật đầu.

(Quy Sơn Linh Hựu Thiên Sư Ngũ Lục)



Tăng hỏi Triệu Châu:

- *Chí đạo vô nan, duy hiềm giản trạch.* Thế nào được chẳng giản trạch?

- Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn.

- Đây vẫn là giản trạch.

- Kẻ quê mùa! Giản trạch chỗ nào?

(Thiên Lâm Loại Tụ – quyển 5)



Tăng hỏi Đức Sơn:

- Thế nào là việc kỳ đặc trong Tông môn?

Đức Sơn đáp:

- Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người. (Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 29)



Tăng hỏi Tuyết Phong:

- Hòa thượng gặp Đức Sơn được cái gì liền trở về?

Tuyết Phong đáp:

- Ta khi ấy đi tay không về tay không.

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 29)



Thiên sư Mông Khê hỏi tăng:

- Thượng tọa ở đâu đến?

Tăng thưa:

- Từ Định Châu đến.

- Định Châu gần đây có việc gì kỳ đặc?

- Con khi sáng đi qua đó chỉ nghe nói muối mắc, gạo rẻ, trợn không có việc gì kỳ đặc.

- Ta ở đây cũng thế thôi, chỉ là cháo thô cơm lạt cùng thiên tăng tùy phần qua thời, cũng không có việc kỳ đặc. Ông lại tới đây tìm cái gì?

Tăng thưa:

- Con chẳng hội.

- May là ông không hội, nếu ông hội liền bị thâu hết nửa đạo lý.

(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 9)



Tăng hỏi Động Sơn:

- Thế nào là hạnh Sa-môn?

Động Sơn đáp:

- Từ nhỏ nuôi một đứa bé, đầu dài ba thước, cổ ngắn hai tấc,¹ cho đến ngày nay chẳng thế ấy.

Tăng đem câu ấy hỏi Tào Sơn, Tào Sơn bảo:

¹ Thước tắc tàu (một thước khoảng 0,33m).

- Xà-lê tự nói xem.

Tăng thừa:

- Đâu không giải quyết việc?

Tào Sơn gọi: - Xà-lê!

Tăng: - Dạ!

Tào Sơn bảo:

- Vừa rồi hỏi việc gì? Dem thuốc tặc đến đây xem.

Tăng không đáp được.

Người sau làm kệ:

Đầu trường hạng đoản thị thùi nhan?

Vấn trước toàn nhân cảm diện khan.

*Tùng thủ hoài tâm trường yểm hộ, Bất tương tiêu tức đáo
nhân gian.*

Dịch:

Đầu dài cổ ngắn mặt mày ai?

Hỏi hết mọi người dám nhận xem.

Từ đó then lòng thường đóng cửa,

Chẳng đem tin tức đến nhân gian.

(Trùng Biên Tào Động Ngũ Vị – quyển thượng)



Tăng hỏi thiền sư Thanh Khoát:

- Khi nhà nghèo bị cướp thì thế nào?

Tào Sơn đáp:

- Không thể lấy hết.
- Tại sao không thể lấy hết?
- Vì cướp là người thân trong nhà.
- Đã là người thân trong nhà vì sao trở thành kẻ cướp?
- Nếu ở trong không ứng thì bên ngoài làm gì được.
- Bỗng nhiên bắt được thì thế nào?
- Trong ngoài bất tin tức.
- Khi bắt được công về chỗ nào?
- Thưởng cũng chưa từng nghe.
- Thế ấy thì nhọc mà không công?
- Công thì chẳng không, thành mà chẳng trụ.
- Đã thành tại sao chẳng trụ?
- Đâu chẳng nghe nói:

*Thái bình vốn do công tướng quân
Chẳng cho tướng quân thấy thái bình.*

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 47)



Mục Châu dạy chúng:

- Đại sự chưa sáng như đưa ma cha mẹ, đại sự đã sáng như đưa ma cha mẹ.

Thanh Phong Sở bình rằng:

*Bất đắc xuân phong hoa bất khai,
Cập chí hoa khai hựu xuy lạc.*

Dịch:

Chẳng có gió xuân hoa chẳng nở,

Đến khi hoa nở lại thối rơi.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 23)



Tam Bình hỏi thị giả:

- Ông họ gì?

Thị giả thưa:

- Cùng Hòa thượng đồng họ.

- Ta họ gì?

- Câu hỏi ở đâu?

- Từng hỏi ông bao giờ?

- Họ ấy là gì?

- Nghĩ ông là kẻ sơ cơ tha ông ba mươi gậy.

(Niêm Bát Phương Châu Ngọc Tập – quyển thượng)



Có vị tăng đi tham vấn hòa thượng Mễ Hồ, trên đường gặp một bà già. Tăng hỏi bà:

- Bà có quyền thuộc chăng?

- Có.

- Ở chỗ nào?

- Sơn hà đại địa, hoặc cỏ hoặc cây đều là quyền thuộc của tôi.

- Bà đã từng làm Sư cô chăng?

- Thầy thấy cái gì?
 - Người thế tục.
 - Thầy đâu chẳng phải là tăng?
 - Bà chó lẫn lộn Phật pháp.
 - Tôi chẳng làm lẫn lộn Phật pháp.
 - Bà thế ấy đâu không lẫn lộn Phật pháp?
 - Thầy là nam, tôi là nữ, lẫn lộn chỗ nào?
- (Niêm Bát Phương Châu Ngọc Tập – quyển hạ)



Có vị tăng đi tham vấn hòa thượng Phúc Thuyền, trên đường gặp một ông già bán muối. Tăng hỏi:

- Đến Phúc Thuyền đi đường nào?
- Ông già lặng thinh giây lâu. Tăng lại hỏi:
- Đến Phúc Thuyền đi đường nào?
- Ông già bảo:
- Ông điếc sao?
 - Ông nói với tôi cái gì?
 - Nói với ông con đường Phúc Thuyền.
 - Ông hội thiên chẳng?
 - Chó nói thiên, Phật pháp cũng hội hết.
 - Ông thử nói xem?
- Ông già xối muối lên. Tăng nói:
- Khó.

- Thầy gọi cái gì?
 - Muối.
 - Có gì dính dáng?
 - Phải nói thế nào?
 - Chẳng thể lại nói với Thầy là muối.
- (Tông Giám Pháp Lâm – quyển 72)



Tăng hỏi hòa thượng Thạch Cự:

- Thế nào là hạt châu trong tay Địa Tạng?

Thạch Cự đáp:

- Trong tay ông lại có chẳng?
- Chẳng hội.
- Ông chớ dối đại chúng.

Ngài tụng:

*Bất thức tự gia bảo,
Tùy tha nhận ngoại trần,
Nhật trung đào ảnh chát,
Cảnh lý thất đầu nhân.*

Dịch:

*Báu nhà mình chẳng biết,
Theo người nhận ngoại trần,
Giữa trưa chạy trốn bóng,
Kẻ nhìn gương mất đầu.*

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 14)



Thiền sư Tùng Chí ở Kim Phong, có vị tăng hỏi:

- Thân này vô tri như đất gỗ ngói đá, còn ý này thế nào?

Sư bước xuống giường thiền nắm lỗ tai vị tăng vặn mạnh.
Tăng đau điếng la thất thanh. Sư nói:

- Ngày nay mới bắt gặp kẻ vô tri.

Tăng lễ bái lui ra. Sư gọi:

- Xà-lê!

Tăng xoay đầu ngó lại. Sư bảo:

- Nếu đến nhà tăng không nên thuật lại.

Tăng hỏi:

- Vì sao?

Sư bảo:

- Sẽ có nhiều người cười Kim Phong tâm lão bà.

(Thiền Tông Chính Mạch – quyển 7)



Thiền sư Thạch Thê (cháu Nam Tuyền), thị giả mời đi
tắm. Sư bảo:

- Đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa bọt, tắm làm gì?

Thị giả thưa:

- Hòa thượng đi trước, con đem xà phòng đến sau.

Sư cười.

Một hôm thấy thị giả ôm bát đi đến trai đường, Sư hỏi:

- Đi đâu?

Thị giả thưa:

- Con đến trai đường.

Sư bảo:

- Ta đâu không biết người đi đến trai đường?

- Trừ ngoài việc này, riêng nói cái gì?

- Ta chỉ hỏi việc bốn phận của người.

- Nếu hỏi việc bốn phận, con thật đi đến trai đường.-

Không hổ là thị giả của ta.

(Phật Tổ Cương Mục – quyển 33)



Thiền sư Bồn Nhân ở viện Bạch Thủy (đệ tử Động Sơn) nói:

- Trong con mắt dính cát chẳng được, trong lỗ tai dính nước chẳng được.

Tăng hỏi:

- Tại sao trong con mắt dính cát chẳng được?

Sư đáp:

- Hợp chân không sánh.

- Tại sao trong lỗ tai dính nước chẳng được?

- Trắng sạch không nhớ.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 64)



Tú tài Trương Chuyết đến hỏi đạo Thạch Sương, thấy Thạch Sương thân thể gầy ốm, nói năng bình dị, ông không thích bỏ đi. Đến liêu Tri khách gặp điển tọa Thiên Nguyệt, Tề Kỷ, Thái Bố Nạp nghị luận thao thao. Trương Chuyết nói:

- Trong ba vị đây nên chọn một vị làm trưởng lão.

Thiên Nguyệt biết ý Trương Chuyết khinh Thạch Sương, bèn bảo:

- Trong chùa này có năm trăm chúng, tương tự với tệt tăng có hai trăm năm mươi vị, hơn tệt tăng có hai trăm năm mươi vị, còn Hòa thượng đương đầu là nhục thân Bồ-tát.

Trương Chuyết nghe rồi mới nghiêm chỉnh oai nghi đến hỏi đạo Thạch Sương. Thạch Sương thấy ông đến liền hỏi:

- Ông tên gì?

Trương Chuyết thưa:

- Trương Chuyết.

Thạch Sương bảo:

- Tìm xảo còn không có hướng là chuyết.

Trương Chuyết liền ngộ, trình kệ:

Quang minh tịch chiếu biến hà sa,

Phàm thánh hàm linh cộng ngã gia.

Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện,

Lục căn tài động bị vân già.

Dục trừ phiền não trùng tăng bệnh,

Thú hướng chân như tổng thị tà.

Tùy thuận chúng duyên vô quái ngại,

Niết-bàn sanh tử đặng không hoa.

Dịch:

Sáng soi lạng lẽ khắp hà sa,

Phàm thánh hàm linh chung một nhà.

Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện,

Sáu căn vừa động bị che lừa.

Muốn trừ phiền não càng thêm bệnh,

Hướng đến chân như thấy đều tà.

Tùy thuận các duyên không quá ngại,

Niết-bàn sanh tử thấy không hoa.

(Tục San Cổ Tôn Túc Ngũ Yếu – quyển 2)



Tam Thánh Huệ Nhiên đến hỏi đạo thiên sư Trường Sa:

- Thế nào là mặt trăng thứ hai?

Trường Sa đáp:

- Chẳng thật có.

Tam Thánh lễ bái.

Trường Sa nói tụng:

Dã đại kỳ, dã đại kỳ!

Nhất nguyệt chân trung lưỡng nguyệt nghi.

Kiến dữ kiến duyên vô tự tánh,

Tịch thường thù thị phục thù phi?

Dịch:

Thật kỳ thay! Thật kỳ thay!

Trong một trăng thật nghi có hai.

Thấy và bị thấy không tự tánh,

Thường lặng thì ai đúng ai sai?

(Niêm Bát Phương Châu Ngọc Tập – quyển trung)



Thiền sư Duyên Quán ở Lương Sơn, thầy Tri viên hỏi:

- Khi giấc nhà khó giữ thì thế nào?

Sư đáp:

- Biết được chẳng phải oan gia.

- Sau khi biết được thì sao?

- Đầy đến nước vô sanh.

- Đâu không phải chỗ y an thân lập mạng?

- Nước chết không chứa được rồng.

- Thế nào là nước sống chứa rồng?

- Dậy mồi mà không thành sóng.

- Bỗng khi đầm nghiêng núi đổ thì thế nào?

Sư bước xuống giường thiền nắm đứng lại bảo:

- Chớ nói ứt góc cà-sa của lão tăng.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 68)



Tăng hỏi thiền sư Lạc Phố:

- Cúng dường trăm ngàn đức Phật không bằng cúng dường một đạo nhân vô tâm. Chưa biết trăm ngàn đức Phật có lỗi gì? Đạo nhân vô tâm có đức gì? Sư đáp:

Nhất phiến bạch vân hoành cốc khẩu

Kỷ đa quy điều tận mê sào.

Dịch:

Một áng mây trắng che cửa hang

Bầy chim bay về đều quên tổ.

*

Có vị tăng khác hỏi:

- Khi con nghĩ trở về quê thì sao?

Sư đáp:

- Nhà tan người mất người trở về chỗ nào?

- Thế ấy thì không trở về?

- *Đình tiền tàn tuyết nhật luân tiêu*

Thất nội du trần khiến thùy tảo?

Dịch:

Mặt trời lên tan tuyết trước sân

Ai quét được bụi vờn trong thất?

Sư nói tụng:

Quyết chí quy hương khứ,

Thừa chu phiếm Ngũ hồ.

Cử cao tinh nguyệt ẩn,

Đình trạo nhật luân cô.

*Giải lã ly tà ngạn,
Trương phàm xuất chánh đồ.
Đáo lai gia đẳng tận,
Miễn tác ốc trung ngu.*

Dịch:

*Quyết chí trở về quê,
Thuyền con dạo Ngũ hồ.
Giở chèo trăng sao lặn,
Dừng chèo trời giữa trưa.
Nhớ neo rời bờ vạy,
Giương buồm nhắm đường ngay.
Về đến nhà hết sạch,
Khỏi làm kẻ quê mùa.*

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 65)



Tăng hỏi thiền sư Cư Tuần ở Long Nha:

- Trong mười hai giờ dụng sức thế nào?

Sư đáp:

- Như người không tay muốn đánh.

*

Có vị tăng khác hỏi:

- Người xưa được cái gì liền thôi?

Sư đáp:

- Như giặc vào nhà trống.

(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 18)



Huyền Sa ăn trái vải, hỏi chúng:

- Trái vải này vì sao mà ửng hồng, trái vải kia vì sao mà đỏ tươi? Tất cả các ông hãy nói vì sao. Nếu nói một màu bèn thành lộn xộn. Nếu nói nhiều màu thì thành đoạn thường. Các ông phải làm sao?

Ngạn Thao thưa:

- Cũng chỉ tại Hòa thượng phân biệt.

Sư bảo:

- Đây là lộn xộn ngu si có dính dáng gì đâu?

Trùng Cơ thưa:

- Đại khái chỉ là một màu.

Sư bảo:

- Thấy đồng lộn xộn, có khi nào liễu ngộ!

Sư xoay lại hỏi Kiều Nhiên:

- Người nói thế nào?

Kiều Nhiên thưa:

- Không thể chẳng biết trái vải.

Sư nói:

- Chỉ là trái vải.

(Huyền Sa Sư Bị Thiên Sư Quảng Lục – quyển trung)



Tăng hỏi Vân Môn:

- Thế nào là pháp thân?

Sư đáp:

- Sáu chẳng thấu.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 48)

*

Vị tăng khác hỏi Vân Môn:

- Chẳng khởi một niệm lại có lỗi hay không?

Sư đáp:

- Núi Tu-di.

Sư nói kệ:

Cử bất cố

Tức sai hồ

Nghĩ tư lương

Hà kiếp ngộ?

Dịch:

Nêu chẳng đoái

Liền sai lẫn

Toan nghĩ suy

Bao giờ ngộ?

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 49)



Huyền Sa dạy chúng:

- Những bậc lão túc ở các nơi nói là tiếp vật lợi sanh, bỗng gặp người có ba thứ bệnh đến làm sao tiếp? Mù thì cầm chùy dựng phất y chẳng thấy, điếc thì ngữ ngôn tam-muội y chẳng nghe, câm thì dạy y nói lại nói chẳng được, phải làm sao tiếp? Nếu tiếp không được người này thì Phật pháp không còn linh nghiệm.

Có vị tăng đem việc trên hỏi Vân Môn. Vân Môn bảo:

- Ông lẽ bái đi.

Tăng lễ bái đứng dậy. Vân Môn lầm gậy đẩy tới. Tăng lùi lại sau. Vân Môn bảo:

- Ông chẳng phải bệnh mù.

Vân Môn gọi:

- Lại gần đây.

Tăng lại gần. Vân Môn bảo:

- Ông chẳng phải bệnh điếc.

Vân Môn dựng gậy lên, hỏi:

- Hội chăng?

Tăng thưa:

- Chẳng hội.

Vân Môn bảo:

- Ông chẳng phải bệnh câm.

Tăng liền tỉnh ngộ.

(Thiền Lâm Loại Tụ – quyển 13)



Thiền sư Quy Tĩnh, có vị tăng vào thất hỏi về “Cây bá trước sân” của Triệu Châu. Sư bảo:

- Tôi chẳng tiếc nói cho ông, ông tin chẳng?

Tăng thưa:

- Lời của Hòa thượng quý trọng, con đâu dám chẳng tin.

Sư bảo:

- Ông nghe giọt mưa rơi mé thêm chẳng?

Vị tăng bỗng nhiên khai ngộ, bất giác thốt lên:

- Chao!

Sư hỏi:

- Người thấy đạo lý gì?

Tăng nói kệ đáp:

Thêm đầu thủy đích

Phân minh lịch lịch,

Đả phá càn khôn

Đương hạ tâm tức.

Dịch:

Giọt mưa mé thêm

Rõ ràng từng giọt,

Đập nát càn khôn

Liền đó tâm dứt.

Sư vui vẻ.

* Có thiền khách hỏi:

- Con định ngày mai vào đế kinh. Khi đế vương chẳng đoái thì sao?

Sư đáp tụng rằng:

Nhất niên xuân tận nhất niên xuân,

Xúc nhật vô tư biến càn khôn.

Thời nhân tận xướng vô tư khúc,

Hãn ngộ tri âm đối giả hy!

Dịch:

Một năm xuân trọn một năm xuân,

Vàng nhật chung soi khắp đất trời.

Thời nhân thấy xướng vô tư khúc,

Khó gặp tri âm đối, hiếm thay!

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 23)



Thiền sư Cảnh Thanh hỏi vị tăng:

- Ngoài cửa có tiếng gì?

Tăng thưa:

- Tiếng nhái bị rấn cắn kêu.

Sư bảo:

- Tưởng rằng chúng sanh khổ, lại có khổ chúng sanh.

* Sư hỏi vị tăng khác:

- Ngoài cửa có tiếng gì?

Tăng thưa:

- Tiếng mưa rơi.

Sư bảo:

- Chúng sanh điên đảo quên mình theo vật.

- Hòa thượng thế nào?

- Vẫn chẳng quên mình.

- Vẫn chẳng quên mình ý nghĩa thế nào?

- Xuất thân còn là dễ, thoát thể nói rất khó.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 46)



Có vị tăng hỏi thiền sư Pháp Nhãn:

- Trước đền cổ Phật người nào đến trước?

Sư đáp:

- Người không cất bước.

*

Có vị tăng khác hỏi:

- Làm sao thấu được hai chữ thanh sắc?

Sư gọi đại chúng bảo:

-Chư thượng tọa hãy nói, vị tăng này thấu được hay chưa?

Nếu hội được câu hỏi này thì thấu thanh sắc chẳng khó.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 54)



Thiền sư Đạo Giai ở Phù Dung nói:

- Khuyên các ông chẳng cần cầu chân chỉ nên dứt kiến. Các kiến dứt hết thì mù tối chẳng sanh, trí tự nhiên soi sáng, lại không có vật khác. Các ông hội chẳng?

Sư im lặng giây lâu nói:

*Châu trung hữu hỏa quân tu tín,
Hư hướng thiên biên vấn thái dương.*

Dịch:

*Trong châu có lửa anh tin lấy,
Thôi đến bên trời hỏi thái dương.*

(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 12)



Thiền sư Thiệu Tu (Tu sơn chủ) nói:

- Đầy đủ pháp phàm phu, phàm phu chẳng biết. Đầy đủ pháp thánh nhân, thánh nhân chẳng hội. Thánh nhân nếu hội tức là phàm phu. Phàm phu nếu biết tức là thánh nhân.

(Ngũ Đăng Hội Nguyên – quyển 8)



Thiền sư Duy Tín nói:

- Trước ba mươi năm khi chưa tham thiền, lão tăng thấy núi là núi, thấy nước là nước. Sau gần gũi thiện tri thức có chỗ thâm nhập, thấy núi không phải núi, thấy nước không phải nước. Nay được chỗ dứt sạch, thấy núi chỉ là núi, thấy nước chỉ là nước.

(Ngũ Đăng Hội Nguyên – quyển 17)



Úc Sơn Chủ, nhân hóa sĩ ở Lô Sơn đến dạy khán câu “Tăng hỏi Pháp Đăng: Đầu sào trăm trượng làm sao tiến bước? Pháp Đăng: Ồi!” Sư khán đã ba năm. Một hôm cưỡi ngựa qua cầu đập lũng tám ván, người ngựa té nhào, bỗng nhiên Sư đại ngộ làm tụng:

*Ngã hữu minh châu nhất khỏa,
Cửu bị trần lao quan tỏa,
Kim triều trần tận quang sanh,
Chiếu phá sơn hà vạn đoá.*

Dịch:

*Ta có một viên minh châu,
Đã lâu bị bụi vùi sâu,
Hôm nay bụi sạch phát sáng,
Soi thấu núi sông lâu lâu.*

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 31)



Thiền sư Nhân Dũng ở Bảo Ninh nói:

- Nếu nói Phật pháp cúng dường đại chúng chưa khỏi râu mày rụng sạch, nếu nói thế pháp cúng dường đại chúng vào địa ngục nhanh như tên bắn. Dẹp hai lối này hãy nói cái gì?

*Tam thốn thiết đầu vô dụng xứ,
Nhất song không thủ bất thành quyền.*

Dịch:

Đầu lưỡi ba tấc không chỗ dụng,

Hai tay buông thông nắm chẳng thành.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 31)



Thiền sư Pháp Diễn ở Ngũ Tổ, thượng đường nói:

- Hôm qua sơn tăng vào thành thấy một giàn con rối, bèn đi đến trước xem, hoặc thấy nghiêm trang kỳ đặc, hoặc thấy xấu xí ghê gớm, tới lui đi đứng, xanh vàng đỏ trắng, rành rõ mỗi thứ. Xem kỹ thấy có người ở trong màn vải xanh điều khiển. Sơn tăng nhin không nổi, bước tới hỏi: Ông tên họ gì? Y bảo: Hòa thượng già này xem rồi thì thôi, hỏi tên họ làm gì? Sơn tăng bị câu nói của y khiến cảm hòng, không lý để giải bày. Lại có người vì sơn tăng nói được chăng?

Hôm qua trong ấy bị thua, Ngày nay nơi này gỡ vốn.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 33)

*

Pháp Diễn nói:

- Ta có một vật chẳng thuộc phàm chẳng thuộc thánh, chẳng thuộc tà chẳng thuộc chánh, khi muôn việc đến tự nhiên hiệu lệnh.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 32)

* Pháp Diễn nói:

- Hôm qua có một tác nhân duyên định nêu cho đại chúng nghe, lại vì lão tăng muôn việc thường quên, nhất thời suy nghĩ chẳng ra.

Sư lặng thinh giây lâu nói:

- Quên mất rồi! Quên mất rồi!

Lại nói:

- Trong kinh có bài chân ngôn tên Thông Minh Vương, có người quên, niệm liền nhớ lại.

Sư đọc:

- Án a lô lặc kế ta bà ha.

Bèn vỗ tay cười to nói:

- Nhớ được rồi! Nhớ được rồi!

Sư nói kệ:

Tìm Phật chẳng thấy Phật,

Luận Tổ chẳng thấy Tổ.

Dưa ngọt tốt gốc ngọt,

Dưa đắng tận rễ đắng.

Nói xong, Sư liền bước xuống tòa.

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 20)

*

Trung thu, Sư thượng đường:

Trung thu nguyệt trung thu nguyệt,

Cổ kim tận vị tâm thường biệt.

Biệt bất biệt,

Kiểu kiểu thanh quang biến đại thiên,

Nhậm tùng thiên hạ vân vân thuyết.

Dịch:

Trăng trung thu trăng trung thu,

Xưa nay đều nói khác bình thường.

Khác chẳng khác,

Rõ rõ sáng soi khắp đất trời,

Mặc tình thiên hạ lẳng xẵng nói.

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 21)

*

Kệ tụng:

Bệnh khởi

Bệnh lai hựu bệnh bì niêm cốt,

Đầu tẩu khởi lai vô nhất vật.

Hành bất thành bộ, ngữ thanh đê,

Tỷ không y tiên không đột ngột.

Dịch:

Bệnh rồi lại bệnh, da xương dính,

Phấn phát đứng lên không một vật.

Bước đi chập choạng nói thều thào,

Lỗ mũi như xưa cao chát ngất.

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 22)



Bà già bán bánh rán, sau khi ngộ đạo đến Lang Nha.
Lang Nha nhìn, biết cảnh giới của bà, hỏi:

- Vô vị chân nhân ở đâu?

Bà ứng thanh đọc:

*Hữu nhất vô vị chân nhân,
Lục tý tam đầu nỗ lực sân,
Nhất phách Hoa sơn phân lưỡng lộ,
Vạn niên lưu thủy bất tri xuân.*

Dịch:

*Có một vô vị chân nhân,
Ba đầu sáu tay nỗ lực sân,
Một chẻ Hoa sơn chia hai nẻo,
Nước chảy muôn năm chẳng biết xuân.*

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 34)



Hồi Đường Tổ Tâm cùng Hạ Ý Công đang bàn về ý “Hội vạn vật vi tự kỷ” và “Tình dữ vô tình cộng nhất thể” trong Triệu Luận. Khi ấy có con chó nằm dưới gầm bàn, Sư lấy cây thước gõ con chó, lại gõ cái bàn nói:

- Con chó hữu tình nên đi, cái bàn vô tình ở lại, vậy thì tình cùng vô tình làm sao đồng một thể?

Ý Công suy nghĩ không đáp được. Sư bảo:

- Vừa dĩnh suy nghĩ liền thành pháp dư, đâu thể “Hội vạn vật vi tự kỷ”.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 32)



Thiền sư Chân Tịnh ở trong thất hỏi vị tăng:

- Xong hay chưa?

Tăng thừa:

- Chưa xong.

- Ông ăn cháo xong hay chưa?

- Xong.

- Sao nói chưa xong?

Sư lại hỏi:

- Ngoài cửa tiếng gì?

- Tiếng mưa rơi.

- Sao nói chưa xong?

Sư lại hỏi:

- Trước mặt là cái gì?

- Bình phong.

- Sao nói chưa xong?

Sư lại hỏi:

- Hiểu chưa?

- Chưa hiểu.

Sư bảo:

- Hãy nghe bài tụng:

Tùy duyên sự sự liễu,

Nhật dụng hà khiếm thiếu!

Nhất thiết đản tâm thường,

Tự nhiên bất diên đảo.

Dịch:

*Tùy duyên mọi việc xong,
Hằng ngày dùng đâu thiếu!
Tất cả chỉ bình thường,
Tự nhiên hết điên đảo.*

(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 26)



Có vị tăng hỏi thiền sư Thủ Trùng:

- Thế nào là cha mẹ xưa nay?

Sư đáp:

- Người đâu không bạc.

- Làm sao dâng hiến?

- Ăn cần không cơm gạo, trước nhà chẳng hỏi thăm.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 67)



Có vị tăng hỏi thiền sư Trí Hồng:

- Sắc thân bại hoại, thế nào là pháp thân kiên cố?

Sư đáp:

Sơn hoa khai tợ cấm,

Giản thủy trạm như lam.

Dịch:

Hoa núi nở dường gấm,

Nước khe trong tợ chàm.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 47)



Thiền sư Chí Đoan sắp tịch, trưởng lão Viên Ứng ra thưa:

Mây sâu ráng thảm,

Đại chúng thở than.

Mong thầy ban lời,

Chưa nên cáo biệt.

Sư đuổi một chân. Viên Ứng hỏi:

Gương pháp chưa đến xứ này,

Trăng báu lại soi chốn nào?

Sư bảo:

- Chẳng phải cảnh giới của ông.

- Thế là,

Bọt sanh bọt diệt trở về nước,

Thầy đến thầy đi việc vốn thường.

Sư hừ một tiếng.

(Ngũ Đăng Hội Nguyên – quyển 8)



Có đạo giả đến hỏi Ngọa Long Tổ Tiên:

- Con khỉ nắm không đứng, cúi xin chỉ dạy?

Sư bảo:

- Dùng nắm làm gì? Như gió thổi nước tự nhiên thành gợn sóng.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 35)



Thiền sư Nguyên Trường ở Thiên Nham hỏi vị tăng:

- Từ đâu đến?

Tăng thưa:

- Chiết Tây đến.

- Trong đây không có cơm đến làm gì?

- Đến xin Hòa thượng Phật pháp.

- Lại gần đây.

Tăng lại gần. Sư liền đấm một đấm, hỏi:

- Hiểu chăng?

- Chẳng hiểu.

- Kẻ si, cái đấm cũng chẳng hiểu.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 35)

*

Vạn Phong Thời Úy đến, Sư hỏi:

- Dem cái gì cùng lão tăng thấy nhau?

Thời Úy đưa nắm tay lên thưa:

- Cái này cùng Hòa thượng thấy nhau.

- Chết rồi, thiêu rồi, đến chỗ nào an thân lập mạng?

- *Âu sanh âu diệt thủy hoàn tại,*

Phong tức ba bình nguyệt ánh đàm.

Dịch:

Bọt sanh bọt diệt nước nguyên vẹn,

Gió dừng sóng lặng trăng soi đầm.

*

Thiên Nham thượng đường nói:

Không gió lá sen lay, Quyết định có cá lội.

Thời Ủy hét một tiếng, phui áo đi.

Thiên Nham nói kệ:

Uất uất hoàng hoa mãn mục thu,

Bạch vân đoan tọa Bích Phong đầu.

Vô tân chủ cú khinh niêm xuất,

Nhất hát thiên giang thủy nghịch lưu.

Dịch:

Đầy mắt mùa thu rợp cúc vàng,

Mây trắng ngồi yên ngọn Bích Phong.

Câu không chủ khách nêu nhè nhẹ,

Một hét ngàn sông chảy ngược dòng.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 36)



Thiền sư Tùng Triễn ở Bảo Phước. Sư bệnh hỏi vị tăng:

- Tôi với ông biết nhau đã lâu năm, có thuốc gì cứu nhau, cứu nhau!

Tăng thưa:

- Thuốc thì có sẵn, nghe nói Hòa thượng không chịu kiên cố.

*

Sư bảo vị tăng đứng hầu:

- Ông tại sao thô tâm?

Tăng thưa:

- Chỗ nào là chỗ con thô tâm?

Sư đưa một cục đất, bảo:

- Ném ra trước cửa.

Tăng ném xong lại hỏi:

- Chỗ nào là chỗ con thô tâm?

Sư nói:

- Ta thấy chạm đến là va là kêu nên nói ông thô tâm.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 46)



Bà già đốt am

Bà cúng dường một vị tăng nhập thất hai mươi năm, thường sai con gái mang vật thực sang cung cấp cho vị tăng. Hôm nọ bà bảo con gái ôm cứng vị tăng hỏi: “Chính khi này thế nào?” Vị tăng đáp:

Khô mộc ý hàn nham

Tam đông vô noãn khí.

Dịch:

Cây khô tựa núi lạnh

Ba đông không hơi ấm.

Cô gái về thưa lại. Bà bảo:

- Ta hai mươi năm chỉ cúng dường kẻ thế tục.

Bà bèn đuổi đi rồi đốt am.

(Giáo Ngoại Biệt Truyền – quyển 16)



Có vị tăng hỏi thiền sư Duy Giản:

- Phật và chúng sanh là một hay hai?

Sư đáp:

Hoa khai mãi thọ hồng

Hoa lạc vạn chi không.

Dịch:

Hoa nở khắp cây hồng

Hoa rơi muôn cành không.

Tăng hỏi:

- Rốt cuộc là một hay hai.

Sư đáp:

Duy dư nhất đoá tại,

Minh nhật khùng tùy phong.

Dịch:

Chỉ còn thừa một đoá,

Ngày mai ngại gió rơi.

(Tục Truyền Đăng Lục – quyển 5)



Có vị tăng hỏi thiền sư Khánh Tường:

- Trên đường hiểm ác lấy gì làm cầu dò.

Sư đáp:

- Lấy đây làm câu dò.

- Thế nào là đây?

- Năm lấy lỗ mũi ông.

(Thiền Tông Chính Mạch – quyển 5)



Vua Tống Hiếu Tông hỏi thiền sư Phật Chiếu:

- Phật Thích-ca vào núi sáu năm thành được việc gì?

Sư đáp:

- Tưởng đâu Bệ hạ quên mất.

(Giáo Ngoại Biệt Truyền – quyển 16)



Thiền sư Ngô An xem kinh Lăng-nghiêm đến câu “Tri kiến lập tri tức vô minh bản, tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn”, Sư bèn sửa câu đọc: “Tri kiến lập, tri tức vô minh bản, tri kiến vô, kiến tư tức Niết-bàn”. Nơi đây Sư tỉnh ngộ.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 54)



Bồ-tát Văn-thù hỏi Am-đề-già nữ:

- Sanh lấy gì làm nghĩa?

Am-đề-già nữ đáp:

- Sanh lấy chẳng sanh sanh làm nghĩa sanh.

Văn-thù hỏi:

- Thế nào là sanh lấy chẳng sanh sanh làm nghĩa sanh?

Am-đề-già nữ đáp:

- Nếu hay biết rõ bốn duyên đất nước gió lửa chưa từng tự có hòa hợp, mà hay tùy duyên kia, ấy là nghĩa sanh.

Văn-thù hỏi:

- Tử lấy gì làm nghĩa?

Am-đề-già nữ đáp:

- Tử lấy chẳng tử tử làm nghĩa tử.

- Thế nào là tử lấy chẳng tử tử làm nghĩa tử?

- Nếu hay biết rõ bốn duyên đất nước gió lửa chưa từng tự có ly tán, mà hay tùy duyên kia, ấy là nghĩa tử.

Am-đề-già nữ hỏi lại Văn-thù:

- Biết rõ sanh là pháp chẳng sanh, vì sao lại bị sanh tử lôi cuốn?

Văn-thù đáp:

- Vì sức kia chưa đủ.

(Thiền Tông Chính Mạch – quyển 3)



Kinh Hoa Nghiêm phẩm Thập Định:

Bồ-tát Phổ Nhãn muốn thấy Phổ Hiền mà không thể thấy được, cho đến ba phen nhập định xem khắp tam thiên đại thiên thế giới tìm Phổ Hiền cũng không thấy, đến bạch Phật. Phật bảo: “Ông nên ở trong chánh định khởi một niệm liền thấy Phổ Hiền!” Phổ Nhãn khi ấy ở trong chánh định vừa khởi một niệm, liền thấy Phổ Hiền ở trong hư không cười voi trắng sáu ngà.

(Kinh Hoa Nghiêm – quyển 40/80)



Thế Tôn chỉ hạt châu ma-ni hỏi năm vị thiên vương trấn giữ năm hướng:

- Hạt châu này màu gì?

Năm vị thiên vương mỗi vị nói màu khác nhau. Thế Tôn cất hạt châu, đưa tay lên hỏi:

- Hạt châu này màu gì?

Thiên vương thưa:

- Tay Phật không châu chỗ nào có màu?

Thế Tôn bảo:

- Tại sao các ông điên đảo lắm vậy? Ta đem thế châu chỉ đó, liền gắng nói có màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Ta đem chân châu chỉ đó, thấy đều không biết.

Năm vị thiên vương thấy đều khế ngộ.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 2)



Ni sư Viên Ấn đến tham vấn thiền sư Chân Diễn ở Trúc Am. Sư hỏi:

- Thế Tôn đưa cành hoa, ngài Ca-diếp cười chúm chím là cười cái gì?

Ni hét một tiếng. Sư bảo:

- Một tiếng hét này rơi ở chỗ nào?

Ni thưa:

- Chẳng cần nghi.

Sư dụng phát tử hỏi:

- Cái này là gì?

- Chẳng được vọng thông tin tức.

- Vừa rồi sơn tăng nói gì?

- Lời trước đâu còn.

- Sơn tăng tuổi già.

- Tuổi già thì được.

Ni liền lễ bái.

(Kính Thạch Trích Nhữ Tập – quyển 5)



Thiên sư Huyền Thiết Dung thượng đường, chúng vừa nhóm đủ, Sư xuống tòa. Tri sự chặn lại hỏi:

- Hòa thượng vì sao không dạy một lời liền xuống tòa?

Sư bảo:

- Sáng sớm ăn hai chén cháo nguội, trong bụng có chút bất an, hãy đợi đi cầu một chút trở lại, vì các ông nói.

Chúng ngơ ngác. Sư trở về phương trượng. Hôm khác Sư thượng đường:

- Sơn tăng hôm qua đi thọ trai nhà trong xóm, nhai nhầm một hạt sạn cho đến sáng nay mà răng vẫn còn đau, không thể cùng chư huynh đệ nói vàng nói trắng.

Liền xuống tòa.

Hôm khác, Sư hỏi một vị tăng:

- Người xưa nói “Ăn cháo xong, rửa bát đi”, ý thế nào?

Tăng thưa:

- Khi hôm trong mộng, có người hỏi con câu này, vì con mê ngủ nên không đáp cho y.

Sư bèn thôi.

(Kính Thạch Trích Nhũ Tập – quyển 5)



Thiền sư Quảng Thanh, đầu mùa xuân năm Canh Thân đời Khang Hy thọ bệnh. Tháng tư, đệ tử Viên Tịnh dẫn chúng đến phương trượng hỏi thăm Sư và cầu chỉ dạy. Sư bảo:

- Sơn tăng xưa nay không dính mê ngộ, bị bệnh kiết ba tháng khiến thân gầy bầy xương. Nếu người hiểu được như thế, bảo đảm siêu Phật vượt Tổ. Người xưa nói: “Pháp thân bệnh, sắc thân tức là pháp thân. Sắc thân bệnh, pháp thân tức là sắc thân.” Nay nhờ đại chúng hỏi ta gốc bệnh, sơn tăng quán khắp pháp giới tìm chỗ gốc bệnh khởi trọn không thể được. Cho nên nói: Bệnh vào cao hoang, thần y bó tay.

Nói xong, Sư hét một tiếng, nằm kiết tường thị tịch.

(Kính Thạch Trích Nhũ Tập – quyển 5)



Thiền sư Tiểu Ấn Đại Hân bình bài tụng của Tam Bình Nghĩa Trung bằng hai câu thơ:

Thủy lưu hoàng điệp lai hà xứ,

Ngưu đối hàn nha quá biệt thôn.

Dịch:

*Nước cuộn lá vàng đến chốn nào,
Trâu mang chim quạ qua thôn khác.*
(Tiếu Ẩn Hân Thiên Sư Ngũ Lục – quyển 1)



Thiên sư Tổ Tiên ở Phá Am nói:

*Linh Sơn hữu lộ bình như chỉ,
Nguyệt hộ vô nhân lãnh tự thu.*

Dịch:

*Linh Sơn có đường phẳng như mài,
Nhà trăng không người lạnh tự thu.*

(Phá Am Tổ Tiên Thiên Sư Ngũ Lục)



Ví như người sợ bóng mà chạy trong trời nắng, chạy càng nhanh thì bóng đuổi theo càng lẹ, dừng nghỉ trong bóng cây thì bóng tự mất, đứa bé mười tuổi cũng biết. Người học đạo sợ sanh tử mà chẳng dứt vọng tâm, thì chẳng bằng đứa bé kia. Lại, thân quân tử thì tiểu nhân tự sợ, gần tiểu nhân thì quân tử tự xa, kẻ mua bán ngoài chợ, người quê mùa đều biết. Người học đạo sợ khổ lưu chuyển mà tùy thuận vô minh, là đầu Việt mà đuôi Yên đó vậy.

Người biết tâm lặng lẽ thì không cố khởi hiện hạnh, chẳng cùng vọng hiệp thì tự nhiên bản trí hiện tiền. Hai thứ này là thúc liễm tâm, chẳng phải gia công vậy.

(Trí Chứng Truyện – Huệ Hồng Giác Phạm tuyển)



Hoàng Long Huệ Nam dạy:

- Người người trọn nắm hạt châu Linh Xà, mỗi mỗi tự ôm hòn ngọc Kinh Sơn mà không tự hồi quang phản chiếu, nhớ bấu quên xứ. Đâu không nghe nói: Khi ứng lỗ tai dường hang trống, tiếng lớn tiếng nhỏ đều đầy đủ. Khi ứng con mắt như ngàn mặt trời, muôn tượng không thể trốn hình bóng. Cứ theo thanh sắc mà tìm, tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang cũng chịu thua.

(Hoàng Long Huệ Nam Thiên Sư Ngũ Lục)



Có vị tăng đến hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Mã Tổ bảo:

- Lại gần đây sẽ nói với ông.

Tăng lại gần. Tổ tát một bạt tai, bảo:

- Chỗ đông người không tiện nói.

(Mã Tổ Đạo Nhất Thiên Sư Quảng Lục)



Tổ Huệ Khả một hôm bỗng đại ngộ, bạch tổ Đạt-ma:

- Từ đây trở đi con dứt hết các duyên.

- Chớ rơi vào đoạn diệt!

- Không rơi.

- Con làm thế nào?

- Con thường biết rõ ràng, nói không thể đến.

- Đây là chỗ truyền tâm của chư Phật chớ nên hồ nghi.
(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 6)



Thiền sư Thiệu Long khi đến Viên Ngộ, Viên Ngộ dẫn câu “Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến du ly kiến, kiến bất năng cập”, liền đưa tay lên hỏi Sư:

- Thấy không?

Sư thưa:

- Thấy.

Viên Ngộ bảo:

- Đầu lại thêm đầu.

Viên Ngộ lại hỏi:

- Thấy cái gì?

Sư thưa:

- Tre dày không ngăn nước chảy qua.

Viên Ngộ gật đầu.

(Tổ Đình Kiêm Chùy Lục – quyển thượng)



Thiền sư Hành Vĩ ở Ngưỡng Sơn, năm mươi tuổi mới xuất gia. Sư đến núi Hoàng Bá tham vấn Huệ Nam, quyết chí tham cứu đã lâu mà chưa có lãnh hội, thường uống nước rửa chân của Huệ Nam. Sư đi kinh hành ngoài hành lang, gặp các bậc kỳ túc liền lễ bái thưa: “Xin thương Hành Vĩ tuổi già, cứu độ Hành Vĩ.” Sư cất thớt ở chỗ vắng, bên trong chỉ để một giường nhỏ ngồi thiền. Có khách đến, Sư mời ngồi trên

giường, rồi đi thắp hương đứng khoanh tay hầu, không nói một lời. Do đó chẳng ai dám vào cửa. Huệ Nam biết hạnh của Sư, đến bảo:

- Người rất khắc khổ, không nên như thế.

Sư thưa:

- Con đã già, đạo nghiệp chưa thành, đâu rảnh bàn đến việc của người. Như hòa thượng Triệu Châu nói: “Ta ở phương Nam hai mươi năm, trừ hai thời cơm cháo là tạp dụng tâm.” Con là người gì mà dám nhàn rồi.

Huệ Nam không thể đoạt được chí của Sư, trong lòng càng quý.

(Phổ Giác Tông Cảo Thiên Sư Ngũ Lục – quyển thượng)



Kinh Viên Giác có đoạn: “Cư nhất thiết thời bất khởi vọng niệm, ư chư vọng tâm diệt bất tức diệt, trụ vọng tưởng cảnh bất gia liễu tri, ư vô liễu tri bất biện chân thật...”, nghĩa là *Trong tất cả thời không khởi vọng niệm, đối các vọng tâm cũng chẳng dừng diệt, trụ cảnh vọng tưởng không thêm rõ biết, nơi không rõ biết chẳng biện chân thật...*

Hòa thượng Tuyết Đường niệm rằng:

Khô thọ vân sung diệt,

Điêu mai tuyết tác hoa.

Kích đồng phương mộc hưởng,

Tiểu tuyết khiết đồng qua.

Trường thiên thu thủy,

Cô vụ lạc hà.

Dịch:

*Cây khô mây đơm lá,
Mai còi tuyết điểm hoa.
Gỗ ống tre vang tiếng,
Chấm tuyết ăn bí đao.
Trời trong nước thu,
Cò lẻ rắng chiều.*

(Mật Am Hòa Thượng Ngũ Lục)



Thiền sư Tào Nguyên Đạo Sinh, Trung thu thượng đường dẫn chuyện Trường Sa Cảnh Sầm cùng Ngưỡng Sơn xem trăng. Ngưỡng Sơn chỉ mặt trăng thưa:

- Mỗi người đều có cái đó, chỉ là dùng chẳng được.

Trường Sa bảo:

- Đúng thế, ông dùng đi.

Ngưỡng Sơn thưa:

- Làm sao dùng?

Trường Sa đến gần đập một đập, Ngưỡng Sơn té nhào. Ngưỡng Sơn đứng dậy nói:

- Thật giống con cọp.

Sư làm tụng:

*Phù vân tán tận nguyệt dương không,
Thố tử hoài thai sản đại trùng,
Khiêu xuất phong tiên lộng nha trảo,*

Chí kim hám động Quảng Hàn cung.

Dịch:

Mây mù tan sạch trắng trên không,

Thỏ ngọc mang thai sanh cạp hùng,

Nhào ra trước gió bày nanh vuốt,

Nay còn rúng động Quảng Hàn cung.

(Tào Nguyên Đạo Sinh Thiên Sư Ngũ Lục)



Ni Diệu Tổng ở trong hội thiên sư Đại Huệ nghe cử câu “Thế ấy cũng chẳng được, chẳng thế ấy cũng chẳng được, thế ấy chẳng thế ấy thấy chẳng được” của ngài Thạch Đầu, bà tỉnh ngộ. Đại Huệ lại dẫn câu chuyện bà già đến bến đò của thiên sư Nham Đầu, ném đĩa con xuống nước, hỏi bà. Bà đáp:

Nhất điệp phiến chu phiếm diểu mang,

Trình nhiều vũ trạo biệt cung thương,

Vân sơn hải nguyệt câu phao khước,

Doanh đắc Trang Chu điệp mộng trường.

Dịch:

Một chiếc thuyền con thả bể khơi,

Đưa chèo múa nhịp khúc nhạc trời,

Mây non trắng biển đều ném sạch,

Hơn hẳn Trang Chu giấc điệp dài.

(Vô Kiến Tiên Đồ Thiên Sư Ngũ Lục – quyển thượng)



Thiền sư Nguyên Tĩnh ở Nam Đường, đệ tử Ngũ Tổ Pháp Diễn. Sư trụ Đại Tuyền, trong phòng ngủ của phương trượng có con rắn to ở đã lâu đời không ai dám đến gần. Sư đến muốn nghỉ ở đó. Thầy Giám tự bạch Sư biết việc ấy, Sư không màng vẫn đến đó ngủ. Đến nơi thấy con rắn to nằm trên giường, Sư lấy tay đẩy nó nói:

- Súc sanh già, nhường cho lão tăng nửa giường chứ!

Nói xong, Sư nằm nửa giường ngủ đến sáng. Sáng ra không thấy con rắn. Từ đó nó không đến nữa.

(Ngũ Gia Chánh Tông Tán – quyển 2)



Thiền sư Quang Dũng đến tham vấn Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn hỏi:

- Ông đến làm gì?

Quang Dũng thưa:

- Lễ kính Hòa thượng.

Ngưỡng Sơn hỏi:

- Lại thấy Hòa thượng chăng?

Quang Dũng đáp:

- Thấy.

Sư hỏi:

- Hòa thượng sao giống con lừa?

Quang Dũng đáp:

- Con thấy Hòa thượng cũng chẳng giống Phật.

Ngưỡng Sơn hỏi:

- Nếu chẳng giống Phật thì giống cái gì?

- Nếu có chỗ giống cùng lừa đầu khác.

Ngưỡng Sơn khen:

- Phàm thánh cả hai mất, tình hết thể lộ.

(Giáo Ngoại Biệt Truyền – quyển 11)



Thiền sư Tử Tâm, khoảng niên hiệu Thiệu Thánh, Sư trụ tại Thúy Nham, Giang Tây. Phía sau pháp đường có miếu Tề An Vương rất linh hiển. Sư dời miếu này đến phía tây viện, lấy nền làm phương trượng. Nơi đây, Sư để giường ngủ, có con trăn to nằm khoanh bên Sư. Sư quở thì nó đi, rồi trở vô lại, mỗi đêm đều như thế. Một hôm khoảng canh ba, Sư mộng thấy một người đội mũ mặc xiêm y đến chào Sư và bảo là dời chỗ mới y không thích, muốn nhờ sáu mươi tráng đinh theo hầu đi đạo hai tỉnh Quảng Đông Quảng Tây. Trong mộng Sư liền hứa khả. Mấy hôm sau, tráng đinh bỗng bị bệnh dịch chết đúng sáu mươi người.

Sư thượng đường hỏi chúng:

- Thật có quỷ thần chẳng? Nếu nói có, sao chẳng giết Tử Tâm? Nếu nói không, tráng đinh vì sao mà chết?

Chúng trả lời không khế hội. Thủ tọa Sở Nguyên đáp:

Dưa ngọt tận rễ ngọt,

Dưa đắng tận gốc đắng.

Sư cười rồi thôi.

(La Hồ Dã Lục – quyển hạ)



Thiền sư Pháp Diễn dạy Phật Giám:

- Khi lãnh Trụ trì có bốn điều:

Một, Phước không nên thọ hết, phước hết ắt đến họa ướng.

Hai, Thế lực không nên sử dụng hết, thế hết ắt bị khinh lòn.

Ba, Ngôn ngữ không nên nói hết, nói hết ắt cơ chẳng mật.

Bốn, Quy củ chẳng nên hành hết, hành hết thì chúng khó ở.

(La Hồ Dã Lục – quyển hạ)



Thiền sư Thanh Phẫu ở Hưng Dương ban đầu ở Đại Dương làm Tri viên. Sư trồng dưa, Đại Dương hỏi:

- Dưa ngọt khi nào chín?

Thanh Phẫu thưa:

- Hiện nay chín rồi.

- Lựa dưa ngọt hái đem lại.

- Hái đem lại cho ai ăn?

- Cho người không vào vườn ăn.

- Chưa biết người không vào vườn lại có ăn không?

- Ông lại biết y chẳng?

- Tuy nhiên chẳng biết, không được chẳng cho.

Đại Dương cười rồi đi.

Thanh Phẫu nằm bệnh, Đại Dương đến hỏi:

*Thân này như bọt huyễn,
Trong bọt huyễn thành xong,
Nếu không cái bọt huyễn,
Đại sự do đâu nên,
Nếu muốn đại sự nên,
Biết lấy cái bọt huyễn.*

Là thế nào?

Thanh Phẫu thưa:

- Vẫn là việc bên này.
- Việc bên kia thế nào?
- *Khắp đất vàng hồng đẹp,*
- *Đáy biển chẳng nở hoa.*

Đại Dương cười bảo:

- Là ông tỉnh tỉnh chăng?

Thanh Phẫu hét thưa:

- Tưởng là con quên sao.

Sau đó, Sư bệnh nặng rồi mất.

(Tùng Lâm Thanh Sự – quyển thượng)



Thiền sư Ninh ở Khai Phước, quê tại Hấp Châu. Sư đến tham vấn thiền sư Pháp Diễn ở núi Ngũ Tổ. Pháp Diễn thấy Sư tư cách cao thượng siêu việt, thường khen ngợi Sư trước chúng và cho vào Ban chức sự, khiến kẻ đồng học đổ kỵ Sư. Ban đêm họ mời Sư đi dạo núi nói chuyện, rồi đánh Sư sưng

mặt bầm mắt. Sư không thể theo chúng thợ trai. Pháp Diễn hay được, đích thân đến thăm hỏi:

- Nghe ông bị bọn vô lễ đánh, sao không đến phương trượng thưa, lão tăng sẽ vì ông đuổi bọn họ đi?

Sư tròn giấu kín, chỉ nói:

- Con cam chịu thương tích, chẳng can việc khác.

Pháp Diễn rơi lệ nói:

- Sức nhân của ta chẳng bằng ông, sau này không ai làm gì được ông.

(Tùng Lâm Thanh Sự – quyển thượng)



Thiền sư Đạo Hạnh hiệu Tuyết Đường. Sau khi về thăm mẹ, thân quyến hẹn hôm sau đến thăm Sư. Sư viết bài kệ trên vách chùa, rồi trốn đi trước.

Mạc hiềm tâm tự thiết,

Tự kỷ thương vi oan.

Tảo tận môn tiên tuyết,

Phương khai hỏa lý liên.

Vạn ban hựu cánh vấn,

Nhất đẳng thị vong duyên.

Cá sự tương ưng xứ,

Kim cang chủng hiện tiên.

Dịch:

Chó trách tâm như sắt,

Chính mình còn chẳng ưa.

Quét sạch tuyết trước cửa,

Mới nở sen lò hồng.

Muôn việc thôi chớ hỏi,

Bạc nhất là quên duyên.

Việc này chỗ ứng hợp,

Giống Kim cang hiện tiền.

(Tùng Lâm Thanh Sự – quyển thượng)



Thiền sư Phần ở Kiếm Môn. Thuở nhỏ, Sư phát minh lễ đạo, cạo tóc chạy khắp xóm làng, thời nhân gọi là cuồng tăng. Ban đầu Sư đến tham vấn Lại Am, sau đến Diệu Hỷ. Diệu Hỷ nghe Sư là phong điên nên không nhận vào chúng. Sư buồn trở về quê, đến bên trạm Chiết Giang đứng lại, tủi khóc. Bỗng nghe người đẹp đường nạt: “Thị Lang đến”, Sư chợt đại ngộ, làm kệ:

Kỷ niên cá sự quải hung hoài,

Vấn tận chư phương nhãn bất khai.

Kim nhật can trường hốt nhiên phá,

Nhất thanh giang thượng Thị Lang lai.

Dịch:

Bao năm việc ấy chứa trong lòng,

Hỏi hết các nơi mắt chẳng thông.

Nay bỗng ruột gan chợt tan vỡ,

Nhờ tiếng “Thị Lang đến” bên sông.

(Tùng Lâm Thanh Sự – quyển hạ)



Tô Đông Pha muốn yết kiến Phật Ấn, trước gửi bài kệ:

Thô sa thí Phật Phật hân thọ,

Quái thạch cúng tăng tăng bất hiêm.

Không thủ viễn lai hoàn yếu phủ,

Cánh vô nhất vật khả tăng thêm.

Dịch:

Cát thô cúng Phật Phật nhận liền,

Đá lạ dâng tăng tăng chẳng gièm.

Tay không xa đến cần chẳng nhĩ?

Trọn không một vật để tăng thêm.

Phật Ấn đáp kệ:

Không thủ trì lai phóng hạ nan,

Tam hiền Thập thánh tụ đầu khan.

Thủ ban cung dưỡng năng hân hưởng,

Mộc mã nê ngưu diệc hỷ hoan.

Dịch:

Tay không đem đến lại khó buông,

Tam hiền Thập thánh hội họp xem.

Loại cúng dường này nếu hưởng được,

Trâu bừa ngựa gổ cũng hân hoan.

(Vân Ngọa Kỳ Đàm – quyển hạ)

*

Đông Pha đến Kinh Khẩu, Phật Ấn sang sông yết kiến.
Đông Pha nói:

- Triệu Châu ngày xưa chẳng bước xuống giường thiên,
Kim Sơn (Phật Ấn) vì sao ngày nay sang sông?

Phật Ấn nói kệ đáp:

Triệu Châu tích nhật khiếm khiêm quang,

Bất hạ thiên sàng tiếp nhị Vương.

Tranh tự Kim Sơn vô lượng tướng,

Đại thiên sa giới thị thiên sàng.

Dịch:

Triệu Châu thuở trước thiếu khiêm nhường,

Chẳng xuống giường thiên tiếp nhị Vương.

Nào giống Kim Sơn vô lượng tướng,

Đại thiên sa giới vốn giường thiên.

*

Phật Ấn dạy chúng kệ:

Mặc quả ca-sa tiện yếu nhàn,

Thất điều trung hữu Thiết Vi san.

Kỷ đa phóng dật tung hoành giả,

Thất khước nhân thân thuấn tức gian.

Dịch:

Chớ mặc ca-sa lại muốn nhàn,

Bảy điều trong có Thiết Vi san.

Bao người phóng dật tung hoành ấy,

Chỉ trong chớp mắt mất nhân thân.

(Tùng Lâm Thanh Sự – quyền hạ)

*

Một hôm Phật Ấn nhập thất, chợt Đông Pha đến. Phật Ấn nói:

- Trong đây không có giường ghế, không thể tiếp cư sĩ.

Đông Pha nói:

- Tam mượn tứ đại Hòa thượng làm ghế ngồi.

Phật Ấn bảo:

- Sơn tăng có một câu hỏi, nếu cư sĩ đáp được thì mời ngồi, nếu đáp không được xin để đai ngọc lại.

Đông Pha vui vẻ nói:

- Xin hỏi.

Phật Ấn hỏi:

- Vừa rồi cư sĩ nói tam mượn tứ đại sơn tăng làm ghế ngồi. Chỉ như sơn tăng tứ đại vốn không, năm ấm chẳng có, cư sĩ nhằm chỗ nào ngồi?

Đông Pha suy nghĩ mà không đáp được, đành phải cởi đai ngọc để lại, cười to ra đi.

Phật Ấn lại lấy chiếc y Vân Sơn tặng ông. Đông Pha làm kệ:

Bách thiên đăng tác nhất đăng quang,

Tận thị hằng sa Diệu pháp vương,
Thị cố Đông Pha bất cảm tích,
Tá quân tứ đại tác thiên sàng.
Bệnh cốt nan kham ngọc đối vi,
Độn căn nhưng lạc tiến phong ky,
Hội đương khát thực ca kỹ viện,
Hoán đắc Vân Sơn cứu nạp y.
Thử đối duyệt nhân như truyền xá,
Lưu truyền đáo thử diệc du tai,
Cầm bào thác lạc hồn tương xứng,
Khất dữ dương công lão Vạn Hồi.

Dịch:

Trăm ngàn đèn thành một ánh đèn,
Thấy là hằng sa Diệu pháp vương,
Vì thế Đông Pha đâu dám tiếc,
Mượn tứ đại Sư làm giường thiên.
Bệnh xương, đai ngọc buộc chẳng kham,
Độn căn vẫn lạc mấy tên nhanh,
Biết nên khát thực nơi kỹ viện,
Đổi được chiếc y xưa Vân Sơn.
Đai ngọc trao người như truyền của,
Truyền đến bây giờ đã lâu rồi,
Cầm bào xóc xếch thật tương xứng,

Xin tặng lão giả điền Vạn Hồi.

Phật Ấn làm kệ tạ ông:

*Thạch Sương đoạt đắc Bùi Hưu hốt,
Tam bách niên lai chúng khẩu khoa,
Tranh tự Tô công lưu ngọc đới,
Trường hòa minh nguyệt cộng vô hà.
Kinh Sơn Biện thị tam triều hiến,
Triệu quốc Tương Như vạn tử hồi.
Chí bảo chỉ ứng thiên tử dụng,
Nhân hà lưu tại Tiểu Bồng Lai?*

Dịch:

*Thạch Sương đoạt được hốt Bùi Hưu,
Ba trăm năm miệng chúng khoe hoài,
Đâu giống Tô Công để đai ngọc,
Thường sáng như trăng chẳng vết tỳ.
Kinh Sơn họ Biện ba triều hiến,
Tương Như chỗ chết được trở về.
Ngọc quý chỉ dành thiên tử dụng,
Vì sao để lại Tiểu Bồng Lai?*

(Tùng Lâm Thanh Sự – quyền thượng)

*

Vương Kinh Công mời Phật Ấn tán tượng Phó đại sĩ.
Phật Ấn cầm bút tán:

*Đạo quan Nho lý Phật ca-sa,
Hòa hội tam gia tác nhất gia.
Vong khước Suất-đà thiên thượng lộ,
Song Lâm si tọa đài Long Hoa.*

Dịch:

*Mũ Đạo giày Nho ca-sa Phật,
Hòa hội ba nhà lại một nhà.
Quên mất đường về trời Đâu-suất,
Song Lâm ngồi mãi đợi Long Hoa.*
(Vân Nga Kỷ Đàm – quyền hạ)



Quách đạo nhân ở nhà chuyên nghề thợ rèn, thường đến tham vấn thiền sư Trung ở Cảnh Đức. Thiền sư Trung dạy:

- Ông chỉ bỏ cái nặng kia, xoay lại mình mà tham cứu, không cái gì mà chẳng xong.

Một hôm thiền sư Trung thượng đường nói:

- Thiện ác như mây nổi, khởi diệt đều không chỗ nơi.

Quách ngay đó tâm khai ngộ. Từ đây ông nói nhiều lời dị thường. Đến khi sắp chết, ông từ biệt người thân, ngồi kiết già nói kệ:

*Lục thập tam niên đả thiết,
Nhật dạ phiến bành bát kiệt.
Kim triêu phóng hạ thiết chùy,
Hồng lô biến thành bạch tuyết.*

Dịch:

*Sáu mươi ba năm đập sắt,
Ngày đêm thổi lửa không thôi.
Sáng nay chày sắt buông rồi,
Lò hồng biến thành tuyết trắng.*

(Nhân Thiên Bảo Giám)



Thiên sư Đại Hưu, dòng Lâm Tế. Sư sanh vào thời Minh, khi ngộ đạo thuật kệ:

*Pháp thân bản vô tướng,
Pháp tướng bản lai không.
Hội đặc giả tiêu tức,
Xứ xứ hiển gia phong.*

Dịch:

*Pháp thân vốn không tướng,
Pháp tướng xưa nay không.
Hiếu được tin tức ấy,
Chốn chốn bày gia phong.*

(Tục Chỉ Nguyệt Lục – quyển 15)



Tăng hỏi thiên sư Tiểu Nham Đức Bảo:

- Thế nào là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh?
- Một đồng tiền mua một cái bánh nướng.

- Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân?

- Ăn vô bụng rồi nghe vui vui.

- Thế nào nhân cảnh cả hai đều đoạt?

- Ông không có một đồng tiền đành cam chịu đói.

- Thế nào là nhân cảnh đều chẳng đoạt?

- Vân Môn bánh hồ, Kim Ngưu cơm, bụng trống đến, bụng no về.

*

Có vị tăng khác hỏi:

- Kinh nói chư Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên, xin hỏi Hòa thượng thế nào là đại sự nhân duyên?

- Ăn cơm mặc áo, đại tiện tiểu tiện.

Tăng không bằng lòng, không lễ bái đi ra. Sư gọi lại nói kệ:

Chư Phật xuất ư thế,

Duy vì đại nhân duyên,

A thử tịnh phóng niệu,

Cơ xan khốn đả miên.

Mục tiền khẩn cấp sự,

Nhân chỉ dục thương thiên,

Đàm huyền cộng thuyết diệu,

Tao tội phục thâm tiên.

Dịch:

Chư Phật hiện trần thế,

*Chỉ vì đại nhân duyên,
Đại tiện cùng tiểu tiện,
Đói ăn mệt ngủ liền.
Việc gấp rút trước mắt,
Người chỉ muốn lên thiên,
Nói huyền cùng bàn diệu,
Mắc tội lại thua tiền.
Tăng hồ thẹn lễ bái lui ra.
(Tục Chỉ Nguyệt Lục – quyển 16)*



Có vị tăng hỏi hòa thượng Thạch Đầu:

- Thế nào là giải thoát?
- Ai trói người?
- Thế nào là Tịnh độ?
- Cái gì làm nhớ người?
- Thế nào là Niết-bàn?
- Ai đem sanh tử cho người?

(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 5)



Nam Tuyền dạy chúng:

- Vương Lão sư từ nhỏ nuôi một con trâu đực, tính thả ăn ở khe đông, sợ phạm nước cỏ của quốc vương, tính thả ăn ở khe tây cũng sợ không khỏi phạm nước cỏ của quốc vương, chỉ bằng tùy thời nhận chút ít trợn chẳng thấy được.

(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 8)



Có vị tăng hỏi Mục Châu:

- Lấy một lớp đẹp một lớp thì chẳng hỏi, khi chẳng lấy chẳng đẹp thì thế nào?

Mục Châu đáp:

- Hôm qua trồng cà, ngày nay trồng dưa.

(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 13)



Trong hội thiền sư Phổ Chiếu có vị tăng lớn tuổi, mỗi ngày tụng ba trăm biến Chú Đại Bi, các kinh chú cũng vậy, ban đêm lễ Phật ba trăm lạy. Tuyết Đường thấy ông nhọc nhằn lẳng xằng chẳng rảnh, một hôm nói với ông:

- Sao chẳng buông đi tất cả?

Vị tăng đáp:

- Vừa buông đi thì cảm giác rảnh rồi.

Tuyết Đường bảo:

- Nếu ông buông đi, lại chẳng rảnh rồi.

Nhân đó ngài bảo chúng:

- Đây là sức tin chưa đủ. Sở dĩ bình thường nói với huynh đệ, chẳng cần vin cơ cảnh khác. Thế nào gọi là cơ cảnh? Phật gọi là cơ cảnh, pháp gọi là cơ cảnh, hướng là tất cả văn chương tạp sự. Nếu giữ chỗ nhàn nhàn, tự nhiên hư mà linh, tịch mà diệu, giống như trái bầu để trên mặt nước, thông thả

không kìm không buộc, chạm đến liền động, đẩy đến liền xoay, thật được đại tự tại.

(Tuyệt Đường Hạnh Hòa Thượng Thập Di Lục)



Thiền sư Huệ Trì (1337 - ...) nhập định trong bông cây (399 - 1113). Vua Tống Huy Tông sai vẽ tượng Sư ban hành và ban ba bài tụng:

*1- Thất bách niên lai lão cổ chùy,
Định trung tiêu tức hứa thùy trì,
Tranh như chích lý Tây quy khứ,
Sanh tử hà lao mộ tác bì.*

*2- Tàng sơn ư trạch diệt tàng thân,
Thiên hạ vô tàng đạo khả thân,
Ký ngữ Trang Chu hưu nghĩ nghị,
Thọ trung bất thị phụ xu nhân.*

*3- Hữu tình thân bất thị vô tình,
Bỉ thử nhân nhân định lý thân,
Hội đắc Bồ-đề bản vô thọ,
Bất tu tân khổ vấn Lư Năng.*

Dịch:

*1- Bảy trăm năm trước lão cổ chùy,
Tin tức định này ai biết chi.
Đâu như chiếc dép Tây quy khứ,
Sống chết uống công gổ bọc ngoài.*

2- Giấu núi trong đám cũng giấu thân,
Ấy người không ẩn đạo mới gần,
Nhấn gửi Trang Chu thôi nghĩ nghĩ,
Trong cây dâu phải phụ xu nhân.

3- Thân hữu tình chẳng phải vô tình,
Kia đây người người trong định sinh,
Đã nhận Bồ-đề vốn không cội,
Chẳng cần vất vả hỏi Lư Năng.

(Thiền Tông Tập Độc Hải – quyển 5)



Trương Văn Định Công tiên thân là thầy Tri tạng ở Lang Gia, chép kinh Lăng-già chưa xong thì chết, thế rằng đời sau sẽ chép tiếp.

Khi Trương Văn Định làm quan ở Trừ Châu đi dạo núi Lang Gia, dạo chung quanh hành lang chùa trọn không muốn rời đi, đến Tạng viện chợt cảm ngộ, chỉ hòm kinh trên rường nhà nói: “Đây là việc tiên thân tôi.” Ông sai người lay xuống, xem ra là kinh Lăng-già, chữ viết trong ấy và nét chữ hiện tại giống hệt nhau. Ông đọc đến đoạn:

*Thế gian lìa sanh diệt,
Ví như hoa trong không.
Trí chẳng thấy có không,
Mà khởi tâm đại bi.*

Liên sáng được tánh mình. Ông làm kệ:
Nhất niệm tồn sanh diệt

*Thiên cơ phước hữu vô,
Thần phong khinh cử xứ,
Thấu xuất tẩu bàn châu.*

Dịch:

*Một niệm còn sanh diệt
Ngàn cơ buộc co không,
Tên thần vừa buông nhẹ
Xuyên ngọc lẫn trên mâm.*

Về già, ông đem quyển kinh này cho cư sĩ Tô Đông Pha xem và thuật lại việc ấy. Đông Pha đề phía sau, cho khắc đá tại Kim Sơn.

(Nhân Thiên Bảo Giám)



Triệu Thanh Hiến, năm hơn bốn mươi tuổi, dẹp bỏ thanh sắc, chuyên tâm về Tổ đạo. Ông gặp thiền sư Phật Huệ Tuyên đến Nam Thiên, bèn đến thân cận. Sau ông làm quan ở Thanh Châu, khi chính sự rảnh, chỉ thích tọa thiền. Một hôm chợt nghe tiếng sấm vang, ông hoát nhiên khế ngộ, làm tụng:

*Mặc tọa công đường hư ản kỷ,
Tâm nguyên bất động trạch như thủy.
Nhất thanh tích lịch đánh môn khai,
Hoán khởi từng tiên tự gia đề.*

Dịch:

Ngồi lặng công đường thênh tựa ghế,

Nguồn tâm chẳng động lặng như nước.

Một tiếng sấm vang mở đánh môn,

Gọi dậy của nhà mình từ trước.

(Nhân Thiên Bảo Giám)



Tăng hỏi Ngưỡng Sơn Huệ Tịch:

- Pháp thân biết nói pháp chẳng?

- Ta nói không được, có người khác nói được.

- Người nào nói được?

Ngưỡng Sơn lấy tay đẩy chiếc gối ra.

Quy Sơn nghe bảo:

- Huệ Tịch dùng việc như gươm bén.

(Thiền Lâm Loại Tụ – quyển 2)



Có vị tăng hỏi Lạc Phổ:

- Nhiều tay đãi vàng, ai là người được?

- Báu xưa ở trong tay đâu nhờ đãi cát.

- Tại sao xòe tay không thấy?

- Chớ cho tiếng hạc kêu là hoàng oanh hót.

(Thiền Lâm Loại Tụ – quyển 15)



Có vị tăng hỏi thiền sư Thiện Hội ở Giáp Sơn:

- Khi vạch bụi tìm Phật thì thế nào?

- Liền phải hơi gươm, nếu không hơi gươm, ông chài ngủ nhà.

Vị tăng đem câu hỏi trên hỏi thiền sư Khánh Chư ở Thạch Sương. Thạch Sương đáp:

- Y không cỡi nước, chỗ nào gặp y.

(Thiền Lâm Loại Tụ – quyển 2)



Thiền sư Trí Thông ở trong hội Quy Tông, bỗng nhiên nửa đêm kêu “Tôi đại ngộ”. Cả chúng đều kinh hãi. Hôm sau Quy Tông thượng đường bảo:

- Vị tăng đại ngộ khi hôm đâu, ra đây xem.

Sư bước ra thưa:

- Con.

Quy Tông hỏi:

- Ông thấy đạo lý gì kêu đại ngộ, thử nói xem.

Sư thưa:

- Sư cô nguyên là người nữ.

Quy Tông lấy làm lạ. Sư từ giã ra đi.

(Cảnh Đức Truyền Đăng Lục – quyển 10)



Thiền sư Đạo Nguyên (tông Tào Động) đăng tòa cầm cây quạt nói:

Nhĩm nhĩ thiên ban xảo

Chung vô lưỡng dạng phong.

Dịch:

Mặc người ngàn thứ khéo

Dáng gió quả không hai.

Thiền sư Nghĩa Vân (cháu đời thứ tư) tiếp:

Chiêu lương kiêm ngoạn nguyệt

Chỉ tại nhất luân trung.

Dịch:

Xem trăng cùng hóng mát

Chỉ ở trong một vầng.



Có hai vị tên Viên Thứ và Viên Ngu bình sinh chuyên niệm Phật cấp thiết như cứu lửa cháy đầu, bỗng một hôm được chánh định hiện tiền. Viên Ngu đi đến Sơ Sơn yết kiến lão nhân Độc Trạm. Độc Trạm hỏi:

- Ông tu tập tông nào?
- Tông Tịnh độ.
- Phật Di-đà bao nhiêu tuổi?
- Bằng tuổi với tôi.
- Hiện nay ở chỗ nào?

Viên Ngu liền đưa tay mặt lên. Độc Trạm bảo:

- Ông thật là người tu Tịnh độ chân chánh.

(Trích lời thiền sư Bạch Ẩn – Nhật Bản)



Một thiền sư có việc xuống núi, lúc trở về gặp một cư sĩ cưỡi ngựa chạy ngang qua, cư sĩ gò cương ngựa lại hỏi:

- Thầy đi về đâu?

Thiền sư đáp:

- Tôi về đạo tràng.

- Nơi nơi đều là đạo tràng, Thầy về chỗ nào?

Thiền sư thoi vào hông cư sĩ nói:

- Kẻ vô lễ, đến đạo tràng mà không xuống ngựa.

Cư sĩ cảm hòng.

Đáp thay cư sĩ:

- *Đã bảo nơi nơi đều là đạo tràng, còn nói gì “hữu lễ vô lễ”.*



Một hôm giữa khuya, Tử Hồ ở trong phòng kêu to:

- Bắt ăn trộm! Bắt ăn trộm!

Trong lúc đêm tối mịt mù, một vị tăng chạy tới, Sư chụp vào ngực kêu to:

- Bắt được rồi! Bắt được rồi!

Tăng thưa:

- Bạch Hòa thượng, chẳng phải con.

Tử Hồ bảo:

- Phải thì phải, chỉ chẳng chịu thừa nhận.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 19)



Đại phu Lục Hoàn làm thứ sử Tuyên Châu, đến hỏi thiên sư Nam Tuyên:

- Người xưa nuôi một con ngỗng trong bình, ngỗng lớn dần chui ra bình không được. Hiện nay không được làm bể bình, làm tổn thương con ngỗng, Hòa thượng làm thế nào đem con ngỗng ra?

Nam Tuyên gọi:

- Đại phu!

Đại phu ứng thanh:

- Dạ!

Nam Tuyên bảo:

- Ra rồi!

Đại phu nhân lời này được khai ngộ, liền lễ tạ.

(Giáo Ngoại Biệt Truyền – quyển 6)



Thiên sư Lương Giới đi thăm bệnh tăng, tăng hỏi:

- Khi gió lửa ly tán thì thế nào?

- Khi đến không một vật, đi cũng mặc tình y.

- Thân đau bệnh thì sao?

- Phải biết có người chẳng bệnh.

- Thế nào là người chẳng bệnh?

- Ngộ thì không phân tác, chẳng ngộ thì cách núi đồi.

- Đường trước lại cho đoán được chăng?

- Tuy đen như sơn, thành lập ngay hiện tại.

(Thiên Lâm Loại Tự – quyển 13)



Tăng hỏi Tào Sơn:

- Mi và mắt lại biết nhau chẳng?
- Chẳng biết nhau.
- Vì sao chẳng biết nhau?
- Vì đồng ở một chỗ.
- Thế ấy thì chẳng phân?
- Mi vẫn chẳng phải mắt.
- Thế nào là mắt?
- Quả nhiên vậy.
- Thế nào là mi?
- Tào Sơn lại nghi.
- Vì sao Hòa thượng lại nghi?
- Nếu chẳng nghi tức quả nhiên rồi.

*

Thiền sư Nghĩa Vân (Nhật Bản) làm tụng:

*Đệ huynh bản thị nhất gia nhi,
Trước nhãn thanh loan triển lưỡng mi,
Thùy thức Tào Sơn đoan đích xứ,
Kinh hành tọa ngọa bất tương nghi.*

Dịch:

Anh em vốn thiệt con một nhà,

*Mắt ngắm núi xanh nhường đôi mi,
Quả nhiên Tào Sơn mấy kẻ biết,
Đi đứng ngồi nằm đều chẳng nghi.*



Thiền khách Điền Thừa đến tham vấn thiền sư Điền Duyệt (Nhật Bản) hỏi:

- Thế nào là chỗ dụng tâm của học nhân?

Điền Duyệt xòe hai bàn tay bảo:

- Mời đem tâm lại.

Điền Thừa ngơ ngác. Điền Duyệt tát vào mặt một cái bảo:

- Cần dụng cái tâm nào?

Ngay đó Sư lãnh ngộ, ở lại đây mười chín năm.

Sau Sư có làm bài kệ:

Thiên lý tâm Sư đáo Phú Xuyên,

Dụng tâm vô xứ nãi an thiền.

Bất tri kỷ cá bồ đoàn phá,

Nhất trụ phương hưu thập cửu niên.

Dịch:

Ngàn dặm tìm Thầy đến Phú Xuyên,

Dụng tâm không chỗ mới an thiền.

Chẳng biết bao nhiêu bồ đoàn rách,

Trụ được mới thôi, mười chín niên.



Tôn giả Nghiêm Dương hiệu Thiện Tín đến hỏi Triệu Châu:

- Một vật chẳng đem đến thì thế nào?

Triệu Châu đáp:

- Buông xuống đi.

- Đã là một vật chẳng đem đến, lại buông xuống cái gì?

- Buông chẳng được nên gánh lên đi.

Sư tỉnh ngộ đánh lễ. Khi Sư về ở núi, có hai con cọp và rắn thường quanh quẩn bên chân.

Sau này thiền sư Huệ Nam ở Hoàng Long làm tụng:

Nhất vật bất tương lai,

Kiên đầu đảm bất khởi.

Ngôn hạ hốt tri phi,

Tâm trung vô hạn hỷ.

Độc ác ký vong hoài,

Xà hổ vi tri kỷ.

Quang âm kỷ bách niên,

Thanh phong do vị dĩ.

Dịch:

Một vật chẳng đem đến,

Trên vai gánh chẳng kham.

Qua lời chọt biết lỗi,

Trong tâm vui vô vãn.

Lòng quên các độc ác,

Cọp rấn làm bạn thân.

Thời gian trăm năm lẻ,

Gió mát vẫn nguyên còn.

(Vân Ngọa Kỵ Đàm – quyền thượng)



Sơ Sơn đến Quy Sơn hỏi:

- Được nghe Thầy nói: “Câu có câu không như bìm leo cây”, bỗng nhiên cây ngã bìm khô, câu về chỗ nào?

Quy Sơn cười to ha hả. Sơ Sơn thưa:

- Con từ bốn ngàn dặm mang khăn gói đến, tại sao Hòa thượng lại đùa như vậy?

Quy Sơn gọi:

- Thị giả! Lấy tiền trả lại cho Thượng tọa này.

Lại dặn:

- Về sau có con rồng một mắt sẽ vì ông điếm phá.

Sau Sơ Sơn đến thiền sư Minh Chiêu thuật lại câu chuyện trước. Minh Chiêu bảo:

- Quy Sơn đáng nói là đầu chánh đuôi chánh, chỉ là chẳng gặp tri âm.

Sơ Sơn lại hỏi:

- Cây ngã bìm khô, câu về chỗ nào?

Minh Chiêu đáp:

- Nụ cười Quy Sơn lại thêm tươi.

Ngay đó Sơ Sơn tỉnh ngộ, nói:

- Hóa ra trong nụ cười Quy Sơn có dao.

*

Thiền sư Hoằng Trí tụng:

Đằng khô thọ đảo vấn Quy Sơn,

Đại tiểu ha ha khởi đẳng nhân,

Tiểu lý hữu đao khuy đắc phá,

Ngôn tư vô lộ tuyệt cơ quan.

Dịch:

Bìm khô cây ngã hỏi Quy Sơn,

Cười lớn ha ha há rộng tròn,

Dao sẵn trong cười xem được thấu,

Không đường nói nghĩ bất mưu toan.

(Hoằng Trí Thiền Sư Quảng Lục – quyển 2)



Vua Đông Ấn thỉnh chư tăng dự lễ trai tăng, trong đó có tổ Bát-nhã-đa-la. Chúng tăng ở lại kể ngôi thiền người tụng kinh, chỉ có Tổ không làm gì. Vua hỏi:

- Sao Ngài chẳng tụng kinh?

Tổ đáp:

- Bàn đạo thả vào chẳng trụ ấm giới, thả ra chẳng dính các duyên, thường tụng kinh như thế trăm ngàn vạn ức quyển.

*

Thiền sư Hoằng Trí tụng:

Vân tê ngoạn nguyệt xán hàm huy,
Mộc mã du xuân tuần bất ky.
Mi để nhất song hàn bích nhĩn,
Khán kinh na đảo thấu ngư bì.
Minh bạch tâm siêu khoáng kiếp,
Anh hùng lực phá trùng vi.
Diệu viên xu khẩu chuyển linh ky,
Hàn Sơn vong khước lai thời lộ,
Thập Đắc tương tương huề thủ quy.

Dịch:

Vân tê dạo trăng sáng rạng ngời,
Mộc mã du xuân phóng quá hay.
Dưới cặp chân mây mắt biếc lạnh,
Xem kinh đâu thấu da trâu dày.
Rõ ràng tâm siêu nhiều kiếp,
Anh hùng sức phá vòng vây.
Trong chốt diệu viên máy linh xoay,
Hàn Sơn quên mất đường khi đến,
Thập Đắc cùng về tay nắm tay.

(Hoàng Trí Thiên Sư Quảng Lục – quyển 2)



Lâm Tế dạy chúng:

- Có một vô vị chân nhân thường ra vào nơi cửa mặt các ông, người sơ tâm chưa chứng cứ hãy xem!

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là vô vị chân nhân?

Lâm Tế bước xuống giường thiền nắm đứng vị tăng. Vị tăng suy nghĩ. Lâm Tế xô ra nói:

- Vô vị chân nhân là cái gì? Que cút khô.

*

Thiền sư Hoàng Trí tụng:

Mê ngộ tương phản,

Diệu truyền nhi giản,

Xuân sách bách hoa hể nhất xuy,

Lực hồi cửu ngư hể nhất vãn,

Vô nại nê sa bát bát khai,

Phân minh tắc đoạn cam tuyên nhãn,

Hốt nhiên đột xuất tứ hoành lưu.

Dịch:

Mê cùng ngộ trái,

Diệu truyền mà giản đơn,

Mùa xuân trăm hoa chừ một thổi,

Sức kéo chín trâu chừ một lôi,

Nào nệ cát bùn vạch chẳng nổi,

Mội nước ngọt bít lấp rõ ràng,

Bát ngờ phun ra chảy như xối.

(Hoàng Trí Thiên Sư Quảng Lục – quyển 2)



Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn:

- Chợt có người hỏi: “Tất cả chúng sanh nghiệp thức mênh mang không gốc có thể tựa”, ông làm sao kinh nghiệm?

Ngưỡng Sơn thưa:

- Con có chỗ kinh nghiệm. Nếu có vị tăng đến liền gọi: Xà-lê! Tăng xoay đầu lại, bèn nói: Là cái gì? Đợi y suy nghĩ, liền bảo: Chẳng những nghiệp thức mênh mang, cũng là không gốc có thể tựa.

Quy Sơn khen:

- Lành thay!

*

Thiên sư Hoàng Trí tụng:

Nhất hoán hồi đầu thức ngã phủ,

Y hy la nguyệt hựu thành câu.

Thiên kim chi tử tài lưu lạc,

Mạc mạc đồ cùng hữu hứa sâu.

Dịch:

Một gọi xoay đầu biết ta chẳng!

Lờ mờ bóng nguyệt ngỡ lười câu.

Con ông trưởng giả vừa phiêu bạt,

Mờ mịt đường cùng lắm nỗi sầu.

(Hoàng Trí Thiên Sư Quảng Lục – quyển 61)



Có một bà già lên núi Đầu Tử hỏi thiền sư Đại Đồng:

- Nhà tôi vừa mất trâu, thỉnh Thầy bói xem?

Đại Đồng gọi:

- Bà già!

Bà ứng thanh:

- Dạ!

Đại Đồng bảo:

- Vẫn còn.

Bà già vui vẻ ra về.

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 61)



Thiền sư Cảnh Thanh đến tham vấn Huyền Sa, Sư thưa:

- Con mới đến tùng lâm, thỉnh Thầy chỉ lối vào.

Huyền Sa hỏi:

- Ông nghe tiếng nước Yển Khê chảy chẳng?

- Nghe.

- Từ đây mà vào.

Cảnh Thanh đại ngộ.



Thiền sư Bồn Như ở Thần Chiếu đến tham vấn tôn giả Pháp Trí. Sư hỏi:

- Thế nào là vua các Kinh?

Tôn giả bảo:

- Ông làm Tri khố ba năm, ta sẽ vì ông nói.

Sư vâng lệnh làm Tri khố. Mãn ba năm, lại thưa:

- Nay xin Hòa thượng nói.

Tôn giả gọi to:

- Bồn Như!

- Dạ!

Bỗng nhiên Sư khế ngộ, làm tụng:

Xứ xứ phùng quy lộ,

Đầu đầu thị cố hương,

Bản lai thành hiện sự,

Hà tất đãi tư lương.

Dịch:

Chốn chốn gặp đường về,

Nơi nơi vốn quê xưa,

Xưa nay việc bày hiện,

Nào phải đợi nghĩ suy.

(Nhân Thiên Bảo Giám)



Thủ tọa Đạo Tổ ở chùa Chiêu Giác, Thành Đô. Sư tham vấn thiền sư Viên Ngộ đã lâu, nhân vào thất hỏi “Tức tâm thị Phật” liền có tỉnh. Viên Ngộ sai Sư trợ giúp việc giáo hóa.

Một hôm chúng vào thất, Sư hỏi một thiền khách:

- Sanh tử đến làm sao né tránh?

Thiên khách không đáp được. Sư ném cây phát tử xuống an nhiên thị tịch. Chúng thấy ngơ ngác chạy báo cho Viên Ngộ hay. Viên Ngộ đến gọi:

- Thủ tọa Tổ!

Sư mở mắt. Viên Ngộ bảo:

- Phấn phát tinh thần vượt cổng đi.

Sư gật đầu, rồi tịch luôn.

(Nhân Thiên Bảo Giám)



Vua Tống Hiếu Tông đến chùa Linh Ẩn, ngự tại phương trượng. Vua thấy bức họa hình của thiền sư Phật Hải Huệ Viễn treo trên vách, liền hỏi:

- Hình của ai?

Phật Hải tâu:

- Hình bản tăng do học giả họa để xin bài tán.

Vua hỏi:

- Đây là bức họa, còn cái chân thật ở đâu?

Phật Hải cung kính tâu:

- Gió xuân mát mẻ, kính chúc Hoàng thượng muôn phúc.

Vua vui vẻ nói:

- Thiên tử vì pháp cầu người, Thiền sư quên thân vì nước.



Thiền sư Duy Tắc hiệu Thiên Như. Nhân ngày kỵ tổ Trung Phong, vì chúng phổ thuyết:

-Tổ ý giáo ý, tông thông thuyết thông, lấy gậy khêu trăng, dùng dây trói gió, đầu giống cây gậy hình núi, dữ như cọp, linh hoạt tợ rồng, ba mươi năm trước từng ở trong núi Thiên Mục, hút cạn nước biển cả, đánh ngã ngọn Tu-di. Về sau chạy trốn ẩn trong đất không âm dương, trên trời dưới đất tìm không thấy dấu vết. Hừm! Hừm! Ai nói tìm không thấy dấu vết? Chính nay thấy mặt gặp nhau.

Sư chợt đưa gậy, nói:

- Chẳng phải cái này sao?

Tương tợ na ná chẳng đồng. Nếu trong chúng có người không cam chịu chẳng ngại giệt lấy bẻ làm hai khúc, khỏi ở trước người khoác lác. Nếu không có người như thế thì bỏ qua một nước.

Dành cho người đi đêm lạc lối,

Xỏ ngang nhật nguyệt làm lông đèn.

Sư giộng gậy gọi chúng nói:

- Hôm nay ngày mười bốn tháng tám là ngày nhập Niết-bàn của hòa thượng Trung Phong Phổ Ứng quốc sư. Trong chúng có nhiều người là đệ tử của ngài, đã từng được ngài khai phát. Ngoài ra chỉ có một nhóm người sau chưa nghe chưa biết lai lịch của ngài. Hãy nghe tôi nhắc sơ lược:

Hòa thượng quê ở Tiền Đường, năm hai mươi bốn tuổi lên núi Thiên Mục xin hòa thượng Cao Phong xuất gia, tham cứu thấu rõ việc lớn sanh tử. Việc lớn sanh tử đã rõ, tuệ đời trước chóng phát, bèn đem pháp đã được giáo hóa mọi người. Ấy là bậc Tông sư truyền pháp đời thứ 18 của phái Lâm Tế. Xét ngài hai ba mươi năm làm sư tử rống, nói ngang nói dọc

khắp thiên hạ, vốn không có ý khác, chỉ vì mọi người dưới gót chân có việc lớn sanh tử mà chưa từng thấu rõ, nên không tiếc khẩu nghiệp khuyên các ông rõ đi.

Đến nay ngài Niết-bàn gần ba mươi năm, mà Sư Tử Lâm tôi mỗi năm vào ngày này vì lập tòa cao, trưng di ảnh ngài lên, hội các người đến chiêm lễ, cũng không có ý khác. Bởi muốn những người trước đã từng thấy ngài, nay lại thấy như xưa để phát đạo tâm, những người mới thấy mới nghe cũng phát đạo tâm rõ thấu sanh tử. Các ông nếu không hiểu ý này, chẳng phát đạo tâm, là các ông cô phụ bậc thiện tri thức, là các ông không biết việc lớn sanh tử. Nói các ông không biết đã là xem thường các ông. Việc sanh tử là cái gì mà không biết? Phàm có sanh quyết định có tử, sau khi tử theo nghiệp thọ báo.

Huống là trước mắt thường thấy người chết, chết rồi thiêu rồi. Cổ giáo nói:

*Ngã kiến tha nhân tử,
Ngã tâm nhiệt như hỏa,
Bất thị nhiệt tha nhân,
Khán khán hựu đáo ngã.*

Dịch:

*Ta thấy người khác chết,
Tâm ta nóng như lửa,
Chẳng phải nóng vì người,
Sắp tới lượt ta mất.*

Giống như câu nói này, tại sao không biết được? Biết thì vẫn biết, chỉ là không chịu tu hành. Nói các ông không chịu tu hành cũng là khi dễ các ông. Hiện tiền chư Đại đức phần nhiều đã từng trải giang hồ, tham vấn các bậc thiện tri thức, hạ thủ công phu tu hành chỉ là chưa đến chỗ ngàn thông trăm ổn. Lỗi tại chỗ nào? Lỗi tại chẳng dũng mãnh, chẳng tinh tấn, chẳng kiên cố, chẳng lâu dài, tạm thời phát tâm nhận chịu, chưa bao lâu lại thối lui. Sở dĩ nói: “Phật pháp không nhiều, người bền lâu khó có, học đạo như tâm ban đầu, thành đạo có thừa, trước sau chẳng đổi, thật là đại trượng phu.” Như hiện nay có được mấy người trước sau chẳng đổi? Thường thường năm cặp thì mười người thối đạo tâm. Xét lý do thối tâm của họ, mỗi người có sự ràng buộc riêng. Chỗ ràng buộc có ba thứ:

Thứ nhất, không luận tăng tục nam nữ mỗi mỗi đều bị thân khẩu ràng buộc.

Kế là, người có quyền thuộc bị quyền thuộc ràng buộc.

Thứ ba, người có gia nghiệp bị gia nghiệp ràng buộc.

Ba thứ ràng buộc này ràng buộc tất cả người. Tất cả người đời bị ba thứ ràng buộc này mà bận rộn hết một đời, ồn náo hết một đời, khổ lụy suốt một đời, vô ích một đời qua sông một đời. Huống là nhân ba thứ ràng buộc này khởi lên vô lượng tham sân si, tạo vô lượng nghiệp ác lớn nhỏ. Do nghiệp báo này rơi trong khổ hải tam đồ bát nạn, sanh tử luân hồi chịu vô lượng khổ não không được giải thoát. Tuy chịu vô lượng khổ não chỉ là trước sau không tỉnh, cái khổ chẳng tỉnh ấy bởi họ không ngộ vậy. Chẳng ngộ cái gì? Là

chẳng ngộ thân thể, quyến thuộc, gia nghiệp... đều không phải là của mình.

Như hiện nay nói thân thể chẳng phải là ông, ông còn chưa tin. Sơn tăng dứt khoát sẽ vì ông nói rõ từ đầu. Ban đầu ông vào trong thai mẹ, khi vào thai chỉ riêng một cái thần thức, đâu từng có thân thể đến. Thân thể này là do tinh cha huyết mẹ kết hợp mà thành, chỉ là một khối thịt không có tri giác, chẳng biết đau chẳng biết ngứa, chẳng biết lạnh chẳng biết nóng, chẳng biết đói chẳng biết no, chẳng biết khổ chẳng biết vui. Nhân thức thân của ông gá vào khối thịt ấy, từ đây biết đau ngứa, biết lạnh nóng, biết đói no, biết khổ vui. Đến khi ra khỏi thai liền nhận lấy nó gọi là thân ta. Nếu nói thân không phải của ta, quyết định chẳng tin.

Bởi thế, Phật tổ thương xót đáng miệng nói với các ông: “Cái này không phải thân của ông, nó là cái dầy da thối do tinh huyết kết thành, chẳng thuộc ông quản lý, chẳng do ông sắp đặt, cho đến sanh già bệnh chết chẳng do ông xử phân!” Vì sao biết như vậy? Vả như buổi đầu ông đi vào thai mẹ, bảy ngày một phen đổi, dần dần sanh trưởng. Nào là ngũ tạng lục phủ, bách hài cửu khiếu, tứ chi lục căn, gân xương da thịt từ từ thành hình, đến khi ra khỏi thai đều là do gió nghiệp thổi, sức nghiệp điều khiển, ông hoàn toàn không hiểu không biết, đâu từng do ông sắp đặt. Sau khi sanh ra nuôi lớn đến ba bốn mươi tuổi, tóc bạc răng lay, da nhăn mặt vàng, dần dần biến đổi, dần dần già đến. Già suy trước đến, bệnh theo đó đến. Bệnh đã đến, chết liền theo sau. Biến hoại như thế, mỗi mỗi đều chẳng do ông, ông vốn chẳng mong như thế làm sao quản lý được nó?

Huống nữa, ông từ sanh đến chết trên cái dĩa da thối này, đã dùng bao nhiêu thứ ân ái tình nghĩa, bao nhiêu thứ bảo dưỡng nó, bao nhiêu thứ gìn giữ nó, bao nhiêu thứ thuốc thang điều trị nó, mà nó lại quên ơn phụ nghĩa. Như thế nó lại bị người ghét. Vì sao bị người ghét? Như tháng mùa hè nóng bức, có người khỏe mạnh, chợt vừa chập tối phát bệnh cấp bách, sau đó liền tắt thở. Tắt thở đến khoảng giữa đêm, mùi hôi xông đến những người bên cạnh, họ vội vàng dùng quan tài đựng rồi đặt lại, chưa đến sáng đã gấp gấp đem đi thiêu. Dù là những người quyến thuộc chí thân chí ái cũng không cho để lại lâu. Lấy đây mà xét, hôm qua mới chiều còn là người mạnh, hôm nay sớm thành một nắm xương tro, không biết thức thân của họ đã đi về đâu? Sự đổi thay nhanh chóng này trọn chẳng do ông. Đã là thân thể của ông lý đáng phải do ông quản lý. Đã chẳng do ông quản lý, tại sao vọng nhận nó là thân của ông, từ đó bị nó ràng buộc làm lui sụt đạo tâm?

Quyến thuộc của ông cũng thế, họ và ông đồng mang một dĩa da thối, họ và ông đều chẳng tự do, họ và ông đều quản lý chẳng được, cơn vô thường đến họ và ông đều chẳng thể thay nhau. Ngày thường trước mắt họ và ông bị ân tình ràng buộc gọi là quyến thuộc, sau khi nhắm mắt thì ông và họ không còn biết nhau. Thế mà tại sao vọng nhận họ làm quyến thuộc, bị họ ràng buộc phải thối thất đạo tâm?

Gia nghiệp của ông cũng vậy, khi còn khỏe mạnh tính toán kinh doanh quý tiếc giữ gìn, cho là sẽ thọ dụng trăm ngàn muôn năm. Ai biết một hơi thở chẳng hít vào thì một mảy tơ đem đi chẳng được. Tại sao lại nhận gia nghiệp của

ông, bị nó trói buộc phải thối thất đạo tâm? Đã trải qua nhiều đời bị cái gì sai khiến đó ư?

Hôm nay quý vị đã nghe lời này, cần phải hồi quang chiếu phá, tự tỉnh ngộ ba thứ ràng buộc trên đây, chớ nhận chớ luyến chớ tham đắm, giữ phận an định hồn nhiên qua ngày. Lại phải xoay lại niệm đầu, nhằm trên việc sanh tử phấn phát dũng mãnh tinh tấn tìm đến chỗ sáng tỏ. Gần đây trong chúng có nhiều người ngu muội, thường thường do tâm nhỏ hẹp sanh kiến chấp đoạn diệt.

Họ cho rằng lìa ngoài ba thứ trên thì không có chỗ nương tựa, do đó trước mắt buông xả chẳng được. Sao không nghĩ thái tử Tất-đạt-đa sanh trong vương cung, thân đủ ba mươi hai tướng tốt, lấy chủng tộc tôn quý làm quyến thuộc, lấy giàu sang trên thiên hạ làm gia nghiệp, so với các ông hơn kém nhiều ít? Thế mà thái tử Tất-đạt-đa trọn không quyến luyến, một hôm bỏ ân cất ái, cạo tóc hủy hình, trốn vào chốn sâu trong núi Tuyết, thân thể đói khát gân cốt nhọc nhằn, khổ hạnh đến sáu năm để cầu Phật đạo. Sau khi thành đạo quả báo theo đó, ở trong hội Hoa Nghiêm trên tòa trang nghiêm bách bảo, hiện thân tôn đặc công đức vô tận tự tha thọ dụng, ấy là Báo thân. Bốn mươi một vị, mỗi vị có vô lượng vi trần số pháp thân Bồ-tát vây quanh thưa hỏi, ấy là Quyến thuộc. Vô biên thế giới Hoa Tạng Hải lớp lớp không cùng lẫn nhau không ngại, đó là Báo độ. Do nơi quả mà xét đến nhân, bởi ngài sớm tỉnh ngộ, phát đại dũng mãnh, dẹp bỏ ba thứ nghiệp ràng buộc, cần khổ tu hành nên hay cảm ba thứ quả báo thù thắng này. Giả sử khi ngài ở vương cung, tham luyến việc trước mắt buông bỏ chẳng được thì đâu có được quả báo trang nghiêm thù thắng như thế. Việc này mỗi người đều có

phần, mỗi người đều làm được, bỏ được liền làm được chẳng thiếu một mảy tơ. Kể sợ rơi vào Không, phải thấy rõ chỗ này mà thâm tỉnh.

Duy Tắc tôi nhân ngày kỵ Tiên sư, chúng thỉnh phổ thuyết, từ chối không được, bắt đắc dĩ mượn tòa Tiên sư vì chúng nêu bày. Tự hổ thẹn bất tài không thể niêm tụng cơ duyên cổ kim, đề trì cương yếu hướng thượng, lại nói ba hoa thao thao, phát ra bao nhiêu lời cạn cọt quê mùa, làm nhục Tiên sư, làm trò cười cho hàng tác gia. Tuy nhiên, nếu là tác gia thì chẳng nên cười, vì:

Một bản nhạc đồng quê,

Vui buồn người tự khác.

(Sư Tử Lâm Thiên Như Hòa Thượng Ngũ Lục – quyển 9)



Thiên sư Lương Giới ở Động Sơn.

Thư từ biệt cha mẹ, lược đại ý:

Được nghe chư Phật ra đời đều do cha mẹ mà có thân, muôn loài sanh trưởng thảy nhờ trời đất che chở. Cho nên không có cha mẹ thì chẳng sanh, không có trời đất thì chẳng trưởng, thảy nhờ ơn dưỡng dục, đều thọ đức che chở.

Song mà, tất cả hàm thức, vạn tượng hình nghi đều thuộc vô thường, chưa lìa sanh diệt. Tuy ơn bú sù nặng nề, công nuôi dưỡng sâu thẳm, nếu đem của cải thế gian phụng dưỡng trọn khó đáp đền, dùng máu thịt dâng hiến cũng không được bền chắc. Trong Hiếu Kinh nói: “Dù một ngày giết đôi ba con vật để cung hiến cha mẹ vẫn là bất hiếu. Vì sẽ lôi nhau vào vòng trầm luân chịu muôn kiếp luân hồi.” Muốn đền ơn sâu

dày của cha mẹ đâu bằng công đức xuất gia. Vì sẽ cắt đứt dòng sông ái sanh tử, vượt qua khỏi biển khổ, đáp ơn cha mẹ ngàn đời, đền công từ thân muôn kiếp, bốn ơn ba cõi thảy đều đền đáp. Kinh nói: “Một đứa con xuất gia, chín họ đều sanh lên cõi trời.” Con thệ bỏ thân mạng đời này, chẳng trở về nhà, đem căn trần muôn kiếp chóng tỏ sáng Bát-nhã.

Cúi mong cha mẹ mở lòng hỷ xả, ý chớ trông mong, học theo gương phụ vương Tịnh Phạn và thánh mẫu Ma-da. Hẹn đến sau kia sẽ gặp nhau trong hội Phật, còn hiện nay cam chịu lìa nhau. Con chẳng phải quên ơn dưỡng dục, chỉ vì “thời giờ chẳng đợi người”. Cho nên nói: “Thân này chẳng hướng đời này độ, lại đợi đời nào độ thân này?”

Xin cha mẹ lòng chớ nhớ mong.

Tụng rằng:

*Vị liễu tâm nguyên độ số xuân,
Phiên ta phù thế mạn thuân tuần,
Kỷ nhân đắc đạo Không môn lý,
Độc ngã yêm lưu tại thế trần.
Cẩn cụ xích thư từ quyến ái,
Nguyên minh đại pháp báo từ thân,
Bất tu sái lệ tần tương ước,
Thí tự đương sơ vô ngã thân.*

Dịch:

*Chưa rõ nguồn tâm qua mấy năm,
Thương thay mê mãi luống trì trầm,*

*Cửa Không đã lăm người đắc đạo,
Riêng ta trì trệ ở trong trần.
Xin viết thư này từ cha mẹ,
Nguyện thông đại pháp báo từ thân,
Chớ nên rơi lệ thường thương nhớ,
Xem tội buổi đầu con không thân.*

Thư sau

Con từ lìa cha mẹ chống tích trượng đạo phương Nam, tháng ngày trôi qua thoáng chốc mười năm, trên đường con đã trải qua muôn dặm.

Cúi mong mẹ đem hết tâm ý hướng về Phật pháp, đừng ôm ấp tình ly biệt, chớ đứng tựa cửa trông con. Mọi việc trong nhà tùy thời sắp đặt, việc nhiều thì phiền não thêm nhiều. Phần anh thì nên tận tâm hiếu thuận, học đòi gương Vương Tường nằm giá, còn em thì hết sức bắt chước Mạnh Tông khóc măng. Phàm người ở đời phải biết tu thân hiếu để mới hợp lòng trời. Kẻ làm tăng trong cửa không thì mộ đạo tham thiền để đáp ơn cha mẹ.

Ngày nay hai đường xa cách muôn sông ngàn núi, mượn giấy mực viết vài hàng để tỏ bày tác dạ.

Tụng rằng:

*Bất cầu danh lợi bất cầu Nho,
Nguyện nhạo Không môn xả tục đồ.
Phiền não tận thời sâu hỏa diệt,
Ân tình đoạn xứ ái hà khô.*

*Lục căn giới định hương phong dẫn,
Nhất niệm vô sanh tuệ lực phò.
Vị báo Bắc đường hưu trưởng vọng,
Thí như tử liễu thí như vô.*

Dịch:

*Chẳng cầu danh lợi, chẳng cầu Nho,
Ưu thích cửa Không bỏ thế đồ.
Phiền não hết rồi lửa sâu tắt,
Ân tình dứt bật, sông ái khô.
Sáu căn giới định gió thơm cuốn,
Một niệm vô sanh sức tuệ phò.
Xin nhắc mẹ già thôi buồn ngóng,
Ví con đã chết, ví như không.*

Thư gửi mẹ

Mẹ cùng con đời trước có nhân duyên mới kết thành tình mẹ con. Kể từ ôm thai trong lòng, sớm chiều cầu thần khẩn Phật nguyện sanh được con trai. Thai bào đủ tháng mạng sống chỉ mảnh, sanh con được toại nguyện quý như châu bảo. Không nề phân uế hôi hám, chẳng ngại bú sù nhọc nhằn. Con vừa thành người dắt đến trường học tập. Hoặc khi con đi chơi về trễ, mẹ tựa cửa trông mong.

Con viết thư về quyết xin xuất gia. Cha đã mất, mẹ già, anh yếu em nghèo nàn, mẹ trông cậy vào ai?

Con có ý bỏ mẹ, chớ mẹ nào có tâm quên con. Từ khi con cất bước tha phương, ngày đêm mẹ thường rơi lệ. Khổ thay! Khổ thay!

Nay con lại thệ chẳng về quê, mẹ cũng tùy chí nguyện của con. Mẹ không dám mong con như Vương Tường nằm giá, Đinh Lan khắc cây, chỉ mong con như tôn giả Mục-liên độ mẹ thoát khỏi trầm luân tiến lên Phật quả. Nếu mẹ không như vậy e phải có tội. Con cần phải giải quyết cho xong.

(Quân Châu Động Sơn Ngộ Bản Thiên Sư Ngũ Lục)



Hòa thượng Say

Thượng tọa Pháp Minh ở chùa Khai Nguyên - Hình Châu, là đệ tử thiên sư Báo Bản Hữu Lan dòng Vân Môn, chưa bao lâu thâm được pháp nhãn. Sau trở về quê, thích lang thang, thường uống rượu đánh bạc, mỗi lần quá say hát mấy bài Liễu từ, ngày nào cũng thế, dân làng xem thường Sư. Được mời thọ trai Sư cự, mời uống rượu Sư vui. Hơn mười năm như vậy, mọi người đều gọi là Hòa thượng Say. Một hôm Sư bảo chúng trong chùa:

- Sáng mai ta sẽ đi, các ông đừng đi đâu.

Chúng cười thâm. Sáng hôm sau, Sư đắp y lên tòa kêu to:

- Ta đi đây! Nghe ta nói kệ.

Chúng chạy ào đến xem. Sư nói:

Bình sinh túy lý diên quyết,

Túy lý khước hữu phân biệt,

Kim tiêu tửu tỉnh hà xứ?

Dương liễu ngạn, liễu phong tàn nguyệt.

Dịch:

Bình sinh say sưa té ngã,

Trong say lại có phân biệt,

Tối nay rượu tỉnh đi đâu?

Bờ dương liễu trắng tàn gió sớm.

Nói xong Sư ngồi yên thị tịch, tối lay thì đã đi rồi.

(Phật Tổ Cương Mục – quyển 37)



Lưu đạo giả. Sư hiệu Tu Diễn ở chùa Đông Sơn - Dự Chương. Sư đặc pháp với Thạch Môn Khiêm, có kệ rằng:

Vị ngộ chi nhật yếu tham thiên,

Nhất kiến Thạch Môn tiện thả nhiên.

Mông sư chỉ cá chân tiêu tức,

Phương tri diêm hàm thố thị toan.

Dịch:

Ngày chưa ngộ đạo cần tham thiên,

Gặp Thạch Môn rồi liền thả nhiên.

Nhờ sư chỉ rõ tin tức thật,

Mới hay muỗi măn giấm chua lành.

Từ đó Sư chuyên tu hạnh đầu-đà, mùa hạ ban đêm thường cởi trần để bố thí máu cho muỗi. Có người đem y cúng dường Sư, Sư cúng cho vị khác. Sư làm kệ:

*Tứ thập niên lai thường tiến túc,
Bất thế đầu hề bất tháo dục,
Quận quan vị ngã hoán y sam,
Chỉ khùng bình sinh nguyện bất túc.*

Dịch:

*Bốn chục năm liền thường chân trần,
Chẳng cạo đầu chừ chẳng tắm thân,
Quan quận vì tôi đổi chiếc áo,
Chỉ ngại chẳng đủ nguyện bình sinh.*

Sau Sư ngời kiết già thị tịch và nhập tháp nguyên trạng.

(Vân Ngộ Kỷ Đàm – quyển thượng)



Tăng hỏi Triệu Châu:

-Được nghe Hòa thượng thân thấy Nam Tuyền phải không?

Triệu Châu đáp:

-Trấn Châu sản xuất củ cải to.

Quốc sư Nhất Sơn bình:

*La bạch thân tăng xuất Trấn Châu,
Môn tiên thiên cổ lộ du du,
Triêu triêu mộ mộ nhân lai khứ,
Kỷ cá thân tăng đáo địa đầu.*

Dịch:

*Củ cải chính từng xuất Trấn Châu,
Đường xưa trước cửa tít xa mù,
Chiều chiều sớm sớm người qua lại,
Mấy ai từng đến chốn này đâu!*

(Nhất Sơn Quốc Sư Ngũ Lục – quyển thượng)



Quốc sư Phật Quang Viên Mãn Thường Chiếu, năm Ất Hợi rũ áo về chùa Năng Nhân núi Nhạn Đăng, Ôn Châu. Năm sau, quân Nguyên kéo đến, chúng đều chạy hết. Sư không đi, một mình ngồi trong chùa. Quân Nguyên lấy dao kê cổ, thân sắc Sư không thay đổi, liền nói kệ:

*Càn khôn vô địa trác cô cung,
Hy đắc nhân không pháp diệt không,
Trân trọng Đại Nguyên tam xích kiếm,
Diễn quang ảnh lý trảm xuân phong.*

Dịch:

*Không đất cấm dùi khắp càn khôn,
Mừng được người không pháp cũng không,
Xin thỉnh Đại Nguyên ba thước kiếm,
Trong ánh chớp lòe chém xuân phong.*

Quân Nguyên nghe xong, hối hận rút lui.

(Phật Quang Quốc Sư Ngũ Lục – quyển 9)



Thiền sư Mân ở Viên Thông, Nội hàn Phạm Công đến viếng Sư, Nội hàn than:

- Tuổi sắp già rồi, rơi vào hàng quan lại, cách việc này hơi xa.

Sư liền gọi:

- Nội hàn!

Ông ứng thanh:

- Dạ!

Sư bảo:

- Đâu có xa.

Ông vui mừng nói:

- Xin Thầy chỉ dạy thêm.

Sư nói:

- Đây cách Hồng Đô bốn chặng đường.

Nội hàn suy nghĩ, Sư bảo:

- Thấy thì liền thấy, suy nghĩ là sai.

Nội hàn rất vui, từ đây có chỗ vào.

*

Gián nghị Bành Nhữ Lâm chép kinh Quan Âm đến tặng Sư, Sư đưa lên hỏi:

- Cái này là kinh Quan Âm, cái nào là kinh Gián nghị?

Bành thưa:

- Đây là chính tôi chép.

Sư bảo:

- Chép là chữ, cái nào là Kinh?

Bành cười thưa:

- Lại hiểu không nổi.

Sư bảo:

- Liên hiện thân tế quan mà vì nói pháp.

Bành thưa:

- Người người có phần.

- Chớ chê bai Kinh.

Bành thưa:

- Thế nào là phải?

Sư đưa quyển Kinh lên chỉ ông. Bành vỗ tay cười to nói:

- À!

Sư bảo:

- Vậy mà nói chẳng hiểu nổi!

Bành đánh lễ.

(Tùng Lâm Thanh Sự – quyển thượng)



Lược truyện Phó đại sĩ

Phó đại sĩ còn gọi là Thiện Huệ đại sĩ. Ngài sanh ngày mừng 8 tháng 5 năm Đinh Sửu, nhằm niên hiệu Kiến Võ năm thứ tư (497 TL) nhà Tề, trong gia đình Phó Tuyên Từ ở làng Song Lâm, làm nghề nông. Ngài tên tục là Hấp, me họ Vương.

Năm mười sáu tuổi, ngài thành hôn với con gái nhà họ Lưu là Diệu Quang. Sau này sanh hai người con trai là Phổ Kiến và Phổ Thành.

Năm hai mươi bốn tuổi, Đại sĩ gặp vị tăng ở Ấn Độ hiệu Tung Đầu-đà bảo ngài rằng:

- Tôi cùng ông đã phát thệ nguyện độ sanh thời Phật Tỳ-bà-thi, nay ở cung Đầu-suất y bát hiện còn, đến bao giờ mới trở về?

Vị tăng liền bảo ngài đến bờ hồ xem bóng sẽ thấy. Ngài xem thấy bảo cái và vòng hào quang của mình, liền ngộ nhân duyên trước. Ngài cười nói với Đầu-đà:

- Trong lò rèn còn nhiều sắt thô, cửa thầy thuốc còn nhiều con bệnh, độ sanh là việc gấp, đâu rảnh mà nghĩ cái vui kia.

Đầu-đà chỉ chỗ hai cây cao vót trên núi Tùng, bảo:

- Nên ở chỗ đó.

Đại sĩ liền dẫn cả gia đình vào núi Tùng, dưới hai cội tùng lớn cất am để hiệu là “Song Lâm thọ hạ đương lai giải thoát Thiện Huệ đại sĩ”. Ở đây Đại sĩ cùng gia đình trồng tía lầy mà ăn, ngày làm đêm tu, suốt bảy năm như thế.

Một hôm Đại sĩ đang ngồi yên bỗng thấy ba đức Phật: Phật Thích-ca, Phật Kim Túc, Phật Định Quang từ phương đông đi đến phóng hào quang sáng như ban ngày. Đại sĩ lại thấy hào quang trên trời tụ hợp xung quanh ngài. Từ đây về sau có khi Đại sĩ bảo đồ chúng: “Ta được Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội” hoặc “ta được Vô lậu trí”. Tăng tục bốn phương nghe tiếng lần lượt kéo đến tụ tập rất đông. Am này trở

thành ngôi già-lam sung thịnh. Đại sĩ giáo hóa bà Diệu Quang và hai người con đều xuất gia làm tăng.

Đến giữa niên hiệu Đại Thông thứ sáu (534 TL) nhà Lương, Đại sĩ đến triều kiến vua Lương Võ Đế. Một hôm vua thỉnh Đại sĩ giảng kinh Kim Cang. Đại sĩ vừa đăng tòa liền cầm thủ xích võ trên bàn một cái rồi xuống. Nhà vua ngạc nhiên. Chí Công tâu:

- Bệ hạ hội chăng?

Vua nói:

- Chẳng hội.

Chí Công tâu:

- Đại sĩ giảng Kinh xong.

*

Một hôm Đại sĩ đầu đội mũ Đạo sĩ, thân mặc ca-sa, chân mang giày Nho đi vào triều. Vua hỏi:

- Là Tăng ư?

Đại sĩ chỉ cái mũ. Vua hỏi:

- Là Đạo sĩ ư?

Đại sĩ chỉ đôi giày. Vua hỏi:

- Là thế tục ư?

Đại sĩ chỉ ca-sa.

Niên hiệu Thái Kiến năm đầu (569 TL) nhà Trần, ngày 24 tháng 4, Đại sĩ quy tịch, thọ 73 tuổi. Những tác phẩm còn lưu lại là: Tứ Thời Thi, Tâm Vương Minh, Hoàn Nguyên Thi, Phù Âu Ca, Hành Lộ Nan, Hành Lộ Dị...

*

Kệ tụng của Phó đại sĩ

*Dạ dạ bảo Phật miên,
Triêu triêu hoàn cộng khởi,
Khởi tọa trấn tương tùy,
Ngũ mặc đồng cư chỉ.
Tiêm hào bất tương ly,
Như thân ảnh tương tự,
Dục thức Phật khứ xứ,
Chỉ giá ngũ thanh thị.*

Dịch:

*Đêm đêm ôm Phật ngủ,
Sáng sáng cùng Phật dậy,
Đứng ngồi thấy theo nhau,
Nói nín đồng tư thái.
Mảy may cũng chẳng rời,
Dường như hình bóng vậy,
Muốn biết chỗ Phật đi,
Chỉ nơi ngôn ngữ ấy.*

*

Kệ pháp thân

*Không thủ bả sừ đầu,
Bộ hành kỳ thủy ngư,*

*Nhân từng kiêu thượng quá,
Kiêu lưu thủy bất lưu.*

Dịch:

*Tay không cầm cán mai,
Đi bộ lưng trâu ngồi,
Người trên cầu qua lại,
Cầu trôi nước chẳng trôi.*

(Phật Tổ Cương Mục – quyển 27, 28)

*

Kinh Kim Cang, Phật nói: “Tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp.”

Phó đại sĩ tụng:

*Độ hà tu dụng phiệt,
Đáo ngạn bất tu thuyền,
Nhân pháp tri vô ngã,
Ngộ lý cự lao thuyền.
Trung lưu nhưng bị nịch,
Thùy luận tại nhị biên,
Hữu vô như thủ nhất,
Tức bị ô tâm điên.*

Dịch:

*Qua sông, bè phải có,
Đến bờ chẳng dùng thuyền,*

*Nhân - pháp biết vô ngã,
Ngộ lý nhọc gì bàn.
Giữa dòng vẫn bị đắm,
Ai luận tại hai bên,
Có - không nếu giữ một,
Liên bị nhơ tâm điên.*
(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 18)



Tán dương công đức Lục Tổ và khánh chú phục hưng chùa Nam Hoa

Đại sư Thái Hư

Tôi vừa sang Quảng Châu liền đến Tào Khê, có hai ý:

1. Đến chiêm lễ nhục thân Lục Tổ.
2. Đến khánh chú đạo tràng Lục Tổ trùng hưng.

Nhân vì từng lâm Thiên tông do một phái Tào Khê truyền khắp thiên hạ, như Thiên tự ở Nhật Bản, Cao Ly đều là Tổ tông nơi Tào Khê. Nhưng từ Lục Tổ về sau, chùa Nam Hoa ở Tào Khê thời gian hưng thịnh thì ngắn, thời gian suy tàn thì dài. Đời Minh đã được đại sư Hám Sơn trùng hưng, hiện nay lại có hòa thượng Hư Vân đến dự định chấn hưng, thật là thịnh hội ngàn năm khó gặp!

Cho nên tôi đến chiêm lễ nhục thân Lục Tổ, đồng thời cũng đến khánh chú đạo tràng Lục Tổ phục hưng. Bởi thế tôi đến đây thật là hướng Hòa thượng và các vị Thủ lãnh chức sự chúc mừng, vốn không có pháp gì để nói. Nhân tại tòa có

một số người mới phát tâm thọ giới và tín chúng tại gia các nơi tụ về, đồng nhóm họp tại đạo tràng chân thân Lục Tổ, thật là có nhân duyên thù thắng, cho nên tưởng cũng cần tán thán một điểm quan hệ công đức Lục Tổ, để khởi xướng.

Tại thời Lương Võ Đế, ở Ấn Độ có Trí Dược Tam Tạng đi đường biển sang miền Nam. Trước đây, các học giả Ấn Độ sang Trung Quốc phần lớn đều đi đường Tây Bắc mà đến. Đi từ Nam Hải đến, chỉ có Khương Tăng Hội vào thời Tam quốc, sau này e chỉ có Trí Dược Tam Tạng mà thôi. Trí Dược Tam Tạng lưu nhiều linh tích tại Quảng Đông, trước là trồng một cây bồ-đề tại chùa Quang Hiếu ở Quảng Châu, dự đoán rằng: “Sau một trăm bảy mươi năm sẽ có nhục thân Bồ-tát thể phát thọ giới tại đây.” Sau ngài đến Tào Khê uống nước có vị thơm, liền tìm đến chỗ này lập ngôi chùa Bảo Lâm, cùng ghi lời tiên tri rằng: “Một trăm bảy mươi năm sau có nhục thân Bồ-tát ở đây khai diễn thượng thừa, độ vô lượng chúng, truyền Phật tâm ấn.”

Ở đây nói nhục thân Bồ-tát là Lục Tổ đại sư, trên Phật giáo sử đã sớm chứng thực rồi. Chúng ta nhằm trên công đức hành sự một đời của Lục Tổ, cũng đủ xác tín ngài là một vị đại Bồ-tát ứng thế. Có nhiều người thường cho Lục Tổ xuất thân là một tiểu phu dốt nát, bèn cho là Phật giáo hoàn toàn xa lìa văn tự, vì Lục Tổ chẳng cần văn tự mà thông suốt Phật lý. Đâu chẳng biết Lục Tổ tùy thời cơ thị hiện như thế, quyết không phai là dốt nát, mà đã thành tựu vô lượng ngôn ngữ văn tự tam-muội đà-la-ni, không phải những người bác học đa văn, thế trí biện thông ở thế gian có thể so sánh được. Điều này từ chỗ nào để chứng minh? Như trong kinh Pháp Bảo Đàn nói: “Nghe ni Vô Tận Tạng tụng kinh Niết-bàn, liền

biết diệu nghĩa.” Lại nghe Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa đến khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, liền suốt được áo chỉ. Nếu chẳng phải đã sâu trông gốc công đức, trí tuệ như biển thì làm sao được như vậy? Lại ngài nghe người tụng kinh Kim Cang, liền hoát nhiên khai ngộ, cũng là một loại phương pháp ứng cơ thị hiện, vì khi ấy kinh Kim Cang được phổ biến hoằng thịnh ở đời, do đó ngài đến tham lễ Ngũ Tổ, vừa nghe kinh Kim Cang liền khai ngộ. Vì thế, chẳng những ngài truyền Phật tâm ấn, và cũng truyền trì pháp tạng, không riêng gì Lục Tổ như thế, mà từ Ca-diếp về sau đều như vậy cả.

Lại kinh luận Đại Tiểu thừa, tinh mật vi diệu nhất không qua các bộ kinh luận Duy thức, như các kinh Lăng-già, Thâm Mật, Hoa Nghiêm cũng đều như thế, mà bốn quyển Lăng-già truyền Phật tâm ấn, là từ Sơ tổ Đạt-ma trải qua các đời trao truyền. Trong kinh Pháp Bảo Đàn nói: “Có Tỳ-kheo Trí Thông thường xem kinh Lăng-già đến hơn ngàn lần, mà không hiểu tam thân tứ trí, lễ Sư cầu giải nghĩa này.” Khi ấy, Lục Tổ liền vì ông giải đáp: “Ba thân ấy, thanh tịnh pháp thân là tánh của ông, viên mãn báo thân là trí của ông, thiên bá ức hóa thân là hạnh của ông.” Sơ sài vài câu thế ấy, liền bao trùm được nghĩa tam thân trong tất cả các kinh luận đã nói không sót. Bởi ngài ngay Người hiện tại rõ ba thân, nên nói: “Nếu lìa bản tánh riêng nói ba thân, liền gọi là thân không trí.” Vì từ bản nhân mà nói ba thân, mới hiển bày Phật pháp bình đẳng. Học Phật là việc bốn phận của mỗi người. Nếu không từ tự tánh nói ba thân thì, ba thân dường như hoàn toàn thuộc trên Phật quả của người khác mà có, đâu không phải chính ta lại vô phần hay sao? Cho nên khảo sát

chư cô đức đối kinh luận giải nghĩa ba thân, chưa có vị nào nêu bày sáng sủa bằng.

Trí Thông đã rõ Tam thân, liền hỏi nghĩa Tứ trí thế nào? Tổ bảo: “Đã hiểu ba thân liền rõ tứ trí, nếu là ba thân riêng nói tứ trí, đây gọi là có trí không thân.” Đó là hiển bày lý thân trí không hai, cùng với Thành Duy Thức luận, Phật Địa Kinh luận nói lý tam thân tứ trí rất giống nhau. Bởi vì pháp thân tức là lý thể pháp thân thành tựu. Thành Duy Thức luận nói: “Trong phần tứ trí công đức chân thật, Cảnh trí khởi lên thường khắp sắc thân, nhiếp tự thọ dụng. Bình đẳng trí hiện ra Phật thân, nhiếp tha thọ dụng. Thành sự trí hiện ra các thứ thân tướng tùy loại, nhiếp biến hóa thân.” Trong đây đã nói rõ sự xen lẫn quan hệ của Tam thân và Tứ trí, đến như diệu dụng của Diệu quan sát trí tức là xem cơ nói pháp. Cho nên biết Tam thân chẳng là Tứ trí, Tứ trí chẳng rời Tam thân, nghĩa này rất sâu!

Phật thường tự nói: “Ta đối phàm ngu chẳng khai diễn”, mà bị Lục Tổ mấy câu phá xong. Nên biết Lục Tổ là bậc đại thánh Bồ-tát ứng hiện, nếu thật là người dốt nát thì làm sao đối với học lý cao thâm của Duy thức mà có trình độ thấy được như thế? Vả lại, ngài còn nói kệ tụng giản lược rõ ràng và khái quát thâm nghĩa chuyển thức thành trí. Kệ rằng:

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,

Bình đẳng tánh trí tâm vô bệnh,

Diệu quan sát trí kiến phi công,

Thành sở tác trí đồng Viên cảnh.

Ngũ bát, lục thất quả nhân chuyển,

Đản chuyển danh ngôn vô thật tánh,

Nhược năng chuyển xứ bất lưu tình,

Phôn hưng vĩnh xứ Na-già định.

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh là, khi thức thứ tám a-lại-da đến quả vị Phật chuyển thành Đại viên cảnh trí, liền xả bỏ hết tất cả pháp sanh tử hữu lậu và vô lậu, cùng pháp giới bình đẳng thanh tịnh tương ưng, vô lậu hữu vi vô vi được tròn sáng triệt để. Song pháp giới thanh tịnh vẫn là tự tánh sẵn vậy, chúng sanh Phật bình đẳng, mà chúng sanh mê nên ở trong đó vọng có sanh tử điên đảo lưu chuyển, vì chư Phật ngộ liền tương ưng như như, chuyển thành Đại viên cảnh trí, *pháp thân cứu cánh thanh tịnh*.

Bình đẳng tánh trí tâm vô bệnh là, chúng sanh chúng ta sở dĩ có các thứ bệnh sanh-già-bệnh-chết, nó kết tụ bởi “vô minh, hữu ái”. Trong kinh Duy-ma-cật nói: “Vô minh, hữu ái này thật là căn nguyên các bệnh của thân tâm.” Nói rộng ra, thức thứ bảy luôn luôn tương ưng với ngã si, ngã ái, ngã kiến, ngã mạn bốn thứ căn bản phiền não. Bởi vì thức mật-na thứ bảy ở nhân địa nhiễm ô, mê muội không có trí, thường thường chấp kiến phần thức thứ tám làm tự nội ngã, đây là cái ngã si mà người ngu không thể đạt đến, do ngu si không rõ chân thức thứ tám, vọng khởi chấp ngã kiến, y đó liền khởi tham trước nên có ngã ái, bởi ngã ái nên cao mình lấn người, thành có ngã mạn. Do bốn thứ phiền não này theo đuổi nơi tâm, nên vô lượng phiền não đều nhân đó mà khởi, thành có tâm bệnh. Nếu đem tâm bệnh trên thức thứ bảy dẹp bỏ, tâm bệnh tự nhiên thuyên giảm. Bình đẳng tánh trí cũng tự

nhiên hiện bày. Thế nên dùng ba chữ *tâm vô bệnh*, để hiển bày bình đẳng tánh trí thật là ách yếu.

Diệu quan sát trí kiến phi công là, thông thường nhiều người cho Diệu quan sát trí là do trí phân biệt kiến giải khởi lên, song thật Diệu quan sát trí là vô phân biệt trí, thuần túy, nếu có phân biệt năng quán sở quán, kiến phần tướng phần liền rơi vào cái quán tưởng bất diệu của điên đảo phân biệt, trở thành chướng ngại vật của Diệu quan sát trí. Vô phân biệt trí tức là Bát-nhã diệu tuệ, do văn tự Bát-nhã đến quán chiếu Bát-nhã, do quán chiếu Bát-nhã đến thật tướng Bát-nhã tức là đến cảnh giới vô phân biệt trí. Chỉ ban đầu do văn tự giáo lý mà khởi quán chiếu, giáo lý này cũng là giáo lý vô phân biệt, quán chiếu này cũng là quán chiếu vô phân biệt. Song hai vị này thấy ở trên năng sở đối đãi, mục tiêu của nó là cầu chứng vô phân biệt trí, nên khởi gia hạnh vô phân biệt trí, chính quán chiếu Bát-nhã cũng thành vô phân biệt. Từ đây lại tiến lên chứng được thật tướng Bát-nhã tức căn bản vô phân biệt trí, liền cùng vô phân biệt tánh thể, như như tương ứng, lý trí không hai, năng sở cả hai đều mất, mới là căn bản vô phân biệt trí. Do căn bản vô phân biệt trí này, sanh khởi Hậu đắc trí, Gia hạnh trí, đều là vô phân biệt trí, chính đây là Diệu quan sát trí. Vì thế, Diệu quan sát trí nếu ở trong phân biệt kiến thì không phải Diệu quan sát trí, cho nên nói *kiến phi công*. Phải do vô phân biệt trí rỗng sạch hết tất cả kiến phân biệt, như hư không tan nát, đại địa chìm lặn, trọn không sở đắc thì Diệu quan sát trí mới hiển hiện. Thế nên dùng *kiến phi công* hiển bày Diệu quan sát trí, chỗ ách yếu này trong các luận thích không thể nói được.

Thành sở tác trí đồng Viên cảnh là, vì năm thức trước ở trong nhân vị, cùng thức thứ tám đồng hiện lượng tánh cảnh, nếu trên cái kiến văn giác tri chẳng rơi vào Độc đầu ý thức, trọn cùng thức thứ tám một loại duyên hiện lượng tánh cảnh. Chỉ bình thường chưa cùng Đại viên cảnh trí tương ứng thì không có diệu dụng, phải đợi thức thứ tám chuyển thành Đại viên cảnh trí, vô cấu thức hiện ngũ căn thanh tịnh, năm thức trước cũng theo đó chuyển thành Thành sở tác trí thanh tịnh, nên nói *đồng Viên cảnh*.

Ngũ bát, lục thất quả nhân chuyển, đản chuyển danh ngôn vô thật tánh, là năm thức trước cùng thức thứ tám chuyển thành trí là ở trên quả vị, thức thứ sáu cùng thức thứ bảy chuyển thức thành trí là ở trên nhân vị. Chỗ này ở trong các kinh luận Duy thức có thuyết minh rõ ràng, Lục Tổ dùng một câu khéo hay khái quát nghĩa đó. Chỉ nói chuyển là chuyển xả danh ngôn tập khí của Biến kế phân biệt trên Y tha khởi tánh. Danh ngôn tập khí này, trong ngũ pháp là: danh, tướng, phân biệt. Do danh ngôn tập khí này, nên từ thức thứ tám hiện khởi các thứ nhiễm pháp sanh diệt lưu chuyển. Nói chuyển thức thành trí, tức là chuyển danh ngôn tập khí các thứ hư vọng phân biệt nhiễm pháp trên Y tha khởi tánh này, trở thành tịnh trí thuần túy vô lậu, chẳng có một vật thật có thể chuyển. *Thật tánh* là chỉ bình đẳng pháp thân, từ xưa đến nay chẳng tăng chẳng giảm, chẳng cấu chẳng tịnh, không động không dao, không chuyển không chẳng chuyển, tuy nói *ngũ bát, lục thất quả nhân chuyển*, chỉ chuyển pháp sanh diệt, mà Thành thật tánh này vốn không chuyển biến. Cốt yếu ở *chuyển xứ bất lưu tình*, ngay đó liền đồng Phật quả.

Phôn hưng vĩnh xứ Na-già định là, đi đứng ngồi nằm nói nín động tịnh đều là sinh hoạt ở trong định tuệ. Na-già là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Long, dụ Phật là rồng trong loài người, thường ở trong định, nên nói: “Na-già thường tại định, không có khi nào chẳng định.” Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, tìm tướng bốn oai nghi trọn không thể được, trụ nơi Vô trụ Đại Bát-niết-bàn, tịch mà thường dụng, dụng mà thường tịch, thường thường ứng cơ hiện thân nói pháp mà thường thường không tướng có thể được, thường thường không tướng có thể được mà thường thường ứng cơ nói pháp, tốt mé vị lai không có cùng tận.

Lục Tổ nói chuyển bát thức thành tứ trí, cốt yếu trở về trên bản thân của mỗi người, cốt yếu mỗi người ngay chỗ chuyển chẳng lưu phạm tình, là thực hiện vô phân biệt vô trụ tướng tứ trí Bồ-đề Niết-bàn. Hành sự theo nhật dụng bình thường đều là an trụ trong tứ trí Bồ-đề, thế ấy mà ai được thân thiết liền biết thú vị. Cho nên Lục Tổ chẳng những không đốt nát mà là đủ đại trí tuệ, đầy đủ văn tự ngôn ngữ tam-muội, thật không phai người phạm có thể đo lường được. Tóm lại Phật pháp là việc trên bốn phạm mỗi người, nếu đối bốn phạm rõ suốt thì, tam tạng mười hai bộ Kinh cũng chẳng qua chú giải trên bốn phạm của chính mình, của mỗi người mà thôi. Phật thuyết pháp độ sanh cũng từ trên bốn phạm của chính mình thị hiện nói pháp độ sanh. Khi này Lục Tổ ứng hóa thị hiện, cũng đâu chẳng phải việc trên bốn phạm của chính mình? Cho nên *Phôn hưng vĩnh xứ Na-già định*, cũng có thể nói *Na-già định vĩnh phon hưng dụng*.

Hiện nay chúng ta tất cả người vật ở trong đạo tràng Lục Tổ, đâu chẳng phải là Lục Tổ phon hưng đại dụng kiến lập,

đâu không phải là pháp thân công đức đẳng lưu của Lục Tổ thị hiện. Như đại sư Hám Sơn vẫn là công đức của Lục Tổ thị hiện, chính nay Lão hòa thượng Hư Vân nhận lời thỉnh của tứ chúng ở Quảng Đông đến trùng hưng đạo tràng này cũng là Lục Tổ hiện thân không khác. Thế nên, quan sát thể nghiệm công đức Lục Tổ thì, công đức Lục Tổ đầy khắp chỗ này, tất cả chúng ta ở trong đạo tràng của Lục Tổ, đều cùng Lục Tổ thân thiết tương ứng đương thể không khác Lục Tổ.

Hiện nay, các vị mới phát tâm thọ giới ở đây phải biết nghĩa lý lời nói của Lục Tổ “tâm địa không lỗi tự tánh giới”. Khi thọ giới tuy có tam sư thất chứng, cùng với các phương pháp nghi thức, cốt yếu tất cả giới pháp đều từ pháp thân Phật Thích-ca-mâu-ni đẳng lưu mà ra, pháp thân và sanh thân không hai, xưa nay tự tánh thanh tịnh, tự tánh thanh tịnh tức là giới thể. Cho nên thọ giới là chẳng từ người khác được, chính do tự tánh vô cấu tâm của mỗi người làm giới thể thanh tịnh, mới gọi là đắc giới. Mỗi người đắc tự tánh giới, tức đồng Lục Tổ tự tánh giới. Nhưng những người thọ giới tại đây cũng phải biết các nhân vật Hòa thượng, Giới sư, Dẫn lễ sư v.v... đều từ công đức Lục Tổ đẳng lưu thị hiện. Thành tựu tất cả công đức như thế thì đạo tràng Tam bảo này được thành tựu, là phước điền chân chánh của trời người.

(Thái Hư Toàn Thư – quyển 7)



PHẦN II: THI KỆ THIÊN

Thiền sư Phật Nhân Thanh Viên

Tọa thiền

Tâm quang hư ánh

Thể tuyệt thiên viên

Kim ba tấp tấp

Động tịch thường thiên.

Niệm khởi niệm diệt

Bất dụng chỉ tuyệt

Nhậm vận thao thao

Hà tăng khởi diệt.

Khởi diệt tịch diệt

Hiện Đại Ca-diếp

Tọa ngộ kinh hành

Vị tăng gián yết.

Thiên hà bất tọa

Tọa hà bất thiên

Liễu đặc như thị

Thủy hiệu Tọa thiên.

Tọa giả hà nhân?

Thiên thị hà vật

Nhi dục tọa chi
Dụng Phật mịch Phật.
Phật bất dụng mịch
Mịch chi chuyển thất
Tọa bất ngã quán
Thiên phi ngoại thuật.
Sơ tâm náo loạn
Vị miễn hồi hoán
Sở dĩ đa phương
Giáo cử tĩnh quán.
Đoan tọa thâm thân
Sơ tắc phân vân
Cửu cửu điềm đạm
Hư nhàn lục môn.
Lục môn sảo yết
Ư trung phân biệt
Phân biệt tài sanh
Tự thành khởi diệt.
Khởi diệt chuyển biến
Tùng tự tâm hiện
Hoàn dụng tự tâm
Phản quán nhất biến.

Nhất phản bất tái
Viên quang đánh đối
Linh diễm đẳng huy
Tâm tâm vô ngại.
Hoành cai thụ nhập
Sanh tử vĩnh tức
Nhất lập hoàn đơn
Điểm kim thành trấp.
Thân tâm khách trần
Thấu lậu vô môn
Mê ngộ thả thuyết
Nghịch thuận hữu luận.
Tế tư tích nhật
Lãnh tọa tâm mịch
Tuy nhiên bất biệt
Dã đại lang tịch.
Sát-na phạm thánh
Vô nhân năng tín
Táp địa mang mang
Đại tu cẩn thận.
Như kỳ bất tri
Đoan tọa tư duy

Nhất nhật trúc trước

Phục duy! Phục duy!

Dịch:

Tụng tọa thiền

Tâm sáng rộng chiếu

Thế dứt thiên viên

Sóng vàng lượn lượn

Động lặng thường thiên.

Niệm khởi niệm diệt

Chẳng cần dứt hết

Mặc theo cuộn cuộn

Đâu từng khởi diệt.

Khởi diệt lặng sạch

Hiện Đại Ca-diếp

Ngồi nằm kinh hành

Chưa từng ngưng cách.

Thiền nào chẳng ngồi

Ngồi nào chẳng thiền

Hiếu được như thế

Mới gọi Tọa thiền.

Người ngồi là ai?

Thiền là gì vậy

Mà muốn ngồi thiền
Tìm Phật được sao.
Phật chẳng cần tìm
Tìm thì càng sai
Ngồi không người quán
Thiền chẳng thuật ngoài.
Sơ tâm ồn loạn
Chưa khỏi lôi cuốn
Sở dĩ nhiều phương
Dạy ông lặng quán.
Ngồi ngay thấu thân
Buổi đầu lảng xãng
Lâu dần điềm đạm
Sáu cửa rỗng nhàn.
Sáu cửa tạm dừng
Ở trong phân biệt
Phân biệt vừa sanh
Dường thành khởi diệt.
Khởi diệt chuyển biến
Từ tâm mình hiện
Lại dùng tâm mình
Xem lại một chuyển.

Một phen chẳng nôi
Viên quang đầu đội
Lửa linh sáng bùng
Tâm tâm không ngại.
Ngang trùn dọc suốt
Sanh tử hằng dứt
Một hạt linh đơn
Chỉ vàng thành nước.
Thân tâm khách trần
Thấu suốt không cửa
Mê ngộ thôi nói
Nghịch thuận miễn bàn.
Nghĩ kỹ ngày xưa
Ngồi lạnh mãi tìm
Tuy nhiên chẳng khác
Cũng rất bữa bãi.
Sát-na phạm thánh
Không người tin nhận
Khấp giáp mệnh mông
Cần phải cẩn thận.
Nếu như chẳng biết
Ngồi ngay suy tư

*Một ngày chạm đến
Mong thay! Mong thay!*

*

Diên xúc tự nhĩ

*Xuân nhật xuân sơn lý,
Xuân sự tận giai xuân.
Xuân quang chiếu xuân thủy,
Xuân khí kết xuân vân.
Xuân khách xuân tình động,
Xuân thi xuân cánh tân.
Duy hữu thức xuân nhân,
Vạn kiếp nguyên nhất xuân.*

Dịch:

Dài ngắn tự nhiên

*Ngày xuân xuân trong núi,
Việc xuân thấy đều xuân.
Nước xuân ánh xuân chiếu,
Khí xuân kết mây xuân.
Khách xuân lòng xuân dấy,
Thi xuân xuân càng tươi.
Chỉ có người biết xuân,
Muôn kiếp một mùa xuân.*

*

Thuật hoài thị học giả

*Tế tư ngũ thập tam niên sự,
Tĩnh nhập sơ trung hậu dạ tâm.
Tu tín sát-na thông quá vị,
Cánh vô hào phát tác truy tâm.
Tùy tiêu cữu nghiệp căn tiên đoạn,
Vĩnh tuyệt tân ương đạo dĩ thâm.
Thử thị an thân lập mạng xứ,
Cố xuy nhất khúc báo tri âm.*

Dịch:

Thuật lòng mình chỉ học giả

*Nghĩ kỹ việc năm mươi ba năm,
Đầu giữa cuối đêm chỉ một tâm.
Mới tin sát-na ba thời suốt,
Lại không mảy tóc khởi kiếm tâm.
Tùy tiêu nghiệp cũ gốc dứt trước,
Hằng cắt họa mới, đạo thậm thâm.
Đây là chỗ an thân lập mạng,
Nên trối một khúc đáp tri âm.*

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 30)

*

Thượng đường

*Lưỡng ngạn lô hoa nhất điệp châu,
Lương phong thâm dạ nguyệt như câu.
Ty luân thiên xích dung phao phóng,
Quy đảo gia sơn tức tiện hưu.*

Dịch:

*Giữa bờ lau trắng một chiếc thuyền,
Đêm khuya gió mát trăng lười liềm.
Sợi tơ ngàn thước mặc buông thả,
Về đến nhà rồi việc mới yên.*

*

Thượng đường

*Ngộ thời thử sự nguyên lai dị,
Mê hậu tư môn thật đại nan.
Xứ xứ lục dương kham hệ mã,
Gia gia môn khẩu thiếu Trường An.*

Dịch:

*Khi ngộ việc này hóa ra dễ,
Lúc mê cửa ấy thật khó khăn,
Chốn chốn dương xanh kham cột ngựa,
Nhà nhà cửa cổng thiếu Trường An.*
(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 27)



Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan

Thằng tử thấu song

Vị ái tâm quang chỉ thượng toản

Bất năng thấu xứ kỷ đa nan.

Hốt nhiên tràng trước lai thời lộ

Thủy giác tùng tiền bị nhãn man.

Dịch:

Con ruồi chui cửa sổ

Vì ưa ánh sáng dui trên giấy

Không thể chui qua khó chẳng vừa.

Bỗng nhiên gặp lại đường đi cũ

Mới biết từ lâu bị mất lừa.

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 33)



Thiền sư Chân Tịnh Khắc Văn

Nguyên đán thượng đường

Tạc nhật kim triêu sự bất đồng,

Nhân nhân y cựu chủ nhân ông,

Tuy nhiên bình đẳng thêm tâm tuệ,

Mộng giác nguyên lai tổng thị không.

Dịch:

*Hôm qua sáng nay việc chẳng đồng,
Mỗi người sẵn có chủ nhân ông,
Tuy nhiên bình đẳng thêm tuổi mới,
Tĩnh mộng hóa ra thấy đều không.*

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 44)

*

Ký trình thừa sự

*Lão dã tu tri bất lão thân,
Đồng hành đồng tọa hữu tinh thần,
Tuy nhiên vô tướng vô dung mạo,
Năng vị quần sanh tác chủ nhân.*

Dịch:

Sắp đặt công việc

*Già rồi cần biết thân chẳng già,
Cùng ngồi cùng bước có tinh thần,
Tuy là không tướng không hình dáng,
Hay vì muôn loài làm chủ nhân.*

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 45)



Thiền sư Hoàng Long Huệ Nam

Xuất trang hồi vân

*Khứ thời nhất khê lưu thủy tống,
Hồi lai mãn cốc bạch vân nghinh.
Nhất thân khứ trụ phi khứ trụ,
Nhị vật vô tình tự hữu tình.*

Dịch:

Thăm trang sở về nói kệ

*Lúc đi một dòng nước xuôi tiến,
Khi về đầy hang mây trắng nghinh.
Một thân đi ở chẳng đi ở,
Hai vật vô tình dường có tình.*

(Hoàng Long Huệ Nam Thiên Sư Ngũ Lục)



Thiên sư Hối Đường Tổ Tâm

Thượng đường

*Phong quyền tàn vân vũ trụ khoan,
Bích thiên như thủy nguyệt như hoàn.
Tổ sư tâm ấn phân minh tại,
Đối thử bằng quân tử tế khan.*

Dịch:

*Gió cuốn mây tan vũ trụ thanh,
Trời xanh như nước trăng một vàng.
Tâm ấn Tổ sư còn rành rõ,*

Chỗ này nhờ anh kỹ lưỡng xem.

(Hoàng Long Hối Đường Tâm Hòa Thượng Ngũ Lục)



Thiền sư Trường Linh Thủ Trác

Thượng đường

Đích đích vô lai khứ

Minh minh hữu cữu tân

Khứ niên kim nhật sự

Kim nhật khứ niên nhân.

Thoát thể toàn thân phóng

Tùy lưu hồn chủ tân

Xuân quang trùng lậu tiết

Hữu khẩu bất tu trần.

Dịch:

Quả thật không đi đến

Rõ ràng có cũ mới

Năm ngoái việc hôm nay

Hôm nay người năm ngoái.

Thoát thể toàn nắm buông

Theo dòng lãn chủ khách

Ánh xuân tiết lộ thêm

Có miệng không cần nói.

(Trường Linh Hòa Thượng Ngũ Lục)



Thiền sư Chánh Giác Hoàng Trí

Thượng đường

Thanh sơn bất dụng bạch vân triều

Bạch vân bất dụng thanh sơn quản

Vân thường tại sơn, sơn tại vân

Thanh sơn tự nhàn, vân tự hoãn.

Dịch:

Núi xanh chẳng cần mây trắng châu

Mây trắng chẳng cần núi xanh đầu

Núi thường tại mây, mây tại núi

Núi mây thông thả tự ngàn thu.

(Tục San Cổ Tôn Túc Ngũ Yếu – tập 2)



Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan

Thượng đường

Bản thị diếu ngư thuyền thượng khách

Ngẫu trừ tu phát trước ca-sa

Tổ Phật vị trung lưu bất trụ

Dạ lai y cựu túc lô hoa.

Y cựa tức lô hoa, hữu thù khả cộng?

Minh nguyệt mãn thuyền vô xứ vấn

Sa âu thời khiếu lưỡng tam thanh.

Dịch:

Là khách thả câu từ thuở trước

Bỗng gặp nhân duyên khoá ca-sa

Trong ngôi Phật tổ lưu chẳng ở

Đêm về như cũ ngủ bờ lau.

Như cũ ngủ bờ lau, có ai cùng chung?

Trăng sáng đầy thuyền không chỗ hỏi

Đôi ba tiếng vọng cò bể kêu.

*

Ty hào hữu thú giai năng tiến.

Tất cánh vô quy nhược khả đương.

Trục nhật thối thân hành hứng tận

Hốt nhiên đắc kiến bản gia nương.

Tác ma sanh thị bản gia nương?

Nãi vân:

- Vạn phước! Vạn phước!

Dịch:

Còn mảy may đường còn tiến bước,

Cuối cùng không thể về nổi rồi!

Hằng ngày lui thân nguồn hứng tận

Hốt nhiên gặp được cha mẹ thôi.

Thế nào là cha mẹ mình?

Liên nói:

- Vạn phúc! Vạn phúc!

*

Kỵ khẩu tự nhiên chư bệnh giảm

Đa tình vị miễn hữu thời lao

Bần cư động tiện thành vi thuận

Chỉ đắc thanh nhàn nhất vị cao.

Dịch:

Giữ miệng tự nhiên nhiều bệnh bớt

Lắm tình chưa khỏi có khi phiền

Cảnh nghèo vừa động thành trái thuận

Chỉ được thanh nhàn một vị tiên.

(Tục San Cổ Tôn Túc Ngũ Yếu – tập 3)



Thiền sư Phật Tánh Pháp Thái (đệ tử Viên Ngộ Khắc Cần)

Thượng đường

Nhất nhận độ trường không,

Ảnh lạc hàn giang thủy.

Thủy vô trâm ảnh tâm,
Nhạn vô di tung ý.
Tung ảnh lưỡng tương vong,
Bằng hà vi đích chí?
Ly biên kim cúc hoàng,
Giang thượng phù dung thúy.

Dịch:

Cánh nhạn bay trên không,
Bóng rơi dòng sông lạnh.
Nước không tâm chìm hình,
Nhạn chẳng ý lưu vết.
Hình vết quên cả hai,
Nương đâu làm chí đích?
Bên giậu kim cúc vàng,
Bờ sông phù dung biếc.

(Tục San Cổ Tôn Túc Ngũ Yếu – tập 3)



Thiên sư Vân Cái Trí Bản (đệ tử Bạch Vân Thủ Đoan)

Thượng đường

Mãn đầu bạch phát diện bì càn,
Tổ đạo nan phù cưỡng tự khoan,
Đa tạ lưu oanh năng trợ ngã,

Hiếu lai chi thượng ngữ thiên ban.

Dịch:

Đầy đầu tóc bạc mặt nhăn nheo,

Gượng nhàn vì đạo Tổ khó phò,

Cảm tạ hoàng oanh hay trợ giúp,

Sáng sớm trên cành hót líu lo.

(Tục San Cổ Tôn Túc Ngữ Yếu – tập 3)



Thiền sư Bản Không ở Mã Giáp Sơn

Bản lai tánh tưng

Tâm thị tánh thể,

Tánh thị tâm dụng,

Tâm tánh nhất như,

Thùy biệt thùy cộng.

Vọng ngoại mê nguyên,

Chỉ giả nan đồng,

Cổ kim phạm thánh,

Như huyền như mộng.

Dịch:

Tưng về tánh xưa nay

Tâm là thể của tánh,

Tánh là dụng của tâm,

*Tâm tánh nguyên nhất như,
Cái gì riêng gì chung?
Trông ra ngoài quên nguồn,
Chỉ cái này khó suốt,
Xưa nay phạm và thánh,
Như mộng lại như huyễn.
(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 58)*



Tử Dương chân nhân Trương Bá Đao

Thiên định chỉ mê ca

*Như Lai thiên tánh như thủy
Thể tĩnh phong ba tự chỉ
Hưng cư trạm trạm thường thanh
Bất độc tọa thời phương thị.
Kim nhân tĩnh tọa thủ chứng
Bất đạo toàn tại kiến tánh
Tánh ư kiến lý nhược minh
Kiến hướng tánh trung tự định.
Định thành tuệ dụng vô cùng
Thị danh chư Phật thần thông
Kỷ dụng cứu kỳ thể dụng
Đản kiến thập phương hư không.*

Không trung yếu vô nhất vật
Diệc vô hy di hoảng hốt
Hy hoảng ký bất khả tâm
Tâm chi khước thành quai thất.
Chỉ thử quai thất lưỡng tự
Bất khả chấp vi bằng cứ
Bản tâm thương nãi như không
Khởi hữu đắc thất năng sở.
Đản tương vạn pháp khiến trừ
Khiển linh tịnh tận vô dư
Hoát nhiên viên minh tự hiện
Tiện dữ chư Phật vô thù.
Sắc thân vi ngã chất cốt
Thả nhậm hòa quang hỗn tục
Cử động nhất thiết vô tâm
Tranh thậm thị phi vinh nhục.
Sanh thân chỉ thị ký cư
Nghịch lỗ chủ hiệu Tỳ-lô
Tỳ-lô bất lai bất khứ
Nãi tri sanh diệt vô dư.
Hoặc vấn Tỳ-lô hà tự
Chỉ vi hữu tướng bất thị

Nhân tiên điệp điệp trần trần
Trần điệp phi đồng phi dị.
Huống thử trần trần điệp điệp
Cá cá Thích-ca Ca-diếp
Dị tắc vạn lại giai minh
Đồng tắc nhất phong đô nhiếp.
Nhược yếu nhận đắc ma-ni
Mạc đạo đắc pháp phương tri
Hữu bệnh dụng tha dược liệu
Bệnh sai dược cánh hà thi?
Tâm mê tu giả pháp chiếu
Tâm ngộ pháp cánh bất yếu
Hựu như hôn kính đắc ma
Ngân cấu tự nhiên diệt liễu.
Bản vi tâm pháp giai vọng
Cố linh ly tận chư tướng
Chư tướng ly liễu hà như
Thị danh chí chân vô thượng.
Nhược dục trang nghiêm Phật độ
Bình đẳng hành từ cứu khổ
Bồ-đề bản nguyện tuy thâm
Thiết mặc tướng trung hữu thủ.

Thủ vi phước tuệ song viên
Đương lai thọ ký cư tiên
Đoạn thường tiêm trần hữu nhiễm
Khước ư chư Phật vô duyên.
Phiên niệm phàm phu mê chấp
Tận bị tình ái nhiễm tập
Chỉ vi tham trước tình đa
Thường sanh thai noãn hóa thấp.
Học đạo tu giáo mãnh liệt
Vô tình tâm cương tự thiết
Trực nhiều phụ mẫu thê nhi
Hựu dữ tha nhân hà biệt.
Thường thủ nhất khả viên quang
Bất kiến khả dục tư lương
Vạn pháp nhất thời vô trước
Thuyết thậm địa ngục thiên đường.
Nhiên hậu ngã mệnh tại ngã
Không trung vô thanh vô đọa
Xuất một chư Phật độ trung
Bất ly Bồ-đề bản tọa.
Quán Âm tam thập nhị ứng
Ngã đương diệt tòng trung chứng

Hóa hiện bất khả tư nghì
Tận xuất tiêu dao chi tính.
Ngã thị vô tâm thiên khách
Phàm sự bất hội giản trạch
Tích thời nhất cá hắc ngư
Kim nhật hồn thân tổng bạch.
Hữu thời tự ca tự tiếu
Bàng nhân đạo ngã thần thiếu
Tranh tri bị hạt chi hình
Nội hoài vô giá chi bửu.
Cánh nhược kiến ngã đàm không
Kháp tợ hồn luân thôn tảo
Thử pháp duy Phật năng tri
Phàm ngu khởi giải tương biểu.
Kiêm hữu tu thiên thượng nhân
Chỉ học đấu khẩu hợp thần
Khoa ngã vấn đáp mẫn cấp
Khước nguyên bất thức chủ nhân.
Tận thị tâm chi trích điệp
Bất giải cùng cứu bản căn
Đắc căn chi điệp tự mậu
Vô căn chi điệp nan tồn.

Tiền trình kỷ ác linh châu
Chuyển ư nhân ngã nan trừ
Dữ ngã linh nguyên diệu giác
Viễn cách thiên lý chi thù.
Thử bồi khả thương khả tiểu
Không thuyết tích niên học đạo
Tâm cao bất khể vẩn nhân
Uống sử nhất sanh hư lão.
Nãi thị ngu mê độ căn
Tà kiến nghiệp trọng vi nhân
Nhược hướng thử sanh bất ngộ
Hậu thế tranh miễn trầm luân.
Dịch:

Bài ca chỉ mê thiên định

Như Lai thiên tánh như nước
Thể lặng sóng gió tự dứt
Sinh hoạt vẫn thường lặng trong
Chẳng đợi khi ngồi mới được.
Người nay tĩnh tọa cầu chứng
Chẳng nói toàn nhờ kiến tánh
Tánh trong cái thấy rõ ràng
Thấy ở trong tánh tự định.

Định thành tuệ dụng không cùng
Ấy gọi thân thông chư Phật
Mong muốn tham cứu thể dụng
Nên nhìn mười phương hư không.
Trong ấy toàn không một vật
Cũng không có tiếng có hình
Trạng mạo đã không thể tìm
Tìm đó lại thành trái mất.
Chỉ hai chữ trái mất này
Không thể chấp làm bằng cứ
Bản tâm còn như hư không
Có gì được mất năng sở.
Chỉ đem muôn pháp dẹp ngay
Dẹp cho không sót gì hết
Bỗng nhiên tròn sáng tự bày
Liên cùng chư Phật không khác.
Sắc thân, gông cùm của ta
Mặc tình hòa quang lẫn tục
Vô tâm trong mọi hành vi
Còn gì phải quấy vịnh nhục.
Thân này chỉ là ở trọ
Chủ quán hiệu là Tỳ-lô

Tỳ-lô không đi không đến
Mới hay sanh diệt vô dư.
Hoặc hỏi Tỳ-lô là gì?
Nếu có tướng thì chẳng phải
Trước mắt cảnh vật tràn đầy
Cảnh vật chẳng đồng chẳng khác.
Huống là những cảnh vật này
Mỗi mỗi Thích-ca Ca-diếp
Khác thì muôn thứ kêu đây
Đồng thì một gió trùm hết.
Nếu muốn nhận ngọc ma-ni
Chớ nói được pháp mới biết
Có bệnh cần thuốc trị liệu
Bệnh lành thuốc dùng làm chi?
Tâm mê nhờ pháp chiếu soi
Tâm ngộ pháp đâu cần tới
Lại như gương được lau chùi
Tự nhiên sạch hết nhơ bụi.
Vốn là tâm pháp đều vọng
Nên khiến lìa hết các tướng
Tướng lìa sạch, như nào còn
Đây là chí chân vô thượng.

Nếu muốn trang nghiêm cỡi Phật
Hành từ cứu khổ bình đẳng
Bản nguyện Bồ-đề tuy sâu
Cần yếu chớ nhận lấy tướng.
Đây là tròn đầy tuệ phước
Đời sau được thọ ký trước
Còn chút chấp mảy đoạn thường
Là không có duyên với Phật.
Nghĩ lại phạm phu mê chấp
Hàng bị tình ái nhiễm tập
Chỉ vì tham trước tình nhiều
Thường sanh: thai, trứng, hóa, thấp.
Học đạo phải cho mãnh liệt
Vô tình tâm cứng như sắt
Dù là cha mẹ vợ con
Vẫn như mọi người đâu khác.
Thường giữ viên ngọc sáng tròn
Suy nghĩ gì cũng chẳng được
Muôn pháp một lúc chẳng vương
Nói gì địa ngục thiên đường.
Về sau mạng ta do ta
Trong không chẳng tiếng, chẳng đọa

Cõi chư Phật vẫn vào ra
Mà tòa Bồ-đề yên tọa.
Quán Âm ba hai ứng thân
Ta cũng sẽ theo đây chúng
Hóa hiện không thể nghĩ bàn
Trọn xuất từ tiêu dao tánh.
Ta là thiên khách vô tâm
Gặp việc không biết lựa chọn
Khi xưa là một trâu đen
Ngày nay toàn thân đều trắng.
Có khi tự ca tự cười
Bàng quan bảo ta loạn trí
Đâu biết thân áo rách này
Lại chứa hạt châu như ý.
Khi nghe ta nói về Không
Vô vị như nuốt trọng tảo
Pháp này chỉ Phật mới thông
Phàm phu hiểu đâu mà bảo.
Có hàng thượng nhân tu thiền
Chỉ học khua môi múa mồm
Khoe ta hỏi đáp lẹ nhanh
Mà chủ nhân ông không rõ.

*Trọn là nhật lá tìm cành
Cội gốc không biết xét rành
Được cội sum sê cành lá
Không cội lá cành khó sanh.
Tự khoe nắm được linh châu
Đối với nhân ngã khó trừ
Là cùng linh nguyên diệu giác
Lại càng ngàn dặm xa mù.
Bọn này đáng thương đáng cười
Nói suông nhiều năm học đạo
Tâm cao chẳng chịu hỏi người
Luống uống một đời già hão.
Quả là kẻ mê độn căn
Bởi nhân tà kiến nghiệp nặng
Nếu trọn chẳng ngộ đời này
Đời sau trầm luân khó tránh.*

(Ngự Tuyển Ngũ Lục, quyển 8 – Trương Bình Thúc Ngũ
Lục)

*

Thể châu ca

*Bân tử y trung châu,
Bản tự viên minh hảo,
Bất hội tự tâm cầu,*

Khước số tha nhân bảo.
Số tha bảo, chung vô ích,
Chỉ thị giáo quân không phí lực,
Tranh như nhận thủ tự gia trân,
Giá trị huỳnh kim thiên vạn ức.
Thủ bảo châu, quang tối đại,
Biến chiếu tam thiên đại thiên giới,
Tùng lai bất giải thiếu phân hào,
Cương bị phù vân vô chướng ngại.
Tự tùng nhận đắc thủ ma-ni,
Bào thể không hoa thùý cánh ái?
Phật châu hoàn dĩ ngã châu đồng,
Ngã tánh tức quy Phật tánh hải.
Châu phi châu, hải phi hải,
Thản nhiên tâm lượng bao pháp giới,
Nhậm nhĩ trần hiêu mãn nhãn tiên,
Định tuệ viên minh thường tự tại.
Bất thị không, bất thị sắc,
Nội ngoại kiếu nhiên vô ủng tắc,
Lục thông thân minh diệu vô cùng,
Tự lợi lợi tha ninh giải cực.
Kiến tức liễu, vạn sự tất,

Tuyệt học vô vi độ chung nhật,
Phạ hề như vị triệu anh nhi,
Động chỉ tùy duyên vô cố tất.
Bất đoạn vọng, bất tu chân,
Chân vọng chi tâm tổng thuộc trần,
Tùng lai vạn pháp giai vô tướng,
Vô tướng chi trung hữu pháp thân.
Pháp thân tức thị thiên chân Phật,
Diệc phi nhân hề diệc phi vật,
Hạo nhiên sung tặc thiên địa gian,
Chỉ thị hy di tinh hoảng hốt.
Cấu bất nhiễm, quang tự minh,
Vô pháp bất tùng tâm lý sanh,
Tâm nhược bất sanh pháp tự diệt,
Tức tri tội phước bản vô hình.
Vô Phật hình, vô pháp thuyết,
Trượng phu trí kiến tự nhiên biệt,
Xuất ngôn tiện tác sư tử minh,
Bất tự dã hồ luận sanh diệt.

Dịch:

Bài ca lượm châu

Kẻ nghèo áo có châu,

Vốn tự tròn sáng đẹp,
Chẳng biết tự tìm cầu,
Lại vì người đếm báu.
Đếm báu người, trọn vô ích,
Chỉ là khiến anh luống nhọc sức,
Đâu bằng nhận lấy báu nhà mình,
Giá trị vàng ròng ngàn muôn ức.
Bảo châu này, sáng rất tốt,
Soi khắp tam thiên đại thiên giới,
Xưa nay chẳng thiếu một phân hào,
Hằng bị mây che không chiếu ngai.
Từ khi nhận được ma-ni này,
Thân bọt không hoa ai lại thích,
Châu Phật lại cùng châu ta đồng,
Tánh ta liền về biến tánh Phật.
Châu chẳng châu, biển chẳng biển,
Thản nhiên tâm lượng trùm pháp giới,
Mặc ông trần cảnh trước mắt đây,
Định tuệ tròn sáng thường tự tại.
Chẳng phải không, chẳng phải sắc,
Trong ngoài sáng rõ không bút lấp,
Lục thông thân minh diệu vô cùng,

Tự lợi lợi người đâu biết tốt.
Thấy liền rõ, muôn việc xong,
Tuyệt học vô vi qua ngày tháng,
E như đứa bé chưa biết gì,
Động dừng tùy duyên không cố định.
Chẳng dứt vọng, chẳng tu chân,
Tâm chân vọng ấy thả thuộc trần,
Xưa nay muôn pháp đều không tướng,
Ở trong không tướng có pháp thân.
Pháp thân tức là thiên chân Phật,
Cũng chẳng người chừ cũng chẳng vật,
Linh động đầy khắp cả đất trời,
Chỉ là rỗng rang cùng bát ngát.
Như chẳng nhiễm, sáng tự sáng,
Không một pháp chẳng từ tâm sanh,
Tâm nếu chẳng sanh pháp tự diệt,
Liền biết tội phước vốn không hình.
Không Phật hình, không pháp nói,
Tri kiến trượng phu tự nhiên khác.
Thốt lời là tiếng sư tử gầm,
Chẳng giống chồn hoang luận sanh diệt.

(Ngự Tuyển Ngũ Lục, quyển 8 – Trương Bình Thúc Ngũ
Lục)



Cư sĩ Bàng Uẩn (Để lại trên 300 bài kệ tụng)

Phú bản tụng

Phú nhi không thủ hành,

Bản nhi bả tha vật,

Bị vật khiên nhập triền,

Mãi mại bất đắc xuất.

Giác mộ tiện quy xá,

Hoàng hôn hắc tất tất,

Sở cầu bất xứng ý,

Hợp gia tổng thu tức.

Tự vô Bát-nhã tánh,

Phạp khiếm ba-la-mật,

Bả thành nhập thảo lý,

Tự hệ bách niên tất.

Thật thị khả lân hứa,

Minh minh bất kiến nhật.

Phú nhi tuy không thủ,

Gia trung thậm phú dật,

Tự hữu vô tận tạng,

Bất giả ngoại duyên vật,

Châu lưu dụng bất cùng,

Yếu giả từng lý xuất.

Dịch:

Bài tụng giàu nghèo

*Người giàu đi tay không,
Kẻ nghèo nắm vật khác,
Bị vật lôi vào chợ,
Mua bán chẳng ra được.
Biết tối liền về nhà,
Trời tối đen như mực,
Chỗ mong không vừa lòng,
Cả nhà thấy buồn bực.
Tánh Bát-nhã vốn không,
Thiếu thốn ba-la-mật,
Kéo dây vào rừng hoang,
Suốt trăm năm tự trói.
Thật là rất đáng thương!
Chẳng thấy sáng mờ tối.
Kẻ giàu tuy tay không,
Trong nhà rất dư dật,
Tự có kho vô cùng,
Chẳng nhờ vật nào khác,
Khắp nơi vẫn dùng hoài,*

Cần thì từ đó lấy.

*

Phục vọng tưởng

*Thủ cá nhất quần tặc,
Sanh sanh khi chủ nhân,
Tức kim thức nhữ dã,
Bất cộng nhữ tương thân.
Nễ nhược bất phục ngã,
Ngã tắc xứ xứ thuyết,
Giáo nhân tổng thức nhữ,
Khiển nhữ hành lộ tuyệt.
Nễ nhược năng phục ngã,
Ngã diệt bất phân biệt,
Cộng nhữ đồng nhất thân,
Vĩnh ly ư sanh diệt.*

Dịch:

Đẹp vọng tưởng

*Cả một bọn giặc này,
Đòi đòi gạt ông chủ,
Hiện nay biết được bây,
Chẳng cùng bây gần gũi.
Nếu bây chẳng phục ta,*

*Ta đi khắp nơi nói,
Cho người thấy biết bấy,
Khiến bấy hết đường bước.
Nếu bấy đâu phục ta,
Ta cũng chẳng phân biệt,
Cùng bấy đồng một thân,
Hằng là các sanh diệt.*

*

Nhàn hạ tụng

*Thế nhân trọng trân bảo,
Ngã tắc bất như nhiên,
Danh văn tức tri túc,
Phú quý tâm bất duyên.
Duy nhạo đản biểu ả,
Vô cầu tháo cảnh thuyên,
Cơ thực Tây sơn đạo,
Khát ả bản nguyên tuyền.
Hàn phi vô tướng phục,
Nhiệt lai tùng hạ miên,
Tri thân vô cứu cánh,
Nhậm vận liễu tàn niên.*

Dịch:

Bài tụng nhàn hạ

*Người đời trọng trân bảo,
Ta thì không thế đâu.
Danh vọng liên biết đủ,
Giàu sang tâm chẳng theo,
Chỉ thích đeo bầu uống,
Không cần đồ láng huyền,
Cơm Tây sơn đỡ đói,
Khát uống suối bản nguyên,
Lạnh mặc áo vô tướng,
Nóng cội tùng ngủ yên.
Biết thân không cứu cánh,
Hồn nhiên hết năm tàn.*

Trụ thị sơn cư

*Quân gia trụ tụ lạc,
Dư tự cư sơn cốc,
Sơn không vô hữu vật,
Tụ lạc bách chủng hữu.
Hữu giả khiết phạm thực,
Vô giả không trương khẩu,
Khẩu không đồ diệc không,*

*Hoàn tương không khiết hữu,
Hữu tận, vật quy không,
Đồng thể vô tiền hậu.*

Dịch:

Ở chợ ở núi

*Nhà anh tại xóm làng,
Núi sâu tôi ở hang,
Núi không chẳng một vật,
Xóm làng trăm thứ hàng.
Có thì luôn ăn uống,
Không đành há miệng trơ,
Miệng không, bụng cũng trống,
Cái có, đem không ăn,
Có hết, không mọi vật,
Không sau trước, thể đồng.*

*

Độc kinh tụng

*Nhân hữu nhất quyển kinh,
Vô tướng diệt vô danh,
Vô nhân năng chuyển độc,
Hữu ngã bất năng thính.
Như năng chuyển độc đắc,*

*Nhập lý kế vô sanh,
Phi luận Bồ-tát đạo,
Phật diệt bất lao thành.*

Dịch:

Bài tụng đọc kinh

*Người có một quyển kinh,
Không tướng cũng không danh,
Không người hay đọc tụng,
Có ngã nghe chẳng rành.
Nếu hay đọc tụng được,
Nhập lý hợp vô sanh,
Chẳng luận đạo Bồ-tát,
Phật cũng chẳng nhọc thành.*

(Bàng Cư Sĩ Ngũ Lục, quyển trung – Bàng Cư Sĩ Thi)

*

Ngũ Đài Thanh Lương tự

*Vô niệm Thanh Lương tự,
Uẩn không chân Ngũ Đài.
Đối cảnh tâm vô cấu,
Đương tình tâm tử khô,
Diệu lý ư trung hiện,
Ưu-đàm không lý khai,*

*Vô cầu chân pháp nhãn,
Ly tướng kiến Như Lai.
Nhược năng như thị học,
Bất động xuất tam tai.*

Dịch:

Chùa Thanh Lương núi Ngũ Đài

*Không niệm: chùa Thanh Lương,
Uẩn không: thật Ngũ Đài,
Đối cảnh tâm không nhớp,
Xứng tình lòng chẳng lay,
Lý mâu từ đây hiện,
Trong không hoa Đàm khai,
Không cầu, pháp nhãn thật,
Lìa tướng, thấy Như Lai.
Nếu khéo học như thế,
Chẳng động, khỏi tam tai.*

(Bàng Cư Sĩ Ngũ Lục, quyển trung – Bàng Cư Sĩ Thi)

*

*Thế nhân trọng trần bảo,
Ngã quý sát-na tĩnh,
Kim đa loạn nhân tâm,
Tĩnh kiến chân như tánh.*

Dịch:

*Người đời trọng của báu,
Ta quý sát-na lặng,
Vàng nhiều tâm người loạn,
Lặng thấy chân như tánh.*

*

Vô tâm tụng

*Đản tự vô tâm ư vạn vật,
Hà phòng vạn vật thường vi nhiễu,
Thiết nguư bất phạ sư tử hống,
Kháp tự mộc nhân kiến hoa điều.
Mộc nhân bản thể tự vô tình,
Hoa điều phùng nhân diệc bất kinh,
Tâm cảnh như như chỉ cá thị,
Hà lự Bồ-đề đạo bất thành? Dịch:*

Bài tụng không tâm

*Chỉ tự không tâm cùng vạn vật,
Lo gì vạn vật quấy rầy ta,
Trâu sát chẳng sợ sư tử rống,
Khác nào người gỗ xem chim hoa.
Người gỗ vốn thật là vô tình,
Chim hoa gặp người cũng chẳng kinh,*

*Tâm cảnh như như chỉ thế ấy,
Nào ngại Bồ-đề đạo chẳng thành.*

*

Hữu cầu

*Nhất thiết hữu cầu uổng dụng công,
Tưởng niệm chân thành trước sắc không,
Sai chi hào ly thất thiên lý,
Hữu sanh kiếp kiếp đạo nan thông.
Si tâm vọng xuất tam giới ngoại,
Bất tri nguyên tại Thiết Vi trung.*

Dịch:

Mong cầu

*Tất cả có cầu uổng dụng công,
Tưởng niệm trở thành kẹt sắc không,
Sai đó hào ly trật ngàn dặm,
Có sanh kiếp kiếp đạo không thông.
Tâm si mong thoát ngoài tam giới,
Thiết Vi đâu biết đã ở trong.*

*

Chấp tướng

*Thập nhị bộ kinh kiêm giới luật,
Chấp tướng y văn thường thọ trì,*

*Sanh sanh hoạch đắc hữu vi quả,
Tùy tại tam giới vô xuất kỳ.
Nhược năng ly tướng trực nhập lý,
Lý trung vô niệm diệt vô tư.*

Dịch:

Chấp tướng

*Mười hai bộ kinh cùng giới luật,
Chấp tướng theo văn thường thọ trì,
Đời đời gặt hái quả sanh diệt,
Thường ở tam giới không hẹn kỳ.
Nếu hay lìa tướng vào ngay lý,
Trong lý không nhớ cũng không suy.*

*

Nan

*Nan phục nan!
Trì tâm ly dục tham Niết-bàn,
Nhất hướng tha phương cầu Tịnh độ,
Nhược luận thật hạnh bất tương quan,
Uống dụng công phu lai khứ khổ,
Tất cánh đáo đầu không sắc hoàn.*

Dịch:

Khó

Khó lại khó!

*Giữ tâm lìa dục tham Niết-bàn,
Một mực phương xa cầu Tịnh độ,
Nếu bàn thật hạnh chẳng tương quan,
Luống dụng công phu qua lại khổ,
Rốt cuộc cũng về trong sắc không.*

*

Dị

*Dị phục dị,
Tức thủ ngũ ấm thành chân trí,
Thập phương thế giới nhất thừa đồng,
Vô tướng pháp thân khởi hữu nhị,
Nhược xả phiền não mịch Bồ-đề,
Bất tri hà phương hữu Phật địa.*

Dịch:

Dễ!

*Dễ lại dễ,
Ngay thân ngũ ấm thành chân trí,
Mười phương thế giới đồng một thừa,
Pháp thân không tướng đâu hai thứ,
Nếu bỏ phiền não tìm Bồ-đề,
Chẳng biết nơi nào có Phật địa.*

*

Hành lộ dị

*Hành lộ dị, hành lộ dị,
Nội ngoại trung gian y bản trí,
Bản trí vô tình pháp bất sanh,
Vô sanh tức thị nhập chánh lý,
Phi sắc phi tâm phóng nhất quang,
Không lý Ưu-đàm hiển tâm địa.
Danh vi trí, trí vi tôn,
Tâm trí thông đồng đạt bản nguyên,
Vạn vật đồng quy bất nhị môn,
Hữu phi hữu hê lý thường tồn,
Vô phi vô hê vô hữu căn.
Vị lai chư Phật diệt như thị,
Hiện tại hoàn đồng cổ Thế Tôn,
Tam thế câu giai vô biệt đạo,
Phật Phật tương thọ chí kim truyền.*

Dịch:

Đường đi dễ

*Đường đi dễ, đường đi dễ,
Trong ngoài khoảng giữa y bản trí,
Bản trí vô tình pháp chẳng sanh,*

Vô sanh tức là nhập chánh lý,
Chẳng sắc chẳng tâm phóng hào quang,
Trong không hoa Đàm phô tâm địa.
Danh là trí, trí là tôn,
Tâm trí thông đồng đạt bản nguyên,
Muôn vật đồng về cửa bất nhị,
Có chẳng có, chừ lý thường còn,
Không chẳng không, chừ không có gốc.
Chư Phật vị lai cũng như thế,
Hiện tại đều đồng cổ Thế Tôn,
Ba đời thấy đều không đường khác,
Phật Phật truyền trao nhau đến nay.
(Bàng Cư Sĩ Ngũ Lục, quyển hạ – Bàng Cư Sĩ Thi)



Thiền sư Phần Dương

Pháp thân ca

Đăng đăng toàn khu,
Nhân thiên mạc trắc.
Tuy vô niệm dĩ vô tư,
Nãi hữu ân nhi hữu lực.
Triển chi bất thư,
Thâu chi bất khắc.

Hiện thiên ban dị tượng ư nhân thiên,
Hóa vạn loại trường huyền ư thái cực.
Chấn oai linh vô biên sát độ, khởi ngại tinh thần;
Hóa quân sanh hữu thức giới trung, ninh vong quỹ tắc.
Bất thoại vô công,
Khởi đàm tịch mặc,
Hưng đại bi nhi bạt khổ hữu ân,
Vận đại từ nhi dĩ lạc vô đức.
Hoặc cầm hoặc túng, chỉ tại lâm cơ;
Hoặc dụng hoặc thi, hõ vi quang sức.
Dụng tắc biến mãn thập phương,
Thi tắc bất di quỹ khắc.
Túng tắc phóng khoáng khoan dung,
Cầm tắc Tỳ-da đồ mặc.
Thật bất tư nghi,
Khả hành khả chỉ.
Chỉ mục tiền hề nguy nguy mạc đồ,
Tại tiêm trần hề lạc lạc hà thị.
Hữu tác hữu năng,
Vô tâm vô ý.
Thượng trí văn hề sáng thân,
Hạ sĩ kiến hề nhĩn ế.

Tắc chi đồ nguyên,
Thông chi lưu thủy.
Minh bạch chỉ yếu tâm khai,
Bất quản cổ kim đạo lý.
Nhất niệm bất thông hữu tắc,
Miết nhĩ tâm khai vô trệ.
Tuy nhiên hào phát bất thâm,
Tằng dĩ Không Vương đồng chí.
Trực ngôn phổ cáo nhân thiên,
Phân minh giá cá bất thị.
Phục vân: - Na cá thị?

Dịch:

Bài ca pháp thân

Toàn thân thanh thang,
Người trời nào biết.
Tuy không niệm với không tư,
Lại có ân và có lực.
Duỗi đó chẳng ra,
Thâu vào không được.
Hiện ngàn loài sai biệt ở trời người,
Hóa muôn loại hằng bày nơi thái cực.
Trấn oai linh cõi nước vô biên, chẳng ngại trăng sao;

Hóa quần sanh trong cõi hữu thức, đâu quên phép tắc.
Chẳng nói không công,
Đâu bàn vắng bật,
Dấy đại bi để cứu khổ cho người có ơn,
Vận đại từ để ban vui cho kẻ không đức.
Hoặc bắt hoặc tha, chỉ tại lâm cơ;
Hoặc dùng hoặc bày, lẫn làm trang sức.
Dùng thì trùm khắp mười phương,
Bày thì chẳng dời bóng tắc.
Tha thì phóng khoáng khoan dung,
Bắt thì Tỳ-da nín bật.
Thật chẳng nghĩ bàn,
Hoặc làm hoặc nghĩ.
Ở trước mắt chừ vọi vọi chẳng xem,
Tại mấy bụi chừ rõ rõ nào thấy.
Có tác có năng,
Không tâm không ý.
Thượng trí nghe chừ thần an,
Hạ sĩ thấy chừ tối mắt.
Bít đó lấp nguồn,
Khai đó sông chảy.
Rõ ràng chỉ cần tâm khai,

Chẳng thiết đạo lý kim cổ.
Một niệm bít lấp chẳng thông,
Bỗng nhiên tâm khai không ngại.
Tuy nhiên sợi tóc chẳng thấu,
Từng cùng Không Vương đồng chí.
Nói thẳng khắp cả trời người,
Rõ ràng cái này chẳng phải.
(Lại nói) Cái nào phải?

*

Thị phi ca

Xuất gia học đạo tổng tu tri,
Tại chúng từng lâm thiết mạc khuy;
Tôn ấu cổ kim thuyên hữu đức,
Vật đồng ngu bối thị kiêm phi.
Văn thuyết hảo, tâm tiện hỷ,
Văn thuyết ố, hận bất tử;
Hảo ố đô lai chỉ tự tâm,
Cương hướng kỳ trung mịch đạo lý.
Thế gian nhân, đa vô trí,
Bất giải tư lương thị phi khỉ (khởi);
Đại trí chi nhân khán trước y,
Tự kỷ dung thân nhập vô địa;

Tử Lộ tăng tao ngư phủ ha,
Phu Tử tầm nhan túc vong lý.
Xá-lợi tôn, đệ nhất ký,
Diệc bị ngư phu thân chánh chỉ;
Nhu Lai từ nhĩn thị chúng sanh,
Liễu đạt cổ kim minh bản tế.
Khán Châu Tần cập Hán Ngụy,
Bại quốc vong gia giai tông thị,
Lịch kiếp thị phi địa ngục nhân,
Văn thuyết thị phi tu thẩm tế.
Ngã văn thuyết, tâm bất khởi,
Chỉ cá thị phi tiện thân chỉ.
Ta tử phù ngôn thượng bất tiêu,
Vấn thậm Tây lai Tổ sư ý.
Yếu phân minh, biện căn đối,
Hiếu cá thị phi chân hữu địa,
Cánh hữu nhân lai thuyết thị phi,
Hướng đạo dư kim thức đắc nhĩ.
Dịch:

Bài ca phải quấy

Xuất gia học đạo thấy cần biết,
Ở chúng từng lâm chớ nên thiếu;

Xưa nay lớn bé nói đều nhường,
Chớ đồng bọn ngu sanh phải quấy.
Nghe nói tốt, tâm liền vui,
Nghe nói xấu, giận đến chết;
Tốt xấu thấy đều gốc từ tâm,
Gắng nhắm trong kia tìm đạo lý.
Người thế gian nhiều vô trí,
Không biết nghĩ suy, phải quấy khởi;
Những bậc đại trí xem thấy y,
Tự mình nương thân vào đất rộng;
Tử Lộ từng bị ngư phủ chê,
Phu tử hồ mặt chân quên dép.
Ngài Xá-lợi nhớ bậc nhất,
Cũng bị kẻ ngu đến bày vẽ;
Như Lai mắt từ xem chúng sanh,
Thấu suốt xưa nay rõ bản tể.
Xem Châu, Tần và Hán, Ngụy,
Mất nước tan nhà đều như thế;
Phải quấy nhiều kiếp nhân khổ đau,
Nghe nói phải quấy cần xét kỹ.
Tôi nghe nói tâm chẳng khởi,
Chỉ cái phải quấy bày yếu chỉ;

*Đôi lời phù phiếm còn chẳng tiêu,
Hỏi gì ý chỉ Tổ sư đến.
Cần phân minh rành cội rễ,
Hiếu ra mặt thật phải quấy;
Nếu có người đến nói đúng sai,
Bảo rằng ta nay biết được vậy.*

Ngoạn châu ca

*Hoảng hoảng viên châu biểu lý minh,
Trường cư trần thế bất chương hình;
Xúc vật dụng quang, quang bất tận,
Ứng duyên chiếu thế, thế vô sinh.
Thường kiêu khiết, thế vô hà,
Tùy cơ dẫn tiếp xứng tăng gia;
Bần khổ chi nhân thường tế bạt,
Hiền hào chi loại trợ anh hoa.
Bất cư địa, bất cư thiên,
Tỳ-lô tạng lý giải phương viên;
Hữu ý sưu cầu chung bất kiến,
Vô tâm chúc vật chiếu ninh thiên.
Y trung bảo, dụng vô biên,
Tư-đa tăng hiển Tổ sư tiên;*

*Anh Lạc thân truyền Mật-đa thủ,
Tây càn Đông độ hóa nhân thiên.
Như kim đắc, bất tu xan,
Đại bi triển thủ thí tâm khoan;
Nhiều ích giải hành phương tiện tuệ,
Lợi tha tự lợi tất chu viên.*

Dịch:

Bài ca xem châu

*Châu tròn rõ rõ thấy sáng ngời,
Thường ở cõi trần chẳng biết nơi;
Chạm vật sáng soi, soi chẳng hết,
Ứng duyên chiếu thế, thế không sanh.
Thường trong sạch, thế không nhơ,
Tùy duyên dẫn dắt hợp người tu;
Gặp người bần khổ thường cứu giúp,
Thấy kẻ anh hào trợ tài hoa.
Chẳng ở đất, chẳng ở trời,
Trong kho Tỳ-lô biết vuông tròn;
Có ý kiếm tìm trọn chẳng thấy,
Không tâm soi vật chiếu không chên.
Báu trong y, dụng không cùng,
Tư-đa từng hiến trước Tổ sư;*

*Anh Lạc thân truyền Mật-đa nhận,²
Tây thiên Đông độ hóa trời người.
Nếu nay được,
Chớ giữ riêng,
Lòng thương tay mở giúp người yên.
Lợi ích hiểu tu phương tiện tuệ,
Lợi người lợi mình được chu viên.*

*

Nhất tự ca

*Chư Phật vô pháp khả thuyết,
Phân Dương lược tuyên nhất tự,
Bất can chỉ mặc văn chương,
Khởi hiệu Duy-ma tuần địa.
Tam thừa vị xứng ngô tông,
Vạn hạnh diệc phi tha ý,
Kiến tánh duy chỉ tự tâm,
Nhận trước y tiên bất thị.
Trần trung thế giới vô nhai,
Tự tại tiêu dao hành lý,
Mao đầu hải nhạc vô biên,*

² Ba-xá-tư-đa, Bất-như-mật-đa và đồng tử Anh Lạc tức Bát-nhã-đa-la là 3 vị tổ Thiên tông, Tổ sư đời 25, 26 và 27 sau Phật Thích-ca.

Khoáng dăng du sơn ngoạn thủy.
Nhất tự ca, bách vạn kệ,
Đích đích tương truyền truyền tử tế,
Cú cú u vi vi hựu huyền,
Chỉ cá huyền huyền huyền bản trí.
Âm Quang tôn, đồng minh chứng,
Thuấn mục dục cung hành chính lệnh,
Chư đồ dị giải uổng thi công,
Loạn hướng đồ trung nhận phạm thánh.
Bất dụng cầu, nguyên bất thất,
Vọng niệm tài sanh hắc tự tất,
Huyền hóa phù vân tánh bản vô,
Phương thốn mê chân tróc huyền vật.
Lịch kiếp mê bất tăng tỉnh,
Biến kế hà sa vọng triền bệnh,
Như kim chúng đắc bản căn nguyên,
Linh trí khoách nhiên ly tà chánh.
Phân Dương trực thuyết thẩm tư lương,
Miết nhĩ duyên trần phao Phật tánh,
Bát tiết thiên, nhất tâm bình,
Mật mật Na-già thường tại định.
Thanh tiêu bích lạc thị gia phong,

*Tín thủ niệm lai thiện chỉ ứng,
Đầu châm nhập thất yếu thương lương,
Nhất tự ca trung minh tự kính.*

Dịch:

Bài ca một chữ

*Chư Phật không pháp để nói,
Phân Dương lược nêu một chữ,
Chẳng can giấy mực văn chương,
Đâu học Duy-ma xuất cách.
Tam thừa chưa xứng tông ta,
Muôn hạnh cũng không ý khác,
Thấy tánh chỉ là tâm mình,
Nhận lấy vẫn sai như trước.
Trong thế giới nhiều vô ngần,
Tiêu dao tự tại cất bước,
Đầu lông biển núi vô biên,
Bát ngát đạo non ngấm nước.
Ca một chữ, trăm ngàn kệ,
Rành rõ truyền nhau, truyền cần mật,
Câu câu mâu nhiệm, nhiệm lại huyền,
Chỉ cái huyền huyền huyền bản trí.
Ca-diếp tôn, đồng minh chúng,*

*Định muốn tuân hành chính lệnh,
Môn đồ hiểu khác uống thi công,
Chạy loạn giữa đường nhận phàm thánh.
Chẳng nên cầu, vốn không mất,
Vọng niệm vừa sanh đen tợ mực,
Mây nổi huyễn hóa tánh vốn không,
Tắc vuông mê chân nắm huyễn vật.
Nhiều kiếp mê chẳng từng tỉnh,
Tính chấp hà sa bệnh vọng tưởng,
Hiện nay biết được cả cội nguồn,
Linh trí thanh thang là tà chánh.
Phân Dương nói thẳng xét kỹ càng,
Bất chợt theo trần bỏ Phật tánh,
Tám tiết dời, một tâm nắm,
Na-già miên mật thường trong định.
Trời xanh trong trẻo ấy gia phong,
Thuận tay dễ dàng khéo đáp ứng
Gieo kim, vào thất muốn luận bàn,
Bài ca một chữ sáng như kính.*

Tuế đán

I

*Dư kim chu Giáp Tý,
Thục khả tri sanh tử.
Tứ đại mộng trung âu,
Nhất thân diệp thượng thủy.
Phù vân bất cứu đình,
Cam giá khởi trường mỹ.
Duy hữu nhất linh quang,
Khoáng kiếp hà tăng trụ.*

II

*Dư kim lục thập nhất,
Bạch phát tương thôi xuất.
Huyền chất tử phù vân,
Không tâm đồng tổ Phật.
Xuân lai bất tiện hoa,
Thu khứ khởi hiềm vật.
Cánh dữ tam thập niên,
Miết nhiên như điện phát.*

Dịch:

Mùng một tết

I

*Nay tôi tròn Giáp Tý,
Ai biết được sanh tử.*

Bốn đại bọ²t trong mớ,
Một thân nước trên lá.
Mây nổi chẳng² dừng lâu,
Vị ngọt nào còn mãi.
Chỉ có một linh quang,
Nhiều kiếp đâu từng mất.

II

Nay tôi sáu mươi mốt,
Tóc bạc đua nhau mọc.
Chất huyễn² dường mây trôi,
Tâm không, đồng tổ Phật.
Xuân đến chẳng² mê hoa,
Thu về nào ghét vật.
So với năm ba mươi,
Bỗng nhiên như điện chớp.

*

Tọa thiền

Bế hộ sơ dung tẩu,
Vi tăng nhạo tọa thiền.
Nhất tâm vô tạp niệm,
Vạn hạnh tự thông huyền.
Nguyệt ấn thu giang tĩnh,
Đẳng minh thảo xá tiên.

*Kỷ nhân năng đáo thủ,
Đáo thủ kỷ năng chân.*

Dịch:

Ngôi thiên

*Đóng cửa dáng gầy nhác,
Làm tăng thích tọa thiên.
Nhất tâm không niệm tạp,
Muôn hạnh tự thông huyền.
Trăng in sông thu lặng,
Đèn sáng tươi nhà tranh.
Bao người đến đây được,
Đến đây ai phân rành.*

*

Thị chúng

*Xuân vũ dữ xuân vân,
Tư sanh vạn vật tân.
Thanh thương sơn điểm điểm,
Bích lục thảo quân quân.
Vũ tế trường không tịnh,
Vân thâm nhất sắc chân.
Báo ngôn tu đạo giả,
Hà vật cánh kham trần.*

Dịch:

Dạy chúng

Mưa xuân cùng mây xuân,

Nuôi dưỡng muôn vật mừng.

Trời xanh non điểm điểm,

Xanh biếc cỏ bằng bằng.

Mưa tạnh bầu trời lặng,

Mây tan một màu chân.

Nói cùng người hành đạo,

Có gì phải nói năng.

(Phần Dương Vô Đức Thiên Sư Ngũ Lục – quyển hạ)



Thiên sư Duy Tắc hiệu Thiên Như

Linh khô ca

Linh nguyên hạo diệu vô đông tây,

Cửu uyên chi thâm tử bất tề;

Thừa cơ thừa thế hốt phát động,

Lưu xuất nhất phái vi Linh khô.

Linh khô tây lai thập vạn lý,

Quyết thạch bài sơn thù cảm nghĩ;

Bôn thoan phiếm lạm quá Tào Khê,

Thập bát than đầu câu trưởng khởi.

Linh khô chi trạm dã,
Như hàm cổ kính chi quang,
Chiếu nhân diện mục nan phú tàng.
Linh khô chi minh dã,
Như tụ vạn cổ chi phát,
Huyền oanh hải nhạc thanh lãng lãng.
Đức Sơn chi bổng chấn phong vũ,
Kích trọc dương thanh vị khinh hứa;
Lâm Tế chi hát kinh lời đình,
Trục lãng tùy ba thành thố cử.
Yển Khê nhập xứ phi chân văn,
Hổ Khê thiết tướng vưu vọng truyền;
Cổ độ đả thấp Động Sơn cước,
Thiền than phiên khước Hoa Đình thuyền.
Đại địa quân linh âu sanh âu diệt,
Tam thế chư Phật đầu xuất đầu một.
Cấp lưu dũng thối vô tiên cơ,
Yêm tẩm hà chỉ thiên thất bách.
Hoặc vị khô vô linh,
Khô chi ác độc nan cụ trần;
Hoặc vị khô hữu linh,
Khô chi diệu dụng như hữu thân.

*Khê linh bất linh, ngô bất khả,
Dĩ trí tri nhi thức thức;
Quân kỳ vấn thủ Tùng Giang,
Giang thượng Linh kê nguyên thượng nhân.*

Dịch:

Bài ca suối Linh

*Suối Linh bát ngát chẳng đông tây,
Dù sâu chín vực khó so tày;
Thừa cơ thừa dịp bỗng tuôn chảy,
Một mạch thành dòng suối Linh đây.
Suối Linh tây lại mười muôn dặm,
Xoi đá dời non ai dám nghĩ;
Bon bon chảy xiết qua Tào Khê,
Mười tám đầu ghềnh đều đầy dẫy.
Suối Linh thường lóng lạng,
Như ánh sáng của gương xưa,
Soi diện mục người khó che giấu.
Tiếng gâm của suối Linh,
Như gồm muôn trống đánh lên,
Âm âm biến núi tiếng đồn dập.
Gậy của Đức Sơn động gió mưa,
Quạ đục bày trong chưa dám hứa;*

*Hét của Lâm Tế hoảng lòi đình,
Theo mời đuổi sóng thành nêu bày.
Yến Khê chổ vào chẳng thật nghe,
Hồ Khê tướng lưởi lại vọng truyền;
Bến xưa làm Động Sơn ướn gót,
Ghềnh cạn lật úp thuyền Hoa Đình.
Đại địa quân linh bọt sanh bọt diệt,
Chư Phật ba đời hiện đây mất kia;
Chảy nhanh lùì mạnh không tính trước,
Thấm nhuần đâu chỉ ngàn bảy trăm.
Hoặc bảo suối không linh,
Ác độc của suối khó kể hết;
Hoặc bảo suối có linh,
Diệu dụng của suối như có thần.
Suối Linh chẳng linh, tôi không thể,
Dùng trí biết hoặc dùng thức hiểu;
Anh nên hỏi lấy Tùng Giang,
Thượng nhân nguồn suối Linh đầu sông.*
(Sư Tử Lâm Thiên Như Hòa Thượng Ngũ Lục – quyển 4)



Thiền sư Tâm Nguyệt hiệu Thạch Khê

Tư duy tướng Quan Âm

*Xuân cầm trú đề,
Thu trùng dạ ngâm,
Hữu nhĩ giai văn,
Hà độc Quan Âm.
Như thị nhi tri,
Như thị nhi giác,
Diện mục hiện tiền,
Siêu chư dư học.
Yến ngữ oanh ngâm,
Nha minh thuốc tảo,
Thanh hữu sai thù,
Văn vô điên đảo.
Văn tánh ký tịch,
Thanh trần diệt không,
Nhất điểm bi tâm,
Tại xứ viên thông.*

Dịch:

Nghĩ về Quan Âm

*Chim xuân ngày hót,
Đế thu đêm ngâm,
Có tai đều nghe,
Nào riêng Quan Âm.*

*Như thế mà biết,
Như thế mà hiểu,
Mặt mày hiện tiền,
Vượt trên quả vị.
Yến hót oanh ngâm,
Quạ kêu thước gọi,
Tiếng có sai thù,
Nghe không diên đảo.
Tánh nghe đã lặng,
Thanh trần cũng không,
Một chút bi tâm,
Chỗ ấy viên thông.*
(Thạch Khê Hòa Thượng Ngũ Lục – quyển hạ)



Thiền sư Hoàn Xuyên Hành Cung

Thử am ca

*Ngô kết thử am ký tàn ảnh,
Hữu vấn thử am hoại bất hoại,
Nhất ngữ phát xuất thậm kỳ quái,
Tùy tha khẩu hạ đáp bất hoại.
Phàm thuộc hình tướng giai thị hoại,
Vi thậm thử am khước bất hoại?*

Lục song câu thấu vô nhất vật,
Thường quang vô nội diệt vô ngoại.
Kiếp hỏa đồng nhiên đại thiên hoại,
Ngô kết thử am thật bất hoại.
Hành trụ tọa ngọa ư kỳ trung,
Chỉ thị tầm thường cá cảnh giới,
Hữu thời từng phong nhàn cử thoại,
Vạn tượng sâm la tề sáng khoái.

Dịch:

Bài ca am này

Tôi cất am này gửi bóng tàn,
Hỏi rằng am này hoại chẳng hoại?
Một lời phát ra rất kỳ quái,
Theo lời người hỏi, đáp: Chẳng hoại.
Phàm thuộc hình tướng đều là hoại,
Vì sao am này lại chẳng hoại?
Sáu cửa thông suốt không một vật,
Ánh sáng thường không trong không ngoài.
Kiếp hỏa cháy bừng đại thiên hoại,
Tôi cất am này thật chẳng hoại.
Đi đứng ngồi nằm ở trong ấy,
Chỉ là cảnh giới bình thường vậy,

*Có khi từng, gió nhàn cất tiếng,
Muôn tượng sum la đều sáng khoái.*
(Hoành Xuyên Hòa Thượng Ngũ Lục – quyển hạ)



Thiền sư Liễu Am Thanh Dục (đời Nguyên)

Thái hư

*Thái hư vô môn tuyệt quan thược,
Khẩu chi tác thanh minh bác bác,
Vạn tượng sâm la trắc nhĩ thanh,
Thạch nhân mộc nhân tề ứng nặc.
Kim ô đông thăng thố tây trụ,
Thiên phong xuy hoa lạc hương vũ,
Đạo nhân yển tọa tịch bất động,
Tiểu khán Tu-di đồng cổ vũ.
Ngã dĩ Thái hư chân thể hợp,
Tuyệt điểm thuần thanh ly phấn tạp,
Điện quang ảnh lý cấp phiên thân,
Thạch hỏa tinh trung tứ đẳng đạo.
Vị minh thử chỉ thành lược hư,
Kháo thật thuyết thoại nan đề trì,
Trực hướng hư trung liễu chân thật,
Thủy tri thật ngoại nguyên vô hư.*

*Hư hê thật hê kim phục cổ,
Hữu tướng vô tướng hà túc số,
Thuyết dữ thông minh đạo giả tri,
Đả phá tương lai trùng niết tụ.*

Dịch:

Thái hư

*Thái hư không cửa chẳng cổng khóa,
Gõ đó ra tiếng kêu bóc bóc,
Vạn tượng sum la nghiêng tai nghe,
Người gõ người đá đồng ứng dạ.
Mặt trời đông lên, trăng tây lặn,
Gió trời thổi hoa rụng mưa hương,
Đạo nhân ngồi yên lặng chẳng động,
Cười xem Tu-di đồng cổ vũ.
Ta cùng Thái hư chân thể hiệp,
Cấu sạch toàn trong lìa lẫn tạp,
Trong ánh điện chớp gấp trở thân,
Giữa lửa đá nháng mặc bay nháy.
Chưa rõ ý này thành nói càn,
Nương thật nói ra khó giữ gìn,
Nhằm thẳng trong rỗng rõ thật chân,
Mới biết ngoài thật vốn không rỗng.*

*Rỗng chừ thật chừ nay lại xưa,
Có tướng không tướng nào đếm đủ,
Nói cùng đạo giả thông minh hay,
Đập nát rồi sau vo tròn lại.*

Tự mục

*Ngã hữu thủy cổ ngư,
Sanh lai duy tự mục,
Tiên thăng ký tại thủ,
Thả miễn đông tây xúc.
Nguyên thượng xuân thảo thanh,
Nguyên hạ xuân thủy lục,
Tùy nghi bất đa cầu,
Đắc bảo ý tự túc.
Như thị tam thập tải,
Dưỡng chi phả thuần thực,
Khởi vô tha nhân giá,
Thị chi phi sở dục.
Mao sắc nhât dĩ hóa,
Đầu giác không tự toàn,
Ký bất nghịch nhân ý,
Hựu bất hê nhân diên.*

*Tam xuân nông sự bãi,
Nhất đề dương liễu yên,
Nhân ngư lưỡng hà hữu,
Thứ dĩ chung thiên niên.*

Dịch:

Tự chẵn

*Tôi có một con trâu,
Sanh ra chỉ tự chẵn,
Dây roi trong tay sẵn,
Mới khởi chạy tây đông.
Trên bãi cỏ xuân tươi,
Dưới suối nước xuân biếc,
Tùy nghi chẳng cầu nhiều,
Được no ý vừa đủ.
Như thế ba mươi năm,
Nuôi nó được thuần thực,
Đâu không lúa mạ người,
Dạy nó chẳng nên ham.
Sắc lông đã biến đổi,
Đầu sừng bỗng tự thành,
Ý người đã chẳng trái,
Lại không đập lúa mạ.*

*Ba xuân việc nông hết,
Một bờ dương liễu xanh,
Người trâu hai nào có,
Ngõ hầu trọn ngàn năm.*

(Liễu Am Hòa Thượng Ngũ Lục – quyển 7)



Thiền sư Ngốc Am Phổ Trang (đời Nguyên)

Ngốc am ca

*Ngã thử Ngốc am Ngốc đạo nhân,
Bất thức thế gian thu dữ xuân.
Ngọt ngọt si si chỉ ma quá,
Vô vinh vô nhục vô sơ thân.
Hoặc bả tinh kim hòa thổ mại,
Hoặc thâu yến thạch tàng vi trần.
Tiểu đảo bàng quan linh lợi hán,
Tán diệt bất hỷ mạ bất sân.
Hữu vấn Ngốc am hà sở tác?
Nhàn khán hồ lô huyền bích giác.
Đương dương niệm khởi độn thiết thiêu,
Nghĩ hướng hư không khứ xuyên tạc.
Môn hộ trường niên bất tự khai,
Thất lý từng lai không sách sách.*

*Đa bị thời lưu mạch diện khi,
Nhất sanh mãng lỗ đô bất giác.
Khả quái ngốc nhân bách bất năng,
Đối nhân ngốc thoại hoàn khả tăng.
Cương đạo dạ thâm sô khuyển phê,
Đại dương hải để nhân khiêu đẳng.
Cánh hữu nhất ban ngốc kỹ lưỡng,
Lưỡng nhĩ trác sóc đầu bằng tăng.
Nhậm nhĩ khách tăng trình cơ xảo,
Đông hô tây hoán cừ bất ưng.*

Dịch:

Bài ca Ngốc am

*Ngốc am tôi đây, Ngốc đạo nhân,
Chẳng biết thế gian thu với xuân.
Ngơ ngơ ngáo ngáo chỉ như thế,
Không vinh không nhục không sơ thân.
Hoặc nắm vàng ròng hòa đất bán,
Hoặc nhận yến thạch làm bảo trân.
Người khôn trông thấy liền cười ngất,
Khen cũng chẳng mừng, mắng chẳng buồn.
Người hỏi Ngốc am làm chi đấy?
Nhàn xem hồ lô treo góc tường.*

Ban ngày vác lấy cây xuống lụt,
Toan đào bới mãi trong hư không.
Cửa nhà hằng năm chữ bát mở,
Trong nhà lâu nay rỗng trống không.
Thường bị người đời chê thẳng mặt,
Một đời lỗ mãng trọn chẳng thông.
Quái lạ người ngốc việc chẳng rành,
Bị người nói ngốc lại đáng ghét.
Bảo rằng đêm khuya chó rơm sủa,
Dưới đáy bể cả người môi đèn.
Lại một nhóm ngốc đây bản lĩnh,
Hai tai vánh lên đầu rối nùi.
Mặc ông khách tăng trình khéo léo,
Kêu đông gọi tây y chẳng đáp.

*

Thiên duyệt ngâm

Ngã ngâm thiên duyệt thùi chứng cứ,
Tự hữu tri âm tri lạc xứ,
Ca-sa khinh quyển xuất trần lai,
Tức lập cao đảm nhập sơn khứ.
Thanh tùng hạ, bích nham tiên,
Nhàn khán phù vân hoành hiếu thiên,

Nhật luân sơ thăng chiếu tuyết đánh,
Đại địa tu du câu đồng nhiên.
Thạch môn am, hoang thảo lộ,
Yếu hành tức hành trụ tức trụ,
Hữu thời ngọt tọa phá sài sàng,
Khốn tắc hòa y thân cước thù.
Bân đạo nhân một sơ thân,
Đầu đầu ứng dụng giai thiên chân,
Sơn điều hàm hoa hốt tương quá,
Định hồi bất giác nhân gian xuân.
Chư cảnh không, vạn duyên tuyết,
Chiêm-bặc xuy hương mãn liêu huyệt,
Lãng-già độc bãi mặc vô ngôn,
Cử đầu dao vọng thiên biên nguyệt.
Thu điệp lạc, thu phong lương,
Tiểu khê lưu thủy thanh tự trường,
Bạc mộ kinh phùng thể tiêu khách,
Nghĩ tâm quy lộ hà bàng hoàng.
Độc hư hy thường khánh khoái,
Tiệt đoạn thiên yêu tịnh bách quái,
Cùng đông tích tuyết biến sơn lâm,
Tuyết thắng Phổ Hiền ngân thế giới.

Miêu bất tỵ, họa bất thành,
Ngộ đắc vô sanh vô bất sanh,
Nhất bát trì lai Hương Tích phạn,
Tịnh Danh bất xuất Tỳ-da thành.
Thiên duyệt ngâm, ngâm bất triệt,
Bản sắc nạp tăng cơ dụng biệt,
Toàn phóng toàn thu chánh thủ thời,
Ký ngữ thông nhân hảo chân biệt.

Dịch:

Ngâm thiên duyệt

Tôi ngâm thiên duyệt ai người biết,
Chỗ vui tự có tri âm hiểu,
Cuốn nhẹ ca-sa ra khỏi trần,
Cột trên đầu gây quảy vào núi.
Dưới tùng xanh, trước núi biếc,
Nhàn xem mây nổi vắt ngang trời,
Vàng hồng vừa lên soi tốt đánh,
Quả đất phút chốc đều rụng rời.
Am thạch môn, đường cỏ hoang,
Cần đi liền đi, đứng liền đứng,
Có khi ngơ ngáo ngồi giường xiêu,
Mệt thì nằm thẳng đuổi chân ngủ.

Đạo nhân nghèo không sợ thân,
Mỗi mỗi ứng dụng đều thiên chân,
Chim núi ngậm hoa bỗng bay thẳng,
Định dậy chợt biết nhân gian xuân.
Các cảnh không, muôn duyên bắt,
Hang vắng gió đầy hương Chiêm-bạc,
Độc xong Lãng-già lặng không lời,
Ngẩng nhìn trời xa trắng một góc.
Lá thu rụng, gió thu mát,
Thường nghe khe chảy tiếng róc rách,
Sấm tối chợt gặp lão tiêu phu,
Toan tìm lối về sao ngơ ngác.
Một mình cười thường thích thú,
Chặt hết ngàn yêu cùng trăm quái,
Cuối đông tuyết đọng khắp núi rừng,
Vượt hơn Phổ Hiền thế giới bạc.
Tả chẳng được, vẽ chẳng thành,
Ngộ được không sanh không chẳng sanh,
Một bát mang đầy cơm Hương Tích,
Tịnh Danh chẳng rời Tỳ-da thành.
Ngâm thiên duyệt, ngâm chẳng tốt,
Bản sắc thiên tăng cơ dụng biệt,

*Toàn buông toàn nắm chính lúc này,
Kính gửi cho người khéo nhận biết.*
(Ngốc Am Trang Thiên Sư Ngũ Lục – quyển 6)



Thiên sư Sở Thạch Phạm Kỳ

Tiểu vân

*Sơn trung nhân tiểu vân lai khứ,
Kỷ độ dục lưu lưu bất trụ,
Nhất phiến tây hê nhất phiến đông,
Vị thù quả tại thanh tùng thụ.
Hữu thời quyền, bất luận cao đê tỉnh cận viễn;
Hữu thời thư, nam bắc tây đông mãn thái hư.
Bản tự vô tâm hựu vấn tích,
Du dương tán mạn tùy phong lực,
Bạch y thương cầu nhậm tung hoành,
Phản tịch hoàn không hà xứ mịch?
Khước khứng sơn trung vân tiểu nhân,
Khu khu vị miễn tẩu hồng trần,
Đản năng phóng hạ tiện an lạc,
Sở dĩ trường tương vân dụ thân.*

Dịch:

Cười mây

*Trong núi người cười mây qua lại,
Mấy phen muốn giữ giữ không xong,
Một mảnh tây chừ đông một mảnh,
Vì ai treo tại cội tùng xanh?
Khi thì cuộn, chẳng luận thấp cao với xa gần.
Khi thì duỗi, nam bắc đông tây trời mênh mông.
Vốn tự không tâm thôi hỏi dẫu,
Giăng giăng tản mạn tùy sức gió,
Áo trắng chó xanh mặc tung hoành,
Lặng lẽ thành không chừ đâu tá?
Lại e trong núi mây cười anh,
Nhọc nhằn chưa thoát chốn hồng trần,
Chỉ hay buông thông liên an lạc,
Cho nên thường đem mây dụ thân.*
(Sở Thạch Phạm Kỳ Thiên Sư Ngũ Lục – quyển 17)

*

Thị chư thiên nhân

*Đô duyên muội khước tự gia tâm,
Chỉ quản mang mang hướng ngoại tâm.
Bất thức thải kê hô tác phụng,
Hoàn tương hoàng diệp nhận vi câm (kim).
Cầu sư bạt thiệp sơn xuyên viễn,*

Trục cảnh nhân tuần tuế nguyệt thâm.

Hữu vấn khước tu hướng y đạo,

Thùy gia thất lý một Quan Âm.

Dịch:

Dạy các thiên nhân

Nhiều duyên mờ mất tâm nhà mình,

Chỉ nhắm xa xôi bên ngoài tìm.

Chẳng biết gà bông kêu là phụng,

Lại lầm lá đỏ với vàng ròng.

Cầu thầy, vượt suối trèo non khắp,

Theo cảnh trôi qua bao tháng năm.

Nếu ai hỏi đến cần nên nói,

Nhà nào mà chẳng có Quan Âm?

(Sở Thạch Phạm Kỳ Thiên Sư Ngũ Lục – quyển 18)



Thiên sư Chơn Tịnh

Thiên định hiên tập kệ

I

Nhiếp tâm danh Tịnh giới,

Thiên định hiệu Ba-la,.

Đáo ngạn nhưng lưu phiệt,

Hành từ phục độ tha.

*Ngộ hoài sanh Cực lạc,
Kiến tánh thức Di-đà.
Tức thử minh hiên hạ,
Bồ-đề tát-ma-ha.*

II

*Tuy nhiên mê ngộ biệt,
Bình đẳng nhất thiên tâm.
Mạc hướng Vân Môn mịch,
Hữu tùng Lâm Tế tâm.
Hà tiêu thành bạch ngọc,
Khoáng tận đắc hoàng kim.
Vô tử bất tư nghi,
Linh nguyên tối thậm thâm.*

III

*Bản lai đồng tác Phật,
Vọng tưởng cộng lưu liên.
Thử nhật bất vi đạo,
Hà thời năng khứ triền.
Tiện nghi quy Bảo sở,
Hữu cánh nhận không quyền.
Nhất nhất thiên chân tánh,
Hoa khai hỏa lý liên.*

IV

*Tây lai nguyên bất nhị,
Thiên hạ sở truyền sai.
Phật pháp vô đa tử,
Môn đình hữu kỷ gia.
Chủ tân phân thố mã,
Bổng hát biện long xà.
Học giả nghi tường thâm,
Như kim chánh khả ta.*

V

*Chư tổ truyền tâm ấn,
Hà tăng biệt hữu thiên.
Tông thừa mê hữu dị,
Phật pháp ngộ vô thiên.
Bảo giác nhân nhân đại,
Linh cơ sự sự viên.
Mạc cầu kỳ đặc thuyết,
Hoang khước tự gia điền.*

VI

*Tiểu thừa bất kiến tánh,
Tâm ngoại biệt hữu thiên.
Vọng hiện Niết-bàn lạc,
Mê tao phiến não triền.*

*Khởi tri đàm để nguyệt,
Nguyên tại ốc đầu thiên.
Cánh bả cổ nhân ngữ,
Tương vi kỳ đặc truyền.*

VII

*Thần thông du hý lực,
Nhất nhất bản vô sanh.
Bồ-tát năng thân chứng,
Như Lai cánh diệu minh.
Thanh văn văn vị tín,
Duyên giác giác du kinh.
Duy hữu đại thừa khí,
Linh nguyên phát tiện thanh.*

VIII

*Phật tánh thiên chân sự,
Thùy ngôn biệt hữu sư.
Nam nhi đàn chỉ xứ,
Nữ tử xuất thiên thì.
Bất phí tiêm hào lực,
Hà tăng động sở tư.
Chúng sanh tổng bình đẳng,
Nhật dụng tự đa nghi.*

IX

*Học đạo tiên tu minh hữu ngộ,
Pháp vương pháp ấn ấn vô thiên.
Niêm lai sự sự giai quá lượng,
Bả xuất tâm tâm tông ly duyên.
Do thị chúng sanh điên đảo giải,
Bất quán chư tổ thượng lai truyền.
Liên hoa thế giới đồng du hý,
Chủ bạn giao tham ảnh tượng tiền.*

X

*Long tượng triều hôn thiên duyệt xứ,
U thâm nan thắng thử hiên song.
Tâm vi du hý thần thông tạng,
Thân thị quang minh trí chiếu tràng.
Tuần vật cao đê tuy hữu nhị,
Quy nguyên bản mặt thả vô song.
Đản năng tri kiến đồng chân chánh,
Ngoại đạo thiên ma khể thủ hàng.*

Dịch:

Mười bài kệ Dưới hiên thiên định

I

Nhiếp tâm gọi Tịnh giới,

Thiên định hiệu Ba-la.

Đến bờ bè vẫn giữ,

Hành từ lại độ tha.

Tâm ngộ sanh Cực lạc,

Thấy tánh biết Di-đà.

Ngay đây dưới hiên sáng,

Bồ-đề tát-ma-ha.

II

Tuy nhiên mê ngộ khác,

Bình đẳng một tâm thiên.

Chớ nhằm Vân Môn kiếm,

Thôi theo Lâm Tế tìm.

Vết sạch, thành bạch ngọc,

Khoáng hết, được vàng ròng.

Khôn sánh chẳng bàn nghĩ,

Nguồn linh sâu vô cùng.

III

Xưa nay đồng làm Phật,

Cùng vọng tưởng lưu liên.

Hôm nay chẳng hành đạo,

Khi nào hay thoát triền?

Phải nên về Bảo sở,

Thôi chớ nhận tay không.

Tánh thiên chân sẵn có,

Lò lửa nở sen hồng.

IV

Tổ ý vốn chẳng hai,

Thiên hạ đã truyền sai.

Phật pháp không nhiều lắm,

Môn đình có mấy nhà.

Thỏ ngựa, chủ khách biện,

Rắn rông, gậy hét chia.

Người học nên xét rõ,

Hiện nay thật đáng chê.

V

Chư tổ truyền tâm ấn,

Đâu từng riêng có thiên.

Mê tông thừa có khác,

Ngộ Phật pháp không riêng.

Bảo giác người người lớn,

Linh cơ việc việc tròn.

Chớ câu lời kỳ đặc,

Bỏ hoang ruộng nhà mình.

VI

*Tiểu thừa chẳng kiến tánh,
Ngoài tâm riêng có thiền.
Vọng hiện Niết-bàn lạc,
Mê bị phiến não ràng.
Trăng đáy đầm chẳng biết,
Vốn ở trên nóc nhà.
Lại bám lời người trước,
Cho là kỳ đặc truyền.*

VII

*Sức thần thông du hý,
Mỗi mỗi vốn vô sanh.
Bồ-tát hay thân chứng,
Như Lai càng diệu minh.
Thanh văn nghe còn ngại,
Duyên giác giác vẫn kinh.
Chỉ bậc Đại thừa ấy,
Trong suốt tận nguồn linh.*

VIII

*Việc thiên chân Phật tánh,
Ai bảo riêng có thầy.
Người nam móng tay khải,
Người nữ xuất định ngay.*

Chẳng tốn mảy may sức,
Đâu từng động nghĩ suy.
Chúng sanh thấy bình đẳng,
Hằng ngày tự đa nghi.

IX

Học đạo biết ngộ việc đầu tiên,
Pháp ấn pháp vương ấn chẳng nghiêng.
Nêu lên việc việc đều quá lượng,
Nắm đến tâm tâm thấy lìa duyên.
Bởi tại chúng sanh hiểu điên đảo,
Chẳng xem chư tổ trước nay truyền.
Thế giới liên hoa đồng du hý,
Chủ bạn xen nhau trước bóng hình.

X

Long tượng sớm chiều chỗ thiên duyệt,
Lặng yên nào sánh chốn hiên này.
Tâm ấy kho thân thông du hý,
Thân kia cớ trí chiếu sáng ngời.
Theo vật thấp cao tuy có khác,
Về nguồn gốc ngọn vốn không hai.
Chỉ hay tri kiến đồng chân chánh,
Ngoại đạo thiên ma phải xá dài.

(Cổ Tôn Túc Ngũ Lục – quyển 45)



Thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm

Thị học nhân

*Học đạo chi nhân bất thức chân,
Chỉ vị từng lai nhận thức thân,
Vô thủy kiếp lai sanh tử bản,
Si nhân hoán tác bản lai nhân.*

Dịch:

Dạy người hỏi đạo

*Học đạo mà không hiểu lẽ chân,
Chỉ tại xưa nay nhận thức thân,
Gốc nguồn sanh tử vô thủy kiếp,
Người ngu lại gọi đó chủ nhân.*

(Ngũ Đăng Hội Nguyên – quyển 4)



Thiền sư Động Sơn Lương Giới

Tương tịch thị chúng

*Học giả hằng sa vô nhất ngộ,
Quá tại tâm tha thiệt đầu lộ,
Dục đắc vong hình dẫn tung tích,*

Nỗ lực ân cần không lý bộ.

Dịch:

Sắp viên tịch, dạy chúng

Học giả hằng sa ngộ mấy người,

Lỗi tại tìm trên ngôn ngữ thôi,

Muốn được quên thân bắt dấu vết,

Gắng bước trong không chớ biếng lười.

(Quân Châu Động Sơn Ngộ Bản Thiên Sư Ngũ Lục)



Thiên sư Thuần Am Thiên Tịnh

Phong phan bất động tụng

Bất thị phong hề bất thị phan,

Bạch vân tận xứ kiến thanh san,

Khả lân vô hạn anh linh hán,

Khai nhân đường đường nhập tử quan.

Dịch:

Tụng về gió động phan động

Chẳng phải phong chừ chẳng phải phan,

Mây trắng tan rồi thấy núi xanh,

Đáng thương biết mấy người cao quý,

Mất mở trùng trùng vào tử quan.

(Thiên Tông Tụng Cổ Liên Châu Thông Tập – quyển 7)



Thiền sư Lâm Tế

Thị chúng

Nhĩ nhược ái thánh tắng phàm,

Sanh tử hải lý trầm phù.

Phiền não do tâm cố hữu,

Vô tâm phiền não hà câu.

Bất lao phân biệt thủ tướng,

Tự nhiên đắc đạo tu du.

Dịch:

Dạy chúng

Nếu ông mến thánh ghét phàm,

Trong biển sanh tử nổi chìm.

Phiền não do tâm nên có,

Không tâm phiền não đâu tìm.

Chẳng nhọc phân biệt chấp tướng,

Phút giây đắc đạo tự nhiên.

(Trần Châu Lâm Tế Huệ Chiếu Thiền Sư Ngũ Lục)



Thiền sư Nghĩa Vân (Nhật Bản)

Tọa thiền nghi - Khô mộc hoa khai

*Ngọt ngọt liêu liêu ỷ bồ đoàn,
Long ngâm vân khởi hắc man man,
Cá trung tiêu tức tuyệt tư nghị,
Sát hải tam thiên chỉ nhất ban.*

Dịch:

Nghi thức tọa thiền - Cây khô trở hoa

*Lặng lặng ngơ ngơ tựa bồ đoàn,
Rông ngâm mây dấy tối mênh mang,
Trong đây tin tức bất suy nghĩ,
Cõi nước ba ngàn chỉ một ban.*

(Nghĩa Vân Hòa Thượng)



Thiền sư Đồng An Sát

Đạt bản

*Vật ư trung lộ sự Không vương,
Sách trượng hoàn tu đạt bản hương.
Vân thủy cách thời quân mạc trụ,
Tuyệt sơn thâm xứ ngã phi vong.
Tâm tư khứ nhật nhan như ngọc,
Ta thán hồi lai mất tự sương.
Tán thủ đảo gia nhân bất thức,
Cánh vô nhất vật hiến tôn đường.*

Dịch:

Được gốc

*Chớ nên giữa lộ phụng Không vương,
Chống gậy cần về đến bản hương.
Khi mây nước cách, ông chớ trụ,
Chỗ núi tuyết sâu, ta không quên.
Nhớ thuở lên đường mặt tợ ngọc,
Than ôi! Ngày về tóc như sương.
Thông tay đến nhà người chẳng biết,
Lại không một vật hiến tôn đường.
(Cảnh Đức Truyền Đăng Lục – quyển 29)*



Thiền sư Nguyệt Pha (Nhật Bản)

*Huê phủ phá sài tam tứ thức,
Đề đao trạch thái lưỡng tam hành,
Đạo nhân nhật dụng chỉ như thị,
Hữu thậm Bồ-đề đạo khả thành.*

Dịch:

*Vác búa bửa củi ba bốn bó,
Cầm đao cắt rau hai ba cọng,
Nhật dụng đạo nhân chỉ như thế,
Nào có Bồ-đề đạo khả thành.*



Thiên sư Ứng Am Đàm Hoa

Thị chúng kệ

*Kim tích bãi du lưu kháo bích,
Thảo hài càn sái đãi thu phong.
Thả na trường hạ thâm tư tỉnh,
Khán thị bình sinh hữu để công.
Chân thật hành tàng nghi bảo tích,
Hư đầu kỹ lưỡng tậ tiêu dung.
Lão tăng khởi thị đa nhiều thiệt,
Yếu dữ chư nhân khí vị đồng.*

Dịch:

Kệ dạy chúng

*Gậy thiền hết đi đem dựng vách,
Giày cỏ phơi khô đợi thu phong,
An cư cần xét ơn tín thí,
Xem thử hàng ngày công có không?
Hành tàng chân thật nên tiếc giữ,
Đối gian khéo léo chóng tiêu dung,
Lão tăng há phải nhiều miệng lưỡi,
Cốt cùng các ông khí vị đồng.*

*

Quốc sư Nhất Sơn họa

*Ngũ hồ long tượng thử tương tùng,
Lập chí ứng tu kế Tổ phong.
Thế sự vô cùng nghi tự tỉnh,
Huyền quan vị thấu hiệp gia công.
Kiêu dung chỉ dụng tinh cần nhiếp,
Ngoan độn duy tương mãnh liệt dung,
Kỳ mẫn cứu tuần như thiếu nghiệm,
Thân tâm hiểm dữ Thiết Vi đồng.*

Dịch:

Bài họa của Quốc sư Nhất Sơn

*Khắp nơi long tượng hợp nhau đông,
Lập chí cần nên nối Tổ phong.
Thế sự không cùng nên tự giảm,
Cửa huyền chưa thấu phải gắng công.
Biếng lười nên lấy siêng năng nhiếp,
Ngu dốt chỉ dùng mãnh liệt nung.
Ba tháng đã qua như chẳng tiến,
Thân tâm nghiệm với Thiết Vi đồng.*

(Nhất Sơn Quốc Sư Diệu Từ Hoàng Tế Đại Sư Ngũ Lục)



Thiền sư Đại Dương Kinh Huyền

*Ngã tích sơ cơ học đạo mê,
Vạn thủy thiên sơn mịch kiến tri.
Minh kim biện cố chung nan hội,
Trực thuyết vô tâm chuyển cánh nghi.
Mông sư điểm xuất Tần thời cảnh,
Chiếu kiến phụ mẫu vị sanh thì.
Như kim giác liễu hà sở đắc,
Dạ phóng ô kê đối tuyết phi.*

Dịch:

*Thuở trước sơ cơ học đạo mê,
Ngàn núi muôn sông kiếm thấy nghe.
Vạch xưa bây nay không thể hội,
Nói thẳng vô tâm càng thêm nghi.
Nhờ thầy chỉ rõ gương Tần cũ,
Soi thấy ban đầu khi chưa sanh.
Ngày nay giác ngộ đâu sở đắc,
Đêm thả gà đen mang tuyết bay.*

(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 23)



Thiền sư Bảo Phong

Tự đề tượng

*Vũ tẩy đạm hồng đào ngọc nộn,
Phong dao tiên bích liễu ty khinh,
Bạch vân ảnh lý quái thạch lộ,
Lục thủy quang trung cố mộc thanh.
Di! Nhĩ thị hà nhân?*

Dịch:

Đề ảnh của mình

*Mưa rửa nhụy non hồng đào sạch,
Gió đưa lá ngọc liễu tơ bay,
Trong bóng mây trắng bày đá lạ,
Giữa dòng nước biếc cây xưa xanh.
Ôi! Người là người gì?*

(Chỉ Nguyệt Lục – quyển 28)



Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng

*Chung nhật tầm xuân bất kiến xuân,
Mang hài đập phá lãnh đầu vân,
Quy lai ngẫu quá mai hoa hạ,
Xuân tại chi đầu dĩ thập phân.*

Dịch:

*Suốt ngày tìm xuân chẳng thấy xuân,
Giày gai đập nát đỉnh mây ngàn,*

*Trở về chợt đến vườn mai ấy,
Xuân ở đâu cảnh vẹn mười phân.*

(Vô Tận Tạng Tỳ-kheo-ni)



Thiền sư Hoa Đình Thuyền Tử

Thị học nhân kệ

*Tam thập niên lai hải thượng du,
Thủy thanh ngư hiện bất thôn câu,
Điều can chúc tận trùng tài trúc,
Bất kế công trình đắc tiện hưu.
Thiên xích ty luân trực há thù,
Nhất ba tài động vạn ba tùy,
Dạ tĩnh thủy hàn ngư bất thực,
Mãn thuyền không tải nguyệt minh quy.*

Dịch:

Bài kệ Dạy người hỏi đạo

*Bệnh bông mặt bể đã lâu rồi,
Nước trong cá lội chẳng ăn mồi,
Cần câu gãy hết trông thêm trúc,
Chẳng tính công trình được mới thôi.
Sợ tơ ngàn thước buông thẳng dòng,
Một sóng dấy lên muôn sóng đồng,*

*Đêm khuya nước lạnh cá yên lặng,
Đầy thuyền về chở ánh trăng trong.*
(Thiên Lâm Loại Tụ – quyển 15)



Thiên sư Tam Bình Nghĩa Trung

*Tức thử kiến văn phi kiến văn,
Vô dư thanh sắc khả trình quân,
Cá trung nhược liễu toàn vô sự,
Thể dụng hà phòng phân bất phân.*

Dịch:

*Ngay thấy nghe này chẳng thấy nghe,
Đâu còn thanh sắc để trình anh,
Trong ấy nếu liễu toàn vô sự,
Thể dụng ngại gì phân chẳng phân.*
(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 18)



Thiên sư Lạc Phổ

Phù âu ca

*Vân thiên vũ lạc đình trung thủy,
Thủy thượng phiêu phiêu kiến âu khi,
Tiền giả dĩ diệt hậu giả sanh,*

*Tiền hậu tương tục vô cùng dĩ.
Bản nhân vũ trích thủy thành âu,
Hoàn duyên phong kích âu quy thủy,
Bất tri âu thủy tánh vô thù,
Tùy tha chuyển biến tương vi dị.
Ngoại minh oánh, nội hàm hư,
Nội ngoại linh lung nhược bảo châu,
Chính tại trường ba khán tự hữu,
Cập hồ động trước hựu như vô.
Hữu vô động tịnh sự nan minh,
Vô tướng chi trung hữu tướng hình,
Chỉ tri âu hướng thủy trung xuất,
Khởi tri thủy diệt tùng âu sinh.
Quyền tương âu thủy loại dư thân,
Ngũ uẩn hư toàn giả lập nhân,
Giải đạt uẩn không âu bất thật,
Phương năng minh kiến bản lai chân.
Dịch:*

Bài ca bọt nổi

*Trời mây mưa nước rót trong sân,
Trên nước lăn tăn thấy bọt sinh,
Bọt trước vừa tan bọt sau hiện,*

Trước sau tiếp nối mãi không cùng.
Vì bởi giọt mưa nước thành bọt,
Bọt tan thành nước bởi gió xao,
Chẳng biết bọt - nước đồng một tánh,
Theo duyên chuyển biến mới khác nhau.
Ngoài sáng loáng, trong rỗng không,
Trong ngoài lóng lánh như bảo trân,
Đang khi lặng sóng xem dường có,
Bỗng dừng động đến lại như không.
Có không động tịnh khó phân minh,
Trong cái không tướng hiện tướng hình,
Chỉ biết bọt kia từ nước khởi,
Đâu hay nước cũng từ bọt sinh.
Tạm đem bọt nước sánh thân này,
Năm uẩn dối gom giả lập người,
Hiếu thấu uẩn không bọt chẳng thật,
Mới hay thấy rõ người xưa nay.
(Thiền Môn Chư Tổ Sư Kệ Tụng)



Thiền sư Long Tế Thiệu Tu (Tu sơn chủ)

Dục thức giải thoát đạo,
Chư pháp bất tương đáo,

Nhân nhĩ tuyệt kiến văn,
Thanh sắc náo hạo hạo.
Sơ tâm vị nhập đạo,
Bất đắc náo hạo hạo,
Chung thanh lý tiến thủ,
Cổ thanh lý diên đảo.
Vạn pháp thị tâm quang,
Chư duyên duy tánh liễu,
Bản vô mê ngộ nhân,
Chỉ yếu kim nhật liễu.

Dịch:

Muốn biết đạo giải thoát,
Các pháp không đến nhau,
Mất tai thấy nghe bắt,
Thanh sắc rộn lao xao.
Mới học chưa vào đạo,
Chẳng được quá ồn náo,
Tiếng chuông thì nhận ra,
Tiếng trống lại diên đảo.
Muôn pháp ánh sáng tâm,
Các duyên là tánh tỏ,

*Vốn không người ngộ mê,
Chỉ cần ngày nay rõ.*

*

*Nhị phá bất thành nhất,
Nhất pháp trấn trường tồn,
Nhược nhân nhất nhị giải,
Vĩnh kiếp thọ trầm luân.*

Dịch:

*Bỏ hai chẳng thành một,
Một đó mãi thường còn,
Nếu cứ hiểu hai một,
Vĩnh kiếp chịu trầm luân.*

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 54)

*

*Phong động tâm dao thọ,
Vân sanh tánh khởi trần,
Nhược minh kim nhật sự,
Muội khước bản lai nhân.*

Dịch:

*Gió động tâm cây lay,
Mây sanh tánh bụi bay,
Nếu rõ việc hiện tại,*

Quên mất người xưa nay.

(Ngũ Đăng Hội Nguyên – quyển 8)



Hòa thượng Vân Cái Trí Bản

Thượng đường

Nhất niên xuân tận nhất niên xuân,

Dã thảo sơn hoa kỷ độ tân,

Thiên hiểu bất nhân chung cổ động,

Nguyệt minh phi vị dạ hành nhân.

Dịch:

Một năm xuân trọn một năm xuân,

Cỏ nội hoa đồng mấy độ xinh,

Trời sáng không do chuông trống động,

Trăng trong đầu bởi khách đi đêm.

(Tục San Cổ Tôn Túc Ngũ Yếu – tập 4)



Thiền sư Thiên Tùng Đại Thiều

Tuế triêu

Kim triêu tận đạo thiên nhất tuế,

Ngô đạo như kim giảm nhất niên,

Tăng giảm khứ lai vô định số,

*Duy năng tiêu tận thế gian duyên.
Tất tu thức đắc duyên trung chủ,
Bách thiên vạn kiếp thường như nhiên,
Vô tăng vô giảm như hà đạo,
Nhất cú hà tu dụng khẩu truyền.*

Dịch:

Năm mới

*Sáng nay đều nói thêm một tuổi,
Tôi bảo ngày này bớt một năm,
Thêm bớt lại qua số khôn tính,
Chỉ cần dứt sạch duyên thế gian.
Ắt phải chủ trong duyên biết được,
Trăm ngàn ức kiếp thường an nhiên,
Không bớt không thêm làm sao nói,
Một câu đâu cần dụng miệng truyền.
(Thiên Tùng Bút Ký)*



Hòa thượng Quảng Giám Anh

Thượng đường

*Khứ niên phùng thanh xuân,
Châu nhan ánh đào lý,
Kim niên phùng thanh xuân,*

*Bạch phát áp song nhĩ.
Nhân sanh thất thập niên,
Tật nhược đông lưu thủy,
Bất liễu bản lai tâm,
Sanh tử hà do lý.*

Dịch:

*Năm trước gặp thanh xuân,
Mặt hồng khoe đào lý,
Năm nay gặp thanh xuân,
Tóc bạc đầy cả mái.
Người đời tuổi bảy mươi,
Nhanh như dòng nước chảy,
Chẳng ngộ tâm xưa nay,
Sanh tử nào thoát khỏi.*

(Tục San Cổ Tôn Túc Ngũ Yếu – tập 6)



Thiền sư Khai Phước Đạo Ninh

Khán tụng

*Phân hương đề khởi kinh lai độc,
Tiện thị niêm hoa phó chúc tâm,
Thử ngoại biệt câu huyền diệu giải,
Du du thiên cổ thiếu tri âm.*

Dịch:

Xem kinh

*Thắp hương thỉnh kinh mở ra đọc,
Chính là niềm hoa phước chúc tâm,
Ngoài đó mà cầu huyền diệu khác,
Xa xôi thiên cổ ít tri âm.*

(Khai Phước Đạo Ninh Thiên Sư Ngũ Lục – quyển thượng)

*

Thượng đường

*Thu nhật diệu trường không,
Thu giang tảo hư bích.
Thương ta môn ngoại nhân,
Xử xử tâm Di-lặc,
Mạch lộ hốt đài đầu,
Tương phùng bất tương thức.*

Dịch:

*Trời thu sáng không mây,
Sông thu trong ngăn ngắt.
Than ôi! Người cổng ngoài,
Nơi nơi tìm Di-lặc,
Giữa đường chợt ngáng đầu,*

Gặp nhau mà chẳng biết.

(Khai Phước Đạo Ninh Thiên Sư Ngũ Lục – quyển hạ)



Thiên sư Thử Am Thử Tịnh

Thượng đường

*Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý,
Phiến vân quy động bản vô tâm,
Nhân sanh nhược đặc như vân thủy,
Thiết thọ khai hoa biến giới xuân.*

Dịch:

*Nước tuôn xuống núi nào có ý,
Mây bay về động vốn không tâm,
Người đời nếu được như mây nước,
Cây sắt trở hoa khắp cõi xuân.*

(Tục San Cổ Tôn Túc Ngũ Yếu – tập 5)



Thiên sư Đơn Hà Tử Thuần

Thượng đường

*Đình đình nhật ngộ du khuy bán,
Tịch tịch tam canh thượng vị viên,
Lục hộ bất tăng tri noãn ý,*

Vãng lai thường tại nguyệt minh tiên.

Dịch:

Dừng dừng đứng ngộ còn kém nửa,

Lặng lặng canh ba vẫn chưa tròn,

Sáu cửa chẳng từng biết hơi ấm,

Lại qua thường ở dưới trăng trong.

(Tăng Tập Đơn Hà Thuần Thiên Sư Ngũ Lục)



Thiên sư Tính Thiên Như Kiều

Lâm chung thị chúng

Văn chương Phật pháp không trung sắc,

Danh tướng thân tâm liễu thượng yên,

Duy hữu tử sanh chân đại sự,

Ân cần liễu biện mặc thiên diên.

Dịch:

Sắp tịch dạy chúng

Văn chương Phật pháp sắc trong không,

Danh tướng thân tâm khói ngọn dương,

Chỉ có tử sanh thật việc lớn,

Ân cần biện rõ chớ lương ương.

(Tục Chỉ Nguyệt Lục – quyển 10)



Thiên sư Khổng Đường Ngạn Sung

Tức tâm tức Phật tụng

*Mỹ như Tây Tử ly kim khuyết,
Kiêu tự Dương Phi há ngọc lâu,
Chung nhật dữ quân hoa hạ túy,
Cánh hiềm hà xứ bất phong lưu.*

Dịch:

Bài tụng Tức tâm tức Phật

*Đẹp như Tây Tử rời kim khuyết,
Dáng tự Dương Phi xuống ngọc lâu,
Ngày ngày cùng anh say dưới nguyệt,
Chỗ nào lại trách chẳng phong lưu.*

(Thiên Tông Tụng Cổ Liên Châu Thông Tập – quyển 9)

*

Thị chúng

*Quán phương tri bỉ khứ,
Khứ giả bất chí phương,
Thảo hài ngạn hốt đoạn,
Toàn thân tại đế hương.*

Dịch:

Dạy chúng

Xem hướng biết kia đi,

*Người đi không đến nơi,
Dưới chân giày chột đứt,
Quê hương ngời thảnh thơi.*

(Thiền Tông Tụng Cổ Liên Châu Thông Tập – quyển 40)



Thiền sư Trí Đạt

Tâm cảnh tụng

*Cảnh lập tâm tiệp khởi,
Tâm không cảnh bất sanh,
Nhược tương tâm hệ cảnh,
Tâm cảnh lưỡng câu manh.
Cảnh tâm các tự trụ,
Tâm cảnh lưỡng câu thanh,
Ngộ cảnh tâm vô khởi,
Mê tâm cảnh cộng hành.
Nhược mê tâm tác cảnh,
Tâm cảnh loạn tung hoành,
Ngộ cảnh tâm nguyên tĩnh,
Tri tâm cảnh bốn thanh.
Tri tâm vô cảnh tánh,
Liễu cảnh tâm vô hình,
Cảnh hư tâm tịch tịch,*

Tâm chiếu cảnh linh linh.

Dịch:

Bài tụng Tâm cảnh

*Cảnh lập tâm liền khởi,
Tâm không cảnh chẳng sanh,
Nếu đem tâm buộc cảnh,
Mù cả hai cảnh tâm.
Cảnh tâm mỗi tự trụ,
Tâm cảnh cả hai thanh,
Ngộ cảnh, tâm không khởi,
Mê tâm, cảnh đồng hành.
Nếu mê tâm làm cảnh,
Tâm cảnh chạy tung hoành,
Ngộ cảnh, tâm vốn lặng,
Biết tâm cảnh vẫn thanh.
Biết tâm không tách cảnh,
Rõ cảnh, tâm không hình,
Cảnh rộng tâm lặng lẽ,
Tâm soi cảnh lung linh.*

(Tông Phạm – quyển thượng)



Cổ nhân tụng

*Mê thời tam giới hữu,
Ngộ hậu thập phương không,
Yếu tri thành đạo xứ,
Chỉ tại tịnh tâm trung.*

Dịch:

*Khi mê đầy tam giới,
Ngộ rồi thấy đều không,
Muốn biết chỗ thành đạo,
Chỉ tại lòng sạch trong.*

(Tông Môn Huyền Giám Đồ)



Hàn Sơn đại sĩ

*Ngô tâm tự thu nguyệt,
Bích đàm thanh kiêu khiết,
Vô vật kham tỷ luân,
Giáo ngã như hà thuyết.*

Dịch:

*Tâm ta dường trăng thu,
Đàm biếc trong veo veo,
Không vật có thể sánh,
Bảo ta nói gì nào?*

(Hàn Sơn Tử Thi Tập)



Pháp sư Tăng Triệu

*Tứ đại nguyên phi hữu,
Ngũ ấm bản lai không,
Tương đầu lâm bạch nhãn,
Nhất tự trăm xuân phong.*

Dịch:

*Tứ đại vốn chẳng có,
Năm ấm xưa nay không,
Đưa đầu kê gương bén,
Dường như chém gió đông.*

(Tủ Bá Tôn Giả Biệt Tập – quyển 4)



Thiền sư Tiểu Ấn Đại Hân

Trừ tịch thị chúng

*Thành cư tuế mộ tự thâm thôn,
Lão nạp gia phong đạo tự tồn.
Hải đế nê ngư canh bích lạc,
Vân trung sô cầu phệ hoàng hôn.
Trần trần hàm nhiếp tam thiên giới,
Pháp pháp viên thành bất nhị môn.*

*Nhất nhậm tứ thời như chuyển cốc,
Tu tri thiên địa bản đồng căn.*

Dịch:

Đêm trừ tịch dạy chúng

*Thành vào năm hết tợ làng sâu,
Gia phong lão nạp đạo vẫn còn.
Cày trời, đáy bể con trâu đất,
Sủa tối, trong mây chú chó rơm.
Hạt bụi gồm râu ba ngàn cỗi,
Mỗi pháp viên thành bất nhị môn.
Bốn mùa thay đổi vành xe chuyển,
Đất trời nên biết vẫn đồng nguồn.*

(Tiểu Ấn Hân Thiên Sư Ngũ Lục – quyển 1)



Cư sĩ Hoàng Sơn Triệu Văn Nhu

*Vọng tưởng nguyên lai bản tự chân,
Trừ thời hựu khởi nhất trùng trần,
Ngôn tư động tịnh thừa thùy lực,
Tử tế khán lai vô biệt nhân.*

Dịch:

*Nguồn vọng xưa nay đã là chân,
Trừ đi lại dấy một lớp trần,*

*Nói năng động tịnh sức nào chuyển,
Nhìn kỹ lại xem ai khác anh.*
(Ngũ Đăng Nghiêm Thống – quyển 16)



Thiền sư Bảo Ninh Nhân Dũng

Tuế đản thượng đường

*Tạc nhật khứ niên khứ,
Kim nhật kim niên lai,
Khứ niên khứ bất khứ,
Kim niên lai bất lai.
Biến dã doanh xích tuyết,
Đại địa vong tiêm ai,
Vô danh vô tự nhân,
Cử mục liêu bồi hồi.*

Dịch:

Đầu năm thượng đường

*Hôm qua năm cũ đi,
Ngày nay năm mới đến,
Năm cũ đi chẳng đi,
Năm mới đến chẳng đến.
Tuyết cả thước khắp đồng,
Đại địa bụi trần biến,*

*Người không họ không tên,
Đưa mắt thoáng xao xuyên.*
(Bảo Ninh Dũng Hòa Thượng Ngũ Lục)



Thiền sư Huệ Khai

Nhân sự thượng đường

*Thị phi trường đoản nhĩ biên phong,
Thiết mặc ư trung mịch dị đồng.
Yếu đặc bát phong xuy bất động,
Phóng giao tâm địa đẳng hư không.*

Dịch:

Nhân có việc thượng đường

*Thị phi phải quấy gió qua tai,
Chớ nên trong ấy tìm dở hay.
Muốn được tám gió thổi chẳng động,
Buông thông tâm đồng hư không ngoài.*

(Vô Môn Huệ Khai Thiền Sư Ngũ Lục – quyển thượng)



Thiền sư Long Nha Cư Tuấn

*Tại mộng na tri mộng thị hư,
Tĩnh lai phương giác mộng trung vô.*

*Mê thời kháp tự mộng trung sự,
Ngộ liễu hoàn đồng thủy khởi phu.*

Dịch:

*Đang mộng đâu hay mộng rỗng trơn,
Tỉnh ra mới biết mộng là không.
Khi mê dường thể việc trong mộng,
Lúc ngộ y như thức giấc nồng.*
(Phổ Am Lục – quyển 2)



Thiền sư Hồ Khưu Thiệu Long (đệ tử Viên Ngộ)

Tham giá thượng đường

*Bệnh khởi vân sơn thảo mộc thu,
Phù hoa thế sự mạn du du,
Tùng lai vạn pháp bất vi liễu,
Hà tự Thiệu Dương lục bất châu.*

Dịch:

Nghỉ tham thượng đường

*Bệnh khởi, núi mây cây cỏ thu,
Việc đời phù phiếm luống mịt mù,
Xưa nay muôn pháp không làm bạn,
Nào giống Thiệu Dương sáu chẳng châu.*

*

Thượng đường

*Thoát thân dĩ hiểu Nam Kha mộng,
Thủy giác nhân gian vạn sự không,
Xuy khởi hoàn hương vô khổng địch,
Tịch dương tà chiếu bích vân hồng.*

Dịch:

*Thoát thân đã hiểu Nam Kha mộng,
Mới biết nhân gian muôn việc không,
Thổi khúc hoàn hương sáo không lỗ,
Ánh chiều nghiêng chiếu ráng mây hồng.*
(Hồ Khưu Thiệu Long Thiên Sư Ngũ Lục)



Hòa thượng Chân Như Súc Am

Đương vấn tiểu tham

*Trú tư dạ mộng cảnh,
Dạ mộng trú tư duyên,
Trần kiếp dữ kim nhật,
Tằng vô hữu gián nhiên.*

Dịch:

Tiểu tham buổi tối

*Ngày suy cảnh đêm mộng,
Đêm mộng việc ngày suy,*

Ngày nay cùng muôn kiếp,

Chưa từng có cách ly.

(Vân Cư Sứ Am Hòa Thượng Ngũ Lục)



Thiền sư Hoài Hải Nguyên Triệu

Tự ông

Vạn tượng cùng biên độc lộ thân,

Tùng sanh chí tử một sơ thân,

Trước y khiết phạn tâm thường sự,

Thành hiện hà tăng vấn biệt nhân.

Dịch:

Tự ông

Tột cùng vạn tượng riêng bày thân,

Từ sanh đến tử chẳng sơ thân,

Ăn cơm mặc áo tâm thường ấy,

Cần hỏi ai đâu, đã rõ ràng.

(Hoài Hải Nguyên Triệu Thiền Sư Ngũ Lục)



Thiền sư Vô Chuẩn Sư Phạm

Trừ tịch tiểu tham

Quang cảnh thông thông nhược thệ xuyên,

*Cựu niên khứ liễu hựu tân niên,
Niên lai niên khứ tự lai khứ,
Để sự hà tăng hữu biến thiên.*

Dịch:

Đêm trừ tịch tiêu tham

*Cảnh đời vùn vụt tự nước trôi,
Năm cũ qua, năm mới tới rồi,
Năm đi năm đến tự đi đến,
Việc ấy đâu từng có đổi dời.*

(Vô Chuẩn Sư Phạm Thiên Sư Ngũ Lục – quyển 3)



Thiền sư Thạch Điền Pháp Huân

Trung thu thượng đường

*Thông thân vô mịch xứ,
Biến giới bất tăng tàng,
Bế mục trung thu tọa,
Khước tiếu nguyệt vô quang.*

Dịch:

Trung thu thượng đường

*Toàn thân không chỗ kiếm,
Hiện tiền khắp mọi nơi,
Trung thu ngồi khép mắt,*

Lại cười trắng không soi.

(Thạch Điền Pháp Huân Thiên Sư Ngũ Lục – quyển 1)



Hòa thượng Tuyệt Nham Tổ Khâm

Chỉ cải cựu thời hành lý xứ,

Y tiền chỉ thị cựu thời nhân.

Dịch:

Chỉ đổi chỗ bước chân ngày cũ,

Cũng vẫn là người khi xưa thôi.

(Tuyệt Nham Hòa Thượng Ngũ Lục – quyển 3)



Thiền sư Tiên Đổ hiệu Vô Kiến

Sơn cư thi

Trang Sinh hữu ý năng tề vật,

Ngã dã vô tâm dữ vật tề,

Độc tọa bồ đoàn xuân nguyệt noãn,

Nhất thanh u điều cách song đề.

Dịch:

Bài thơ ở núi

Trang Chu có ý hay tề vật,

Ta chỉ vô tâm cùng vật tề,

Độc tọa bồ đoàn ngày xuân ấm,

Một tiếng chim kêu xa vọng về.

(Vô Kiến Tiên Đồ Thiên Sư Ngũ Lục – quyển hạ)



Thiên sư Chánh ở Bá Trượng

Bất muội nhân quả tụng

Họa sư họa địa ngục,

Họa xuất bá thiên ban,

Trú bút từng đầu khán,

Đặc địa cốt mao hàn.

Dịch:

Bài tụng không lầm nhân quả

Họa sĩ vẽ địa ngục,

Trăm ngàn cảnh vẽ ra,

Dừng bút xem kỹ lại,

Cả người nổi da gà.

(Thiên Tông Tụng Cổ Liên Châu Thông Tập – quyển 10)



Thiên sư Thạch Thất Thanh Hồng

Vạn duyên hưu kiệt bãi,

Nhất niệm tuyệt trung biên.

*Tận nhật nhàn nhàn địa,
Trường niên thả thả nhiên.
Sơn không vân tự tại,
Thiên tịnh nguyệt cô viên.
Ma luyện công phu đáo,
Nan đồng tri giải thiên.*

Dịch:

*Muôn duyên buông hết sạch,
Một niệm bật hai bên.
Trọn ngày hằng thông thả,
Suốt năm vẫn thả nhiên.
Núi không mây tự tại,
Trời trong trăng riêng tròn.
Luyện mài công phu đến,
Đâu giống tri giải thiên.*

*

*Thâm sơn Tăng trụ xứ,
Đoan đích thắng Bồng Lai.
Địa thượng tịnh vô thảo,
Viên trung khước hữu mai.
Nhàn đa chư tướng diệt,
Tịnh cực tự tâm khai.*

Nhất đĩnh phá thiên nập,

Hòa vân sái thạch đài.

Dịch:

Núi sâu chỗ Tăng ở,

Quả là hơn Bồng Lai,

Trên đất trợn không cỏ,

Trong vườn lại có mai.

Nhàn nhiều các tướng diệt,

Lặng tốt tâm tự khai.

Một chiếc áo thiên rách,

Cùng mây phơi thạch đài.

*

Chân không trạm tịch duy thường tại,

Bất giác lương điền vọng sở môg,

Chân tánh hà tăng ly vọng hữu,

Hoa khai hoa lạc tự xuân phong.

Dịch:

Chân không lặng lẽ mãi thường còn,

Bỗng chợt lương điền vọng che lòng,

Chân tánh đâu từng lìa vọng có,

Hoa khai hoa rụng tự gió đông.

*

Sơn cư thi

*Liễu liễu thường tri tự bất tri,
Tiêu nhiên như ngọt hựu như si.
Triền càn đảo nhạc trấn trường tịnh,
Nhất niệm vạn niên chung bất di.
Hữu nhĩ thính thanh phong quá thọ,
Vô tâm ứng vật nguyệt lâm trì.
Hữu ngôn ngã độc năng minh liễu,
Thử sự nhân nhân tận khả vi.*

Dịch:

Bài thơ ở núi

*Liễu liễu thường tri dường chẳng tri,
Ngơ ngơ như ngộ lại như si.
Xoay trời lật núi vẫn thường lặng,
Một niệm muôn năm trọn chẳng dời.
Có tai nghe tiếng cây gió thổi,
Không tâm ứng vật hồ trăng soi.
Thôi bảo riêng ta hay rõ biết,
Việc ấy người người cũng thế thôi.*

*

Thị chúng kệ

Thuyết thị thuyết phi hà nhật liễu,

*Vô minh hải khoát ngã sơn cao.
Tu thân như vị thanh tam hoặc,
Phàm sự tu đương diệt nhất hào.
Nhân tịnh quang âm không quá liễu,
Hiện thành chúc phạn nhược vi tiêu.
Ân cần thuyết hướng chư thiên khách,
Mạc bả ca-sa hoán vũ mao.*

Dịch:

Kệ dạy chúng

*Bàn nói thị phi ngày nào hết,
Vô minh biển rộng, núi ngã cao.
Tu thân chưa đẹp xong ba hoặc,
Gặp việc đừng lưu một chút nào.
Thong thả tháng ngày trôi qua mất,
Hiện nay cơm cháo làm sao tiêu.
Ân cần nói với chư thiên khách,
Cánh lông nở đổi ca-sa sao?*

(Thạch Thất Thanh Hồng Thiên Sư Ngũ Lục – quyển hạ)



Thiên sư Cao Phong Nguyên Diệu

Tuế đán thị chúng

Bách niên nan ngộ tuế triêu xuân

*Xá nữ sơ trang việt dạng tân,
Duy hữu đông thôn Vương đại tả
Y tiền mãn diện thị ai trần.*

Dịch:

Đầu xuân dạy chúng

*Trăm năm khó gặp sáng ngày xuân
Cô bé chải đầu dáng thanh tân,
Chỉ có thôn đông chị Vương nọ
Như xưa đầy mặt dính bụi trần.*

*

Thị thiên nhân

*Hồng trần đôi lý học sơn cư,
Tịch diệt thân tâm đạo hữu dư,
Đản đặc hung trung tắng ái tận,
Bất tham thiên diệt thị công phu.*

Dịch:

Dạy người tham học

*Giữa chốn bụi hồng đường ở non,
Thân tâm lặng lẽ đạo hầy còn,
Chỉ cốt trong lòng yêu ghét sạch,
Tuy chẳng tham thiên đạo tự son.*

(Cao Phong Nguyên Diệu Thiên Sư Ngũ Lục – quyển thượng)

*

*Thử tâm thanh tịnh bản vô hà,
Chỉ vị tham cầu bị vật già,
Đột xuất nhãn tình toàn thể lộ,
Sơn hà đại địa thị không hoa.*

Dịch:

*Tâm này thanh tịnh vốn không mờ,
Vì bởi tham cầu bị che lừa,
Chợt mở con ngươi toàn thể hiện,
Đất đai sông núi thấy không hoa.*

(Cao Phong Nguyên Diệu Thiên Sư Ngũ Lục – quyển hạ)



Thiền sư Linh Vân Chí Cần

*Tam thập niên lai tâm kiếm khách,
Kỷ hồi lạc diệp hựu trầu chi,
Tự tùng nhất kiến đào hoa hậu,
Trực chí như kim cánh bất nghi.*

Dịch:

*Ba mươi năm qua tìm kiếm khách,
Bao phen lá rụng lại đâm chồi,*

*Từ khi chợt thấy hoa đào nở,
Cho đến hôm nay nghi đã thôi.*
(Ngũ Đẳng Hội Nguyên – quyển 4)



Thiền sư Ngô Ấn, đời Lý

(Thiền phái Vô Ngôn Thông - Việt Nam)

Kệ thị tịch

*Diệu tánh hư vô bất khả phan,
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan,
Ngọc phân sơn thượng sắc thường nhuận,
Liên phát lô trung thấp vị can.*

Dịch:

Kệ thị tịch

*Tánh diệu rỗng không chẳng thể vin,
Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin,
Tươi nhuận sắc ngọc trong núi cháy,
Lò lửa hoa sen nở thật xinh.*

(Thiền Uyển Tập Anh)



Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn

Nhất kích vong sở tri,

*Cánh bất giả tu trì,
Động dung dương cổ lộ,
Bất đạo thiếu nhiên ky.
Xử xử vô tông tích,
Thanh sắc ngoại oai nghi,
Chư phương đạt đạo giả,
Hàm ngôn thượng thượng ky.*

Dịch:

*Một tiếng quên sở tri,
Đâu cần phải tu trì,
Đổi sắc đường xưa hiện,
Chẳng rơi cơ lạnh yên.
Chốn chốn không tông tích,
Oai nghi ngoài sắc thanh,
Các nơi người đạt đạo,
Đều gọi bậc thượng cơ.*

(Cảnh Đức Truyền Đăng Lục – quyển 11)



Thiền sư Cung ở Thạch Song

Phật sanh nhật tụng

*Ngũ Thiên nhất chích bông hao tiền,
Giảo động Chi-na bách vạn binh,*

*Bất đắc Vân Môn hành chính lệnh,
Cơ hồ thố nhận định bàn tinh.*

Dịch:

Tụng ngày Phật đản

*Tên thân một mũi từ Thiên Trúc,
Dao động Trung Hoa trăm vạn binh,
Chẳng được Vân Môn hành chính lệnh,
Cơ hồ lâm nhận định bàn tinh.*

(Tùng Lâm Thanh Sự – quyển hạ)



Thiên sư Bồn Dự, đời Thanh

Thượng đường

*Ngũ uẩn sơn đầu tự tại thân,
Liễu nhiên vật vật ứng thiên chân,
Đốn giao trực há vô tư nghị,
Huyền yếu toàn phân kiến bản nhân.*

Dịch:

*Đầu núi năm uẩn hiện pháp thân,
Rõ ràng mỗi vật hợp thiên chân,
Khéo hay liền đó không bàn nghị,
Huyền yếu toàn bày thấy bản nhân.*

(Ngũ Đăng Hội Nguyên Tục Lược – quyển 4)



Thiền sư Cổ Linh Thần Tán

Phong tử đầu song tụng

Không môn bất khể xuất,

Đầu song dã thái si,

Bách niên toàn cố chỉ,

Hà nhật xuất đầu thì.

Dịch:

Bài tụng Ong dùi cửa sổ

Cửa trống chẳng chịu ra,

Quá ngu chui cửa sổ,

Giấy cũ trăm năm dùi,

Ngày nào mới ra khỏi.

(Ngũ Đăng Hội Nguyên – quyển 4)



Thiền sư Đông Sơn Pháp Diễn

Không môn hữu lộ nhân giai đáo,

Đáo giả phương tri chỉ thú trường,

Tâm địa bất sanh nhàn thảo mộc,

Tự nhiên thân phóng bạch hào quang.

Dịch:

*Cửa Không đường ấy người đều đến,
Đến đó mới hay chỉ thú trường,
Đất tâm nếu chẳng sanh cỏ dại,
Tự nhiên thân phóng bạch hào quang.*

*

Thiền sư Ấn Tịnh Trí Nhu bình

*Không môn hữu lộ nhân giai đáo,
Đáo giả phương tri ngại xứ thông,
Thạch thượng tài hoa hoàn kết quả,
Đáo đầu nguyên bất giả xuân phong.*

Dịch:

*Cửa Không đường ấy người đều đến,
Đến đó mới hay các ngại thông,
Trồng hoa trên đá mà ra trái,
Rớt cùng lại chẳng mượn gió đông.*
(Ngũ Đăng Toàn Thư – quyển 48)



Thiền sư Chiêu Khánh Tịnh Tu

Thị tọa thiên phương tiện

*Tứ oai nghi nội tọa vi tiên,
Trùng lự thân tâm tiệm thân nhiên.*

*Miết nhĩ hữu duyên tùy trước giới,
Đương tu mặc tục thị thiên niên.
Tu trì chỉ thoại từng công lộ,
Chí lý ninh luận tại na biên.
Nhất thiết thời trung thường quán đối,
Nhân duyên tương tấu khoát thông huyền.
Dịch:*

Dạy phương tiện tọa thiền

*Trong bốn oai nghi ngồi ưu tiên,
Lóng lạng thân tâm sẽ được yên.
Bất chợt nếu duyên theo cõi trước,
Chớ nên tiếp nối ấy thiên niên.
Tu trì chỉ nói theo đường chính,
Chí lý đâu bàn ở một bên.
Trong tất cả thời đều theo dõi,
Nhân duyên đưa đến bồng thông huyền.
(Cảnh Đức Truyền Đăng Lục – quyển 29)*



Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác

*Nhược dĩ tri tri tịch,
Thủ phi vô duyên tri,
Như thủ chấp như ý,*

*Phi vô như ý thủ.
Nhược dĩ tự tri tri,
Diệc phi vô duyên tri,
Như thủ tự tróc quyền,
Phi thị bất quyền thủ.
Diệc bất tri tri tịch,
Diệc bất tự tri tri,
Bất khả vi vô tri,
Dĩ tánh liễu nhiên cố.
Bất đồng ư mộc thạch,
Như thủ bất chấp vật,
Diệc bất tự tác quyền,
Bất khả vi vô thủ,
Dĩ thủ an nhiên cố,
Bất đồng ư thổ giác.*

Dịch:

*Nếu lấy biết biết lặng,
Chẳng phải biết không duyên,
Như tay cầm như ý,
Đâu phải không tay cầm.
Nếu lấy tự biết biết,
Chẳng phải biết không duyên,*

Như tay tự làm nắm,
Chẳng phải không tay nắm.
Cũng không biết biết lặng,
Cũng không tự biết biết,
Không thể là không biết,
Vì tánh rõ ràng vậy.
Chẳng đồng như cây đá,
Như tay chẳng cầm vật,
Cũng chẳng tự làm nắm,
Không thể là không tay,
Bởi tay an nhiên vậy,
Chẳng đồng như sừng thỏ.
(Lâm Gian Lục – quyển hạ)



Cổ nhân tụng

Nhược năng tĩnh tọa nhất tu du,
Thắng tạo hà sa thất bảo tháp,
Bảo tháp tất cánh hóa vi trần,
Nhất niệm tịnh tâm thành chánh giác.
Dịch:
Nếu hay ngồi lặng một phút giây,
Hơn tạo hà sa tháp bảy báu,

*Tháp báu rớt cuộc hóa vi trần,
Một niệm tâm tịnh thành chánh giác.*
(Nhân Thiên Bảo Giám)



Thiền sư Tử Tâm Ngô Tân

Tán sư tượng

*Thất bách niên định,
Cuống hô lư diêm,
Nhất niệm siêu việt,
Thiên hạ hoành hành.*

Dịch:

Tán ảnh tượng pháp sư Huệ Trì

*Bảy trăm năm định,
Dối gạt xóm làng,
Một niệm siêu việt,
Thiên hạ dọc ngang.*

(Tuyệt Đường Hạnh Hòa Thượng Thập Di Lục)



Thiền sư Động Sơn

*Ngũ Đài sơn đánh vân chưng phạn,
Phật điện giai tiên cầu niệu thiên,*

*Sát can đầu thượng tiến chùy tử,
Tam cá hô tôn dạ bá tiên.*

Dịch:

*Đánh non Ngũ Đài mây nấu cơm,
Trước thêm Phật điện chó đái trời,
Trên đầu cột phướn người nướng bánh,
Khỉ nhỏ ba con đêm rải tiền.*

(Ngũ Đẳng Toàn Thư – quyển 63)



Thiên sư Long Sơn Ấn Sơn

Sơn cư

*Tam gian mao thất tùng lai trụ,
Nhất đạo thân quang vạn cảnh nhàn.
Mạc bả thị phi lai biện ngã,
Phù sinh xuyên tạc bất tương quan.*

Dịch:

Ở núi

*Xưa nay nhà cỏ ở ba gian,
Một ánh thân quang muôn cảnh nhàn.
Chớ đem phải quấy cùng ta biện,
Hơn thua cõi tạm chẳng tương quan.*

(Thiên Tông Tập Độc Hải – quyển 8)



NGŨ VỊ TỤNG - TÔNG TÀO ĐỘNG

Chánh trung thiên

Tam canh sơ dạ nguyệt minh tiên,

Mạc quái tương phùng bất tương thức,

Ẩn ẩn du hoài cựu nhật hiem.

Dịch:

Canh ba đầu đêm trước trăng sáng,

Chớ lạ gặp nhau mà chẳng biết,

Im im còn nhớ hiem ngày xưa.

Một vị Chánh trung thiên chỉ một phen đại tử, chợt được tỉnh ngộ, thấy đạo nhập lý là chánh vị.

Nếu có bậc thượng sĩ chân chánh tham huyền, tích lũy công thâm tham, ngâm tu sức sung mãn, bỗng nhiên phát ngộ thì hư không tiêu mất, núi Thiết Vi nát tan, trên không mảnh ngói che đầu, dưới không tác đất để chân, không phiền não, không Bồ-đề, không sanh tử, không Niết-bàn, một mảnh rỗng lặng như đầm trong không đáy, như thái hư bất vết. Thường thường nhận được một vị này, cho là đại sự xong xuôi, bảo là Phật đạo thành mãn, tử thủ không buông. Nói đây là “Thiên trong nước chết” là “Con quỷ giữ thầy chết trong hòm”. Dù cho đắm trước ba bốn mươi năm, cũng không thể thoát khỏi hang ổ nhỏ của Độc Giác tự ngộ.

Vì thế nói: “Cơ cảnh chẳng lìa vị rơi tại biển độc”, đây là kinh Pháp Hoa nói: “Chánh vị thủ chứng là người đại si.” Giả sử có chân trí rõ ràng bình đẳng không sai biệt, cũng không thể dấy sáng diệu trí vạn pháp sai biệt. Thế nên ở chỗ lặng lẽ vô vi nhàn tịch.

Tuy trong ngoài sáng suốt rành rẽ phân minh, song quán chiếu vừa kẹt trần duyên, dao động rối loạn, thương ghét sai biệt thì không có nửa điểm khí lực, các khổ ép ngặt. Vì cứu bệnh trầm kha này nên giả lập một vị Thiên trung chánh.

Thiên trung chánh

*Thất hiệu lão bà phùng cổ cảnh,
Phân minh địch diện cánh vô chân,
Hữu cánh mê đầu hoàn nhận ảnh.*

Dịch:

*Mất sáng lão bà gặp cổ kính,
Rõ ràng đối diện đâu riêng chân,
Thôi chớ quên đầu mà nhận bóng.*

Hành giả nếu trụ trước vị “Chánh trung thiên” thì trí thường hướng bối, chỗ thấy thiên khô. Thế nên hàng thượng sĩ tham huyền thường nằm ngồi trong các thứ trần ai sai biệt, hãy đem muôn pháp trước mắt nào là già trẻ, lớn nhỏ, nhà gác, thiên chái, cỏ cây sông núi... lấy làm mặt mắt thanh tịnh chân chánh xưa nay đầy đủ của chính mình, như nhìn vào gương sáng thấy rõ mặt mắt mình. Ở tất cả chỗ quán chiếu như thế, thời gian lâu thì tự nhiên kia đây thành một mặt

gương báu nhà ta. Nơi đây như hai mặt gương soi nhau, ở trong lòng gương không có một điểm bóng dáng, tâm cảnh nhất như, vật ngã không hai, như ngựa trắng vào hoa lau, chén bạc đựng tuyết. Đây gọi là Bảo cảnh tam-muội. Kinh Niết-bàn nói: “Như Lai mắt thấy Phật tánh” ấy vậy. Khi nhập được tam-muội này là con trâu trắng lớn đuổi chẳng đi, liền đó chúng được chân tục không hai, chỉ có Nhất thừa trung đạo thật tướng, Đệ nhất nghĩa đế, Bình đẳng tánh trí vận xuất trước mắt.

Nếu hành giả đến điền địa này tự cho là đủ, cũng là như trước rơi trong hầm sâu của tiểu quả Nhị thừa, chẳng biết oai nghi của Bồ-tát, chẳng rõ nhân duyên quốc độ của Phật. Vì thế, Tổ sư vì cứu hoạn nạn này lại giả lập vị Chánh trung lai.

Chánh trung lai

*Vô trung hữu lộ xuất trần ai,
Đản năng bất xúc dương kim hựu,
Dã thắng tiên triều đoạn thiết tài.*

Dịch:

*Trong không có đường thoát trần ai,
Nếu hay chẳng phạm hựu triều này,
Cũng hơn tài cắt lưỡi triều trước.*

Một vị này, rõ ràng hàng thượng thừa Bồ-tát chẳng thủ chứng chánh vị. Bồ-tát đã không sở chứng như trên là đủ, chuyển tiến chẳng thôi, trong biển vô công dụng đầy sáng vô

duyên đại bi, y tứ hoàng thệ thanh tịnh, đánh xe đại nguyện, trên cầu Bồ-đề, dưới hóa độ chúng sanh. Nên nói “nhằm trong đi lại đến, nhằm trong đến lại đi” ấy vậy.

Vì khiến biết thọ dụng sáng tối song song nên lập một vị Kiêm trung chí.

Kiêm trung chí

*Lưỡng nhĩn giao phong bất tu tỵ,
Hảo thủ hoàn đồng hỏa lý liên,
Uyển nhiên tự hữu xung thiên khí.*

Dịch:

*Hai kiếm chạm nhau tránh chẳng nên,
Người tài lại như sen trong lửa,
Rõ ràng tự có khí xung thiên.*

Một vị này, Bồ-tát lăn bánh xe pháp sáng tối không hai, đầu tro mặt đất ở trong đám bụi hồng, ở trong đội binh thanh sắc bảy cuồng tám điên, như hoa sen ở trong lò lửa, gặp lửa sắc hương càng xinh tươi, buông thông tay vào chợ là tha thọ dụng. Cho nên nói: “Ở giữa đường chẳng lìa nhà cửa, lìa nhà cửa chẳng ở giữa đường.” Là phàm là thánh, ma ngoại không thể biện. Phật tổ không thể nắm tay, toan dấy tâm nghĩ thì sừng thỏ lông rùa qua nui khác. Trong đây vẫn là chẳng phải chỗ kia ngồi yên, nên nói: *Rõ ràng tự có khí xung thiên*. Cứu cánh thế nào? Nên biết còn có một vị Kiêm trung đáo.

Kiêm trung đáo

Bất lạc hữu vô thùy cảm hòa,

*Nhân nhân tận dục xuất thường lưu,
Chiết hợp hoàn quy thán lý tọa.*

Dịch:

*Chẳng rơi có không, ai dám hòa?
Người người trọn muốn thoát cỏi tục,
Rốt cuộc trở về ngôi trong tro.*

*

Học Hư trước ngữ

*Đức Vân nhân cổ trùy,
Kỷ hạ Diệu Phong đánh,
Hoán tha si thánh nhân,
Đảm tuyệt cộng điền tỉnh.*

Dịch:

Học Hư bình

*Đức Vân chùy vô dụng,
Mấy phen Diệu Phong xuống,
Gọi thánh nhân si kia,
Gánh tuyệt cùng lấp giếng.*

Học giả muốn thấu được một vị Kiêm trung đao của Động Sơn, trước phải tham cứu bài tụng này.



Đại sĩ Thiện Huệ

Hai Mươi Bài Đi Đường Khó

Lời tựa

Tâm tánh rỗng lặng lượng đồng pháp giới, tùy thuận chân như, bất hết các tướng. Không tạo tác, không nhân duyên. Lặng lẽ thường còn mà không trụ. Pháp tràn đầy thế giới mà thật lý không đối đãi. Diệu đạo trở về không mà khắp đồng vạn hữu. Đấng Pháp vương ngự nơi đây nên nói kinh Kim Cang. Cho nên xưa nói, muốn hiển bày tướng này mà chẳng phải là chỗ hiển bày của lời nói. Song chạm việc bao trùm mà không nhiếp thuộc việc. Tánh chẳng phải giải thoát, vốn không có thập triền. Gặp duyên chẳng dấy gọi đó là diệu. Lời nói chẳng đến nên nói tự nhiên. Thường cùng thế gian hòa hợp mà pháp thế gian chẳng nhiễm. Tướng thế tục làm thể của nó mà cung chẳng bị thế tục ràng buộc. Thật là hư huyền tốt diệu, bát ngát mênh mông chỉ mang tên rỗng.

Tâm không tướng trạng mà hiện hình, tuy có hình mà không tượng. Tan hợp không ngăn mà chẳng đi chẳng lại. Dù thu rút cũng chẳng hẹp, dù mở toang cũng chẳng rộng. Đây không phải vật mà có tiếng, đủ tiếng mà không có âm vang. Tánh lặng lẽ rỗng không, chẳng phải một chẳng phải hai. Rộng soi rành rõ hằng tự sáng rõ, chưa từng tạm có mà toàn thể hiện tiền. Tuy hiện tiền mà khó tập khó bắt chước. Nhỏ bằng mảy lông mà chẳng nhỏ, lớn bằng tam thiên mà chẳng lớn. Lý không quyết định, không lắng không nghe, tuy không mà sáng rõ. Sanh tử thản nhiên chẳng do nuôi dưỡng. Tất cả loài hàm thức chúng sanh đồng có pháp yếu này. Ngộ được

gọi là Niết-bàn, còn người không biết gọi là ước tưởng. Đây là chân thật không nghi, có thể mềm có thể cứng. Trông xa thì thế giới chẳng dung, dứt niệm thì toàn thể đều đồng.

Đây là sắc mà không sắc, lặng lẽ rộng sâu. Dừng đó thì thể vô lượng vô cùng, hợp đó thì chẳng phải một chẳng phải hai. Một phen dấy khởi thì bữa khắp muôn nơi, chẳng chậm chẳng nhanh, chẳng dung mà dung, chẳng phạm chang thánh, chẳng trí chẳng ngu. Chỉ bậc thuần phác vô tâm mới hợp với tông rộng rang này. Kẻ hội đó thì mở toang mờ tối, người chiếu soi thì sáng tỏ mê lầm. Pháp thân lặng lẽ không thêm không bớt. Loài tứ sanh tam hữu nghe đó liền cho là không, bởi vì nó u vi lặng lẽ khó thấy khó biết. Nếu lập một danh tướng thì chẳng hợp chẳng ly, chẳng phải đoạn chẳng phải thường mà đều thông cả hai bên, không sáng tối không tuệ không si. Đây chẳng phải trí khôn ngoan của người thế gian hay hiểu đến, mà là chỗ suy nghĩ sâu xa của hàng đạt tuệ vô sanh. Nếu người tự ngộ vô tâm thì hàng sống chẳng chết. Thấy mà chẳng thấy, không vướng không nương. Chín mươi sáu thứ ngoại đạo ở thế gian cũng không thể hiểu đến. Đây chính là nền tảng thiết yếu của Phật pháp vô thượng.

Tôi đã được nghe nên không thể làm thỉnh, dùng trí thô hiểu cạn thuật lời vụng về. Tuy chẳng hội diệu lý mà đại ý lời nói kia cũng trở về tự nhiên. Tâm tánh hôn mê tìm chế vọng lự, mong bậc cao minh chánh sĩ xem thấy đừng cười.

Bài một

Rõ phi đoạn phi thường

Anh thấy chẳng,

Tự tâm chẳng đoạn cũng chẳng thường,
Ở khắp các phương chẳng thuộc phương.
Lại cũng chẳng nương mé sau trước,
Mà chẳng ngắn dài cũng chẳng tròn.
Lặng lẽ không sanh cũng không diệt,
Chẳng trắng chẳng đen chẳng xanh vàng,
Tuy do niệm lự biết các pháp,
Mà thật chẳng ở giữa niệm này.
Chúng sanh nhập mà không chỗ nhập,
Tuy duyên sáu cảnh chẳng tổn thương,
Người trí phân minh biết rõ nó,
Thế nên được hiệu là Pháp vương.
Tự ngộ pháp “Biết không biết” ấy,
Nhân đây trí tuệ đồng kim cương,
Chẳng mượn duyên ngoài nuôi tâm phủ,
Giới định tuệ nhẹ nhàng giữ gìn.
Yên ở đỉnh Phổ Siêu tam-muội,
Nhớ tưởng diên đảo hằng sạch trơn,
Thấy rõ phiền não theo Như tướng,
Gọi cái Không này là đạo tràng.
Vì mọi người nói chân thường giáo,
Diệu nghĩa như thế chưa từng bày.

*Đi đường khó,
Đường khó vì diệu rất khó đi,
Nếu lấy vô tri chiếu tri pháp,
Hiện tiền chứng được gốc vô sanh.*

Bài hai

Rõ chân chiếu không chiếu

*Anh thấy chẳng,
Chân chiếu rõ ràng tánh không chiếu,
Suốt soi cùng khắp lại không bình,
An trụ vô minh biết minh chiếu,
Thấu rõ vô minh của minh chiếu.
Một tâm hằng dứt tất cả hạnh,
Mới lại siêng làm việc chẳng làm,
Một tâm chẳng tâm cũng chẳng một,
Không một không tâm hành chẳng sanh.
Biết tâm tức là pháp vô sanh,
Chẳng lìa pháp sanh có vô sanh.
Nếu biết các duyên tánh không khởi,
Tùy tâm diên đảo mặc tung hoành.
Hiếu rõ không tâm nào cách ngại,
Ngôn luận thế gian chẳng nhọc tranh,
Nếu còn cố muốn tranh ngôn luận,*

Sẽ bị tham si mù mắt mình.
Thế nên kinh nói ưa tri kiến,
Năm ấm trần lao theo đó sanh,
Nếu có tuệ tâm gìn bản tể,
Tự được đường chánh rộng phẳng bằng.
Tánh chánh tâm bình không có chánh,
Giả lập bình chánh dẫn quần sanh.
Đi đường khó,
Đường khó thường ở ngũ ấm sơn,
Niết-bàn hư huyền không phải lặng,
Tuy có sanh tử riêng thanh nhàn.

Bài ba

Rõ tâm tướng là thật tướng

Anh thấy chẳng,
Tướng tâm vi tế rất kỳ tinh,
Chẳng tạo chẳng duyên chẳng sắc danh,
Tuy là diêm nhiên không có tướng,
Hoặc phàm hoặc thánh, tánh linh mình.
Tánh linh không hình mà thường ứng,
Tuy là thường ứng thật không hình,
Tâm tánh không đi cũng không đến,
Duyên lự lưu chuyển thật chẳng dừng.

Chánh giác đây là chân thường giác,
Phương tiện Lộc Uyển lập tôn kinh,
Vì độ vọng tưởng các tà kiến,
Khiến biết tịch diệt được an ninh.
Rộng nói Bồ-đề cùng các hạnh,
Mà hai pháp này là âm thanh,
Thấu chỗ âm thanh chẳng phải chỗ,
Ba độc phiền não chẳng với đây.
Lại đạt năm ấm đều không tịch,
Chánh tuệ vô sanh ngăn sáu tình,
Nơi đây sáu tình cùng niệm diệt,
Tức là thật đến Niết-bàn thành.
Đi đường khó,
Đường khó không qua cũng không lại,
Tham sân chẳng ở trong lẫn ngoài,
Quả thật cũng không dừng ở giữa.

Bài bốn

Rõ vô tướng rộng suốt

Anh thấy chẳng,
Trong pháp quyết định không quyết định,
Hư vọng điên đảo là Bồ-đề,
Nếu tâm phân biệt Bồ-đề pháp,

Phân biệt Bồ-đề lại hoàn mê.
Nếu rõ mê này không phân biệt,
Mê cùng phân biệt tức Bồ-đề,
Phân biệt Bồ-đề chẳng một khác,
Hằng đồng một thể chẳng rời nhau.
An trụ tánh không là tánh thật,
Tánh không chẳng không cũng chẳng còn,
Đồng thể đại bi trùm tất cả,
Nên biết chân pháp chẳng trái mê.
Chỉ cái mê này tức không tánh,
Cũng lại chẳng luận bằng chẳng bằng,
Nếu bỏ trần lao lại không pháp,
Dụ như hoa sen sanh trong bùn.
Pháp thân Như Lai không chỗ khác,
Ba cõi địa ngục vẫn bao trùm,
Ba cõi địa ngục vốn chẳng có,
Vi diệu còn ai biết lối đi?
Đi đường khó,
Đường khó vốn tự là Niết-bàn,
Thân tâm trong ngoài đều không tịch,
Chỗ nào có điên đảo tham sân?

Bài năm

Rõ phàm thánh chẳng một chẳng hai

Anh thấy chẳng,

Phiên não mênh mông chẳng phải một,

Tuy là chẳng một cũng chẳng nhiều,

Nếu hay soi biết bản tể nó,

Liền là chân thân Lô-xá-na.

Vào trong vi trần cũng không ngại,

Không ngại thể tịch khắp Ta-bà,

Phàm thánh đôi đường chẳng hai chỗ,

Sanh tử Niết-bàn thường cộng hòa,

Danh tự hòa cùng là gấng lập,

Chỉ cái ái si chân Phật-đà.

Bát-nhã sâu xa trí chẳng trí,

Do không tâm ý dẹp chúng ma,

Tôi đã thành tâm học thuật đó,

Đem chỗ tối dốt làm ca này.

Đi đường khó,

Đường khó tâm tánh rộng thênh thang,

Tham dục xưa nay thường vắng lặng,

Người trí nơi đây vẫn bàng hoàng.

Bài sáu

Rõ rần tâm tánh không nhiễm

Anh thấy chẳng,
Người trí cầu tâm chẳng cầu Phật,
Các pháp tịch diệt tức tham dâm,
Ái dục tham dâm từ tâm khởi,
Ta cũng răn tâm nơi chẳng tâm.
Nếu mà cầu tâm lại chẳng được,
Tự nhiên không chỗ khởi tham dâm,
Tham dâm không khởi cũng không diệt,
Điên đảo chẳng cạn cũng chẳng sâu.
Lại cũng chẳng được chẳng tham dục,
Không được chẳng được diệu khó tâm,
Trong tánh tam độc hằng như thế,
Đầy đủ thường đồng rừng vững bền.
Tôi nhận tham dâm là Phật sự,
Lại không tam độc xâm phạm nhau,³
Nếu cầu xa lìa lại chìm lịm,
Phân biệt ra vào trở lại chìm.
Chư Phật khéo được nơi tam độc,
Chúng sanh hư vọng không thể kham,
Ta cũng siêng tu tánh tam độc,
Lại chẳng nguyện cầu chư Phật tâm.

³ Dịch y theo nguyên bản.

*Đi đường khó,
Đường khó trong tâm vốn không vật,
Không vật tức là tịnh Bồ-đề,
Không thấy, trong tâm thường thấy Phật.*

Bài bảy

Rõ Bát-nhã không tranh

*Anh thấy chẳng,
Nguồn chân Bát-nhã vốn thường tịnh,
Cội gốc sanh tử tự rỗng không,
Chính sanh tử này chân Bát-nhã,
Lìa nó tìm ngoài lại trái xa.
Nếu tâm phân biệt nơi sanh tử,
Các khổ độc nạn lại đuổi rong,
Nay nếu thờ nó làm thợ khéo,
Hư vọng điên đảo về không xong.
Mà đây chỉ mượn lời nói rỗng,
Như sạch hai bên đều chẳng nương,
Không tâm bỏ lìa nơi sanh tử,
Cũng chẳng theo Niết-bàn tâm không.
Niết-bàn không tâm tức sanh tử,
Sanh tử không tâm Bát-nhã bùng,
Bát-nhã sáng tâm không chiếu dụng,*

*Không chiếu không dụng đoạn ngữ ngôn.
Cũng lại không muốn có các kiến,
Tức là Vô thượng y Pháp vương,
Khéo hiểu được thuốc không tâm ấy,
Các bệnh ba cõi trọn trị lành.
Đi đường khó,
Đường khó dẹp đó rồi lại dẹp,
Biết được tánh dẹp xưa nay không,
Không tâm trọn là Ma-ha-diễn (Đại thừa).*

Bài tám

Rõ bản thể không thể được

*Anh thấy chẳng,
Ở trong bản thể lại không bản,
Không bản chân thể không người tri,
Nếu người vô tri rõ chân thể,
Thanh tịnh vi diệu chẳng lạ kỳ.
Tri cùng vô tri thường tự vậy,
Khổ vui thấy đồng cùng đại bi,
Chúng sanh ba cõi bèn mê việc,
Nơi kia ghi thật là vô vi.
Cũng lại không pháp vô vi ấy,
Gắng tự sanh tâm quá nhọc đi,*

Nhọc nhần đều không, như vang bóng,
Sanh diệt chẳng dừng chẳng phân ly.
Hay biết tâm này không cách ngại,
Sanh tử hư vọng không thể kìm,
Mà một tâm này đều đầy đủ,
Tám muôn bốn ngàn các luật nghi.
Cũng lại chẳng rơi pháp siêu việt,
Hiểm trở nguy nan mà chẳng nguy,
Trong tất cả pháp không có pháp,
Người đời vội chiếm toan làm gì?
Đi đường khó,
Đường khó trong tâm không thể xem,
Thuở xưa bảo rằng Phật xa tít,
Nay biết tham sân là Niết-bàn.⁴

Bài chín

Rõ không đoạn phiền não

Anh thấy chẳng,
Văn-thù Diệu Đức đâu xa lắm,
Ba chương ba độc tức ba không,
Năm phân pháp thân ràng năm ấm,
Sáu nhập vô tri là lục thông.

⁴ Dịch y theo nguyên bản.

Bốn đảo bốn quả đầu từng khác,
Tám tà tám chánh thể lại đồng,
Thất giác Bồ-đề tánh không khác
Bảy thức trôi lăn về chân tông.
Tất cả phiền não đều không tịch,
Các pháp của Phật ở trong tâm,
Hằng cùng pháp nhãn thường khấn khít,
Chỉ tự so đo chẳng gặp cùng.
Chỗ nào chư Phật Như Lai ở,
Đều tại trong ái dục tham dâm,⁵
Nay khuyên đoạn tham dâm ái dục,
Chỉ là phương tiện độ trẻ con.
Bản tướng tham dục thật thanh tịnh,
Tạm nói danh suông, danh cũng không.
Đi đường khó,
Đường khó trong tâm chẳng phải tâm,
Nhấn nhủ bậc chân tu vô niệm,
Dè dặt phân biệt hủy tham dâm.

Bài mười

Rõ tịch diệt vô tâm thường hành tinh tấn
Anh thấy chẳng,

⁵ Dịch y theo nguyên bản.

Trong tánh tịch diệt không có diệt,
Trong giác chân thật không giác tri,
Lại cũng không có không tri giác,
Lìa khuôn thước, lặng lẽ thanh hư.
Pháp tánh sẵn vậy không nhân đến,
Nhớ tưởng điên đảo tánh vô vi,
Dù khiến trôi lăn khắp ba cõi,
Ở trong tâm kia thật chẳng dời.
Không đến không đi cũng không ở,
Khéo đặt không trụ cũng không khuỵ (thiếu),
Chư Phật thế hùng chẳng tôn trọng,
Tam độc tứ đảo cũng chẳng khi.
Lại tìm duyên tâm không chỗ được,
Không duyên trong tâm, duyên lại đây,
Nếu muốn chóng cầu đạo vô thượng,
Sẵn trong tánh ba độc vô tri.
Ba độc sanh nơi ba giải thoát,
Thất thức lại sanh thất giác chi,
Tâm đảo đến đi không có thật,
Không chậm không mau khi đến đi.
Giác các phiên não xem cảnh trước,
Chỉ tự răn tâm dẹp tức thì,

Tâm vốn không, rễ nào có gốc,
Sáu trần năm dục không thể rời.
Đi đường khó,
Đường khó vì diệu thật lạ kỳ,
Ngày xưa siêng năng gắng tinh tấn,
Chẳng biết tinh tấn trái vô vi.

Bài mười một

Rõ pháp thân được dụng tự tại

Anh thấy chẳng,
Đại sĩ tự xem pháp trong thân,
Thân là Như Lai tịnh pháp thân,
Qua lại hư không thật nhanh chóng,
Riêng thoát tự tại chẳng do nhân (người).
Ra vào lỗ chân lông không ngại,
Khi ái thủ trần chẳng nhiễm trần,
Chỗ thấy phàm tình đồng chư thánh,
Lìa đây cầu đạo lại chẳng chân.
Dựng lập các pháp mà không pháp,
Tức là chân như vô thượng chân,
Ức kiếp sẵn có mà không cũ,
Hôm nay thấy giác chẳng thanh tân.
Thành tựu đại ngã mà vô ngã,

Đầy đủ đại nhân (大人) không có nhân (人),
Thánh thể vô minh không thể nói,
Lại vì phương tiện gọi tâm thân.
Chính tâm này là chân thường pháp,
Cũng là thượng thân của Niết-bàn,
Mong các học nhân đồng nhận rõ,
Cửa nhà tự giữ tự cấm ngăn.
Đi đường khó,
Đường khó tên khác lý không phân,
Nếu hay hiểu thấu không sanh tử,
Liên được tiêu trừ mây tử sanh.

Bài mười hai

Rõ Kim Cang giải thoát

Anh thấy chẳng,
Ngũ cú Kim Cang chẳng chân thật,
Một Không đồng vạn tượng sum la,
Mà cái Không này là mẹ Phật,
Lại là châu vô thượng chân như.
Người đời chẳng biết cầu báu ấy,
Lang thang sáu nẻo nghèo xác xơ,
Chẳng thờ trong thân pháp thân Phật,
Mãi mãi nhằm ngoài đi lễ chùa.

Chợt nhìn dường thể người tinh tấn,
Xét kỹ trong thân đều hạnh thô,
Dùng cái tâm thô trình ngôn ngữ,
Chẳng rõ chân nguyên do đó ngu.
Theo tình nghĩ tưởng mà phân biệt,
Năm ấm sáu tặc đua trả thù,
Chẳng chịu tìm cầu đạo vô thượng,
Chỉ có dối lừa giữ danh suông.
Miệng tuy nói thiện lại sanh ác,
Nói suông chân thật trở thành hư,
Nay tôi ngược đối nhìn chân thật,
Cũng chẳng chứng thật vào vô dư.
Đi đường khó,
Đường khó cả đời đều hư vọng,
Mười triệu năm ấm tánh vô tri,
Người ngu ở trong tự sanh chướng.

Bài mười ba

Rõ tịch tĩnh không chiếu không đặc

Anh thấy chẳng,
Các pháp chỉ mượn Không bày lập,
Lặng lẽ Vô môn làm pháp môn,
Ở trong các pháp tâm là chủ,

Nay tôi lại chẳng được nguồn tâm.
Kiểm điểm nguồn tâm đã chẳng được,
Đâu biết các pháp gốc đều không,
Dùng tâm không gốc này chiếu cảnh,
Chiếu đó phân minh càng tối hơn.
Chính tâm tối này lại tự chiếu,
Chính lý chiếu ấy chưa từng còn,
Chiếu cùng với cảnh đều sai khác,
Thế nên người trí không thể bàn.
Người đời điên cuồng gắng phân biệt,
Trong không soi chiếu loạn tinh hồn,
Nếu hay trí chiếu quên chẳng chiếu,
Phân biệt trí chiếu lại ruỗi rong.
Các pháp sẵn vậy ai tạo tác,
Tịch tĩnh không tĩnh cũng không ồn,
Nên biết chúng sanh điên đảo tưởng,
Lại là chúng sanh Vô thượng tôn.
Đi đường khó,
Đường khó bỏ ngu mà lại ngu,
Cầm thú các loài ta khéo phục,
Chỉ có tâm giặc riêng khó trừ.

Bài mười bốn

Rõ tam không vô tánh

*Anh thấy chẳng,
Chư Phật thánh nhân tâm không ngại,
Vì giáo hóa chúng nói ba không,
Tuy nói ba không thật chẳng nói,
Tâm đối vạn cảnh mặc tình nương.
Dù cho điên đảo tạo ngũ nghịch,
Tùy tình tạo tác cũng về như,
Chân chất lắng thân niệm vô niệm,
Chẳng cần phân biệt thấy đều trừ.
Vì thế an tâm chẳng lựa chỗ,
Rõ biết chân tục thể không hai,
Dứt nghĩ tâm không chẳng bỏ việc,
Danh lý ngôn hạnh không trợ nhau.
Chẳng nương sáu trần tâm dao động,
Theo như, vô tác thuận không hư,
Không đi không đến thường chẳng trụ,
Tâm thần dứt sạch mà chẳng không.
Chẳng hoại thân này theo nhất tướng,
Chẳng đoạn tham dâm mà chẳng tùy,
Nếu bảo không khác thì tự trói,
Nói là thể khác càng tổn thương.*

Ví như mộng huyễn không chân thật,
Xưa nay chẳng có làm sao trừ?
Đi đường khó,
Đường khó chóng vậy khôn sửa trị,
Phàm phu vọng thấy có sai thù,
Chân thật lắng tâm không bỏ thủ.

Bài mười lăm

Rõ có không chẳng trái

Anh thấy chẳng,
Tà kiến phi biên chẳng là biên,
Điên đảo phân biệt cũng phi duyên,
Tự tâm phi tâm, niệm phi niệm,
Thường đến thường đi vẫn y nguyên.
Ví như Kim Cang khó phá hoại,
Chư Phật dùng đây làm Kim Cang,
Người đời khen ngợi Niết-bàn diệu,
Tôi nói sanh tử rất thâm huyền.
Tức là vô sanh sức thượng nhân,
Lại là ma-ha vô ngại thiên,
Chánh sĩ dùng tâm quán nơi đó,
Chẳng bị tám gió cuốn ngã nghiêng.
Nhạc trời cực vui tâm chẳng luyến,

Tài sắc đáng gì đâu thể ràng,
Dù gặp khổ vui tâm chẳng đổi,
Xa hẳn ước tưởng quên ưu phiền.
Tâm rộng không nhân không ngã sở,
Mặc tánh chìm nổi dường như điên,
Soi rõ thường pháp biết không định,
Biết pháp không tánh gọi là hiền.
Đi đường khó,
Đường khó chẳng không lại chẳng có,
Có không đều dẹp vẫn còn hai,
Vẫn còn không dẹp cũng không thọ.

Bài mười sáu

Rõ ma oán

Anh thấy chẳng,
Đại đạo vắng lặng khó suy tâm,
Thâm sâu muôn tượng thấy dung thông,
Tất cả điềm nhiên không khởi diệt,
Điên đảo phân biệt đều từ tâm.
Người trí cầu tâm không nơi chốn,
Lơ là sắc tướng lìa tham dâm,
Rành rẽ phân minh đâu chỗ thấy,
Như mắt bệnh thấy kim trong không.

Nếu người biết thấu tưởng diên đảo,
Chẳng bị khổ vọng làm đắm chìm,
Các pháp thế gian dường sóng năng,
Hành giả dè dặt chớ oán hiềm.
Thường lấy không tâm mà phản chiếu,
Phật đạo vô thượng cũng đảm đang.
Đi đường khó,
Đường khó vi diệu thật vô song,
Nếu biết sáu tình không chẳng có,
Chúng ma oán tặc tự nhiên hàng.

Bài mười bảy

Rõ pháp tánh dụng bình đẳng

Anh thấy chẳng,
Pháp tánh vô vi không thể nói,
Hữu lậu vô lậu đều suốt thông,
Tuy tạo chư địa có sai biệt,
Tìm cùng bản tế thấy đều đồng.
Cũng không pháp đồng khả đồng ấy,
Cũng chẳng lấy không giữ làm không,
Nếu cần biết đạo thù diệu đó,
Chỉ ngay năm ấm tìm tốt cùng.
Như thật không đi cũng không đến,

*Cũng chẳng ở tại trong sáu tình,
Tức chân pháp giới không nguồn gốc,
Lặng lẽ thường còn chẳng thủy chung.
Đi đường khó,
Đường khó khổ vui đâu đã hết,
Khi đến Tây phương vô lượng thọ,
Hoặc là thác hóa hiện Đông phương.*

Bài mười tám

Rõ Phật Mẫu bất tư nghi

*Anh thấy chẳng,
Ái dục tham dâm mẹ chư Phật,
Chư Phật Thế Tôn con dục tham,⁶
Từ xưa Bồ-đề là thầy mẫu,
Ngày nay vì chúng, mẫu làm thầy.
Thuở trước đa đoan ngoài cầu Phật,
Phật ở trong áo nay mới hay,
Vô lượng tâm si vốn là đạo,
Ba độc bốn đảo chẳng nghĩ nghi.
Hư dối hành từ thương chúng khổ,
Chẳng biết các khổ là từ bi,
Sân hận vô minh rất vi diệu,*

⁶ Dịch y theo nguyên bản.

Là chỗ người trí không thể suy.
Ngày trước chuyên cần học tri kiến,
Chẳng biết tri kiến tự vô tri,
Bốn cõi ba đường đều chẳng có,
Ba chương ba thoát chẳng phân ly.
Đi đường khó,
Đường khó có không đều dẹp hết,
Rõ biết phiền não tướng vô sanh,
Tức là Như Lai tọa đạo tràng.

Bài mười chín

Rõ không giác tình tấn

Anh thấy chẳng,
Các Phật tử chánh tâm,
Vì thấy phi tâm nên chẳng lo,
Biết tâm phi tâm, ý phi ý,
Tám gió bức não nào ưu sầu.
Theo gió đông tây không ngã sở,
Riêng thoát thông dong chẳng kẹt thuyền,
Dù là khi trụ trọn chẳng trụ,
Dạo khắp mười phương mà chẳng trôi.
Khi chẳng thấy ngã nơi vô ngã,
Lành thay, theo tánh mặc phù trầm!

Thế gian vọng tưởng không chân thật,
Ta ở trong ấy có gì cầu?
Chỉ dụng phi tâm giác phi giác,
Cũng lại chánh tu nơi chẳng tu,
Nếu người chẳng biết chỗ như thế,
Chẳng nên xưng danh là Tỳ-kheo.
Vì cái tâm si làm nô bộc,
Ái kết cột ràng chẳng tự do,
Mà đây lại thêm các khổ não,
Vĩnh kiếp hằng ngồi tam giới tù.
Sanh tử nối liền càng quá lắm,
Trọn không cắt đứt được nghỉ ngơi.
Đi đường khó,
Đường khó không khiến qua các niệm,
Niệm mà vô niệm mới là chân,
Chân niệm không chân tự sáng ngời.

Bài hai mươi

Rõ thiện vi diệu

Anh thấy chẳng,
Vô thượng Bồ-đề thật là gần,
Bốn đại năm ấm đều thâm áo,
Thật là thanh tịnh diệu khó lường,

Chẳng ngộ tâm này đáng chết gấp.
Trong tánh hòa hợp nào thật đâu,
Thế nên gọi là các pháp yếu,
Trong ấy không vọng cũng không chân,
Chỉ dùng vô vi làm vi diệu.
Tìm thể tịch ấy nên im thôi,
Tạm vì chúng sanh lập danh hiệu,
Nếu biết danh hiệu tức phi danh,
Hiếu rõ chúng sanh, biết Phật dạy.
Giác biết không nhân là chánh nhân,
Sẽ được không nhân không quả báo,
Khéo đạt tham ái được vô sanh,
Vô minh đến đi không động nhiễu.
Chẳng thấy thánh quả khác phàm tình,
Phân biệt thánh phàm lại điên đảo,
Nếu người không nguyện cũng không tu,
Quyết định vì người làm dẫn đạo.
Đi đường khó,
Đường khó chẳng uế cũng chẳng tịnh,
Phải quấy dứt sạch lại hằng còn.
(Thiện Huệ Đại Sĩ Lục – quyển 3)

*

Mười Lăm Bài Đi Đường Dễ

Bài một

*Phật - Không đều một thể,
Không - Phật xưa nay đồng,
Chạm mắt đều như thế,
Vô tâm trong tánh mình.
Đi đường dễ,
Đường dễ chẳng tu hành,
Tâm có không dứt bật,
Chỉ thế là vô sanh.*

Bài hai

*Chúng sanh là tổ Phật,
Phật là ông chúng sanh,
Tam bảo không lìa cách,
Bồ-đề đều chung đồng.
Đi đường dễ,
Đường dễ thật vô tác,
Trì kinh chẳng động môi,
Tọa thiền trọn ngày chơi.*

Bài ba

*Vô sanh không nơi chốn,
Không chốn là vô sanh,
Vô sanh nếu tìm chỗ,*

Vô sanh không chỗ sanh.
Đi đường dễ,
Đường dễ bằng thân thang,
Vô tâm thật giải thoát,
Tự tánh mặc tung hoành.

Bài bốn

Bồ-đề không xứ sở,
Không xứ là Bồ-đề,
Nếu tìm Bồ-đề xứ,
Trọn đời mãi kiếp mê.
Đi đường dễ,
Đường dễ thật chẳng hư,
Thiện ác không phân biệt,
Đây tức là chân như.

Bài năm

Có không đều giải thoát,
Hằng nghỉ tại vô sanh,
Bồ-đề là diên đảo,
Sanh tử rất tinh vi.
Đi đường dễ,
Đường dễ người chớ nghi,
Hiếu lời tôi nói thế,

Tu hành chẳng cần thầy.

Bài sáu

*Núi đông nổi trên nước,
Núi tây chẳng dừng bước,
Dưới Bắc đầu Diêm-phù,
Là chỗ chân giải thoát.*

*Đi đường dễ,
Đường dễ người chẳng biết,
Nửa đêm trời giữa trưa,
Chẳng ngộ thật quá mệt.*

Bài bảy

*Gió mạnh cây chẳng lay,
Đánh trống tiếng không trời,
Trời nắng không bóng cây,
Mặt nước trâu bước tới.*

*Đi đường dễ,
Đường dễ đáng tiếc nuôi,
Người tu hiểu ý này,
Nằm thẳng hai chân duỗi.*

Bài tám

*Phật, Tâm và chúng sanh,
Là ba trọn chẳng rời,*

*Hư không hợp chân lý,
Nhân ngã tại vô vi.
Đi đường dễ,
Đường dễ thật khôn lường,
Nhấn lời cùng hành khách,
Phải gắng sức thêm hơn.*

Bài chín

*Người nói đi đường khó,
Tôi bảo đường dễ đi,
Mười hai năm vào núi,
Nằm duỗi chân ngủ khi.
Đi đường dễ,
Đường dễ chớ nghĩ suy,
Sát-na tâm bất nhị,
Cực lạc vui trọn ngày.*

Bài mười

*Tu-di cha hạt cải,
Hạt cải bố Tu-di,
Núi biển đất bằng phẳng,
Đốt băng để nấu trà.
Đi đường dễ,
Đường dễ thật mờ mịt,*

*Tâm Bồ-đề ở trong,
Người đời trọn chẳng biết.*

Bài mười một

*Có không qua lại tâm hằng dứt,
Trong ngoài khoảng giữa tâm thấy không,
Muốn tìm chỗ Như Lai chân Phật,
Chỉ xem trâu đá sanh voi con.
Đi đường dễ,
Đường dễ sớm cho kịp,
Chẳng cần học thật nhiều,
Không lời mới là đạo.*

Bài mười hai

*Không dùng nên không làm,
Không làm nên không tâm,
Chỗ không tâm không thấy,
Đáy nước hoa dương chìm.
Đi đường dễ,
Đường dễ thật không được,
Ngàn thứ luận giảng bàn,
Chẳng bằng yên một chút.*

Bài mười ba

Vô tình chính là đạo,

*Cây đá thấy chân như,
Khi đạt khắp cảnh phải,
Chẳng ngộ hằng trái xa.
Đi đường dễ,
Đường dễ thật vui thay!
Sát-na lên chánh giác,
Ba giáo chẳng cần bày.*

Bài mười bốn

*Vô sự thật vô sự,
Vô sự ít người hay,
Vô vi không nơi chốn,
Không chốn là vô vi.
Đi đường dễ,
Đường dễ người chớ sợ,
Không có việc vô vi,
Tên vô vi tạm có.*

Bài mười lăm

*Không ngã không nhân thật xuất gia,
Đâu cần cạo tóc nhuộm cà-sa,
Muốn biết tiêu dao chân giải thoát,
Chỉ xem ngà voi trâu sanh ra.
Đi đường dễ,*

*Đường dễ anh lắng nghe,
Không Bô-đề không giác,
Không sạch cũng không nhơ.*

(Thiền Huệ Đại Sĩ Lục – quyển 3)



Thiền sư Hưng Giáo Hồng Thọ

Một hôm trong hội quốc sư Đức Thiều, Sư bửa củi, củi rơi xuống liền ngộ, làm kệ:

*Phốc lạc phi tha vật,
Tung hoành bát thị trần,
Sơn hà cập đại địa
Toàn lộ Pháp vương thân.*

Dịch:

*Bửa tết không vật khác,
Dọc ngang chẳng phải trần,
Núi sông và quả đất
Toàn bày Pháp vương thân.*

(Ngũ Đăng Hội Nguyên – quyển 10)



Thiền sư Dương Kỳ Phương Hội

Sau một đêm mưa tuyết ướt cả am tranh, nói kệ:

Dương Kỳ tạc trú ốc bích sơ,

*Mãn sàng tận tận tuyết trên châu,
Xúc khước hạng, ám ta hô,
Phiên ước cổ nhân thọ hạ cư.*

Dịch:

*Dương Kỳ đêm qua nhà vách thưa,
Đây giường tung vãi tuyết như mưa,
Lạnh rút cổ, miệng hít hà,
Nhớ lại cổ nhân dưới cội xưa.*

(Thiên Tông Tập Độc Hải – quyển 2)

*

Thượng đường

*Bạc phước trụ Dương Kỳ,
Niên lai khí lực suy,
Hàn phong điêu bại diệp,
Du hỷ cố nhân quy.*

*La la lý,
Niêm thượng tử sài đầu,
Thả hướng vô yên hỏa.*

Dịch:

*Phước mỏng trụ Dương Kỳ,
Năm đến sức lực suy,
Gió lạnh cây trụi lá,*

Vẫn mong cố nhân về.

La la lý,

Đưa lên khúc củi khô,

Rốt cuộc không lửa khói.

(Dương Kỳ Phương Hội Hòa Thượng Ngũ Lục)



Thiền sư Chân Tịnh Khắc Văn

Nhân trưởng lão Tiêu Dao đến thăm, Sư thượng đường:

Thanh sơn thâm xứ nhân,

Lai ngã hồng trần lý,

Hồng trần ngẫu bất kiến,

Bạch vân dĩ lưu thủy.

Nhĩ mục hà sở phân,

Phù danh dĩ phù lợi,

Vi thị hồng trần phi,

Vi phục thanh sơn thị.

Thị phi lưỡng đồ gian,

Kỷ đa thù vị dĩ,

Hạnh ngộ tiêu dao nhân,

Khả khả thuật dao lý.

Dịch:

Người ở trong núi xanh,

*Đến chỗ ta hồng trần,
Hồng trần bỗng chẳng thấy,
Mây trắng, nước trôi nhanh.
Mất tai nào phân biệt,
Bọt lợi cùng bèo danh,
Quấy là hồng trần vậy,
Phải lại là núi xanh.
Ở hai đầu phải quấy,
Bao sai khác chưa dừng,
Người tiêu dao may gặp,
Nên nói lý thanh nhàn.*
(Liệt Tổ Đề Cương Lục – quyển 18)



Thiền sư Tuyết Chiếu Huy

*Công phu vị đáo phương viên địa,
Kỷ độ bằng lan độc tự sâu,
Kim nhật thị tam minh nhật tứ,
Tuyệt sương dung dị thương nhân đầu.*

Dịch:

*Chỗ vuông tròn chưa đủ công phu,
Hàng tựa lan can luống tự sâu,
Hôm nay mừng ba mai mừng bốn,*

Tuyệt sương đã vội phủ trên đầu.

(Sơn Am Tập Lục – quyển hạ)



Cư sĩ Tô Đông Pha

Tô Đông Pha đến Đông Lâm, luận về vô tình thuyết pháp
bồng ngộ, nói tụng:

Khê thanh tận thị quảng trường thiệt,

Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân,

Dạ lai bát vạn tứ thiên kê,

Tha nhật như hà cử tự nhân?

Dịch:

Tiếng suối trọn là lười rộng dài,

Dáng núi chính thân thanh tịnh đây,

Đêm nghe tám muôn bốn ngàn kê,

Ngày khác làm sao kể với ai?

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 33)



Thiền sư Tiểu Nham Đức Bảo

Bản lai chân phụ mẫu

Lịch kiếp bất tăng ly,

Khởi tọa thừa tha lực,

Hàn ôn diệt cộng tri.

*Tương phùng bất tương kiến,
Tương kiến bất tương thức,
Vị vấn kim hà tại,
Phân minh trình tự Sư.*

Dịch:

*Cha mẹ thật xưa nay,
Muôn kiếp chẳng rời tay,
Đứng ngồi nường sức đó,
Ấm lạnh cùng biết ngay.
Gặp nhau mà chẳng thấy,
Thấy nhau nào có hay,
Hỏi nay đâu chỗ ở?
Rõ ràng, trình với Thầy.*

(Tục Chỉ Nguyệt Lục – quyển 16)

*

Phó chúc Quảng Thông thị giả kệ

*Nhất niệm bất sanh chư số diệt,
Vạn cơ hưu bãi thập phương không,
Giới không số diệt âu trùng hải,
Chư Phật chúng sanh ảnh hiện trung.*

Dịch:

Kệ phó chúc cho thiền sư Quảng Thông

*Một niệm chẳng sanh các pháp diệt,
Muôn điều buông hết mười phương không,
Phương không pháp diệt biển lặng sóng,
Chư Phật chúng sanh bóng hiện trong.*
(Tục Chỉ Nguyệt Lục – quyển 17)



Thiền sư Huyền Hư Thường Nhuận

Sư đến tham vấn thiền sư Tông Cảnh. Tông Cảnh hỏi:

- “Ta nay chẳng phải y”, đã chẳng phải y, cứu cánh là người nào?

Sư trình kệ:

*Nhược yếu thức thử nhân,
Hữu cá chân tiêu tức.
Vô tướng mãn hư không,
Hữu hình một tung tích.
Tằng vi Phật tổ sư,
Vĩnh tác càn khôn tác.
Quy mao phát tử thanh phong sanh,
Thố giác trượng đầu minh nguyệt xuất.*

Dịch:

*Nếu muốn biết người này,
Có cái tin tức thật.*

*Không tướng đầy hư không,
Có hình không dấu vết.
Là khuôn phép càn khôn,
Từng làm thầy Tổ Phật.
Phát tử lông rùa gió mát sanh,
Đầu gậy sừng thỏ trắng vàng vạc.
(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 70)*



Thiền sư Hối Đài Nguyên Cảnh

*Thức phá bất trị bán văn tiền,
Khả lân mô sách kỹ đa niên,
Tông lưu tận thị khi tâm hán,
Thuyết thậm Tổ sư biệt hữu thiên.*

Dịch:

*Biết ra chẳng đáng nửa đồng tiền,
Thương thay tìm kiếm đã bao năm,
Tông thừa toàn kẻ tâm lừa dối,
Nói gì Tổ sư riêng có thiên.⁷*

(Tông Giám Pháp Lâm – quyển 71)



⁷ Dịch y theo nguyên bản.

Thượng tọa Tiểu Tĩnh

Huyền nghĩa kệ đáp

*Huyền nhân hưng huyền, huyền luân vi,
Huyền nghiệp năng chiêu huyền sở trì,
Bất liễu huyền sanh chư huyền khổ,
Giác tri như huyền, huyền vô vi.*

Dịch:

Kệ đáp nghĩa huyền

*Người huyền dấy huyền, huyền xoay vần,
Nghiệp huyền hay vùi quả lụy thân,
Mê lý huyền sanh nhiều huyền khổ,
Ngộ ra như huyền, huyền thành chân.*

(Cảnh Đức Truyền Đăng Lục – quyển 21)



Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn

Tam chiếu ngữ tụng

Bản lai chiếu

*Nghĩ tâm khai khẩu cách sơn hà,
Tịch mặc vô ngôn dã bị ha,
Thư triển vô cùng hựu vô tận,
Quyển lai tuyệt tích dĩ thành đa.*

Tịch chiếu

Bất động như sơn vạn sự hưu,
Trùng đàm triệt để vị tăng lưu,
Cá trung chánh niệm thường tương tục,
Nguyệt kiếu thiên tâm vân vụ thâu.

Thường chiếu

Tứ oai nghi nội bất tăng khuy,
Kim cổ sơ vô gián đoạn thì,
Địa ngục thiên đường vô biến dị,
Xuân hồi dương liễu lục như ty.

Dịch:

Tụng Tam chiếu

Chiếu xưa nay

Nghĩ vừa mở miệng cách sơn hà,
Nín lặng không lời cũng bị la,
Tung ra thôi thì vô cùng tận,
Thâu về tuyệt dấu cũng hà sa.

Chiếu vắng lặng

Bất động như non muôn việc thôi,
Đầm lặng nước yên chưa từng trôi,
Trong đây chánh niệm thường tiếp nối,
Mây mù tan, trăng tỏ giữa trời.

Chiếu mãi

*Trong bốn oai nghi vẫn đủ đây,
Không hề gián đoạn tự xưa nay,
Thiên đường địa ngục không đổi khác,
Xuân về dương liễu biếc như tơ.*
(Ngũ Gia Tông Chỉ Toàn Yếu – quyển hạ)



Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan

Nhân dẫn câu chuyện an tâm của tổ Bồ-đề-đạt-ma dạy tổ Huệ Khả, Sư làm tụng:

*Chung thủy mệnh tâm vô khả đắc,
Liêu liêu bất kiến Thiếu Lâm nhân,
Mãn đình cựu tuyết trùng tri lãnh,
Tỷ không y nhiên đáp thượng thân.*

Dịch:

*Sau trước tìm tâm không thể được,
Vắng tanh nào thấy người Thiếu Lâm,
Đầy sân tuyết cũ càng thêm lạnh,
Lỗi mũi như xưa trên môi nằm.*

(Bạch Vân Thủ Đoan Thiền Sư Ngũ Lục – quyển hạ)



Hòa thượng Phục Lễ

Hòa thượng Phục Lễ đời Đường có làm bài kệ Chân Vọng hỏi chư cao đức:

*Chân pháp tánh bản tịnh
Vọng niệm hà do khởi?
Tùng chân hữu vọng sanh
Thử vọng hà sở chỉ?
Vô sơ tức vô mật
Hữu chung ưng hữu thủy
Vô thủy nhi vô chung
Trường hoài mộng tư lý
Nguyện vị khai huyền diệu
Tích chi xuất sanh tử.*

Dịch:

*Chân pháp tánh vốn tịnh
Vọng niệm do đâu khởi?
Từ chân có vọng sanh
Vọng này chỗ nào nghỉ?
Không gốc ắt không ngọn
Có chung nên có thủy
Không thủy mà không chung
Hằng mờ昧 chân lý*

Mong vì mở huyên diệu

Vạch ra thoát sanh tử.

Quốc sư Thanh Lương đáp:

Mê chân vọng niệm sanh

Ngộ chân vọng tức chỉ

Năng mê phi sở mê

An đắc trường tương tự

Tùng lai vị tằng ngộ

Cố thuyết vọng vô thủy

Tri vọng bản tự chân

Phương thị hằng diệu lý

Phân biệt tâm vị vong

Hà do xuất sanh tử?

Dịch:

Mê chân vọng niệm sanh

Ngộ chân vọng liền dứt

Mê chẳng phải bị mê

Đâu dài lâu tương tự

Xưa nay chưa từng ngộ

Nên nói vọng vô thủy

Biết vọng vốn tự chân

Mới là hằng diệu lý

Tâm phân biệt chưa quên

Làm sao khỏi sanh tử?

Thiền sư Khuê Phong đáp:

Bản tịnh bản bất giác

Do tư vọng niệm khởi

Tri chân vọng tức không

Tri không vọng tức chỉ.

Chỉ xứ danh hữu chung

Mê thời hiệu vô thủy

Nhân duyên như huyền mộng

Hà chung phục hà thủy?

Thử thị chúng sanh nguyên,

Cùng chi xuất sanh tử.

Dịch:

Vốn tịnh mà chẳng giác,

Do đây vọng niệm khởi,

Biết chân, vọng liền không,

Biết không, vọng chợt dứt.

Chỗ dứt gọi hữu chung,

Khi mê tên vô thủy,

Nhân duyên như huyền mộng,

Nào chung lại nào thủy?

*Đây là nguồn chúng sanh,
Tốt đó ra sanh tử.*

Khuê Phong lại làm bài kệ:

*Bất thị chân sanh vọng
Vọng mê chân nhi khởi
Ngộ vọng bản tự chân
Tri chân vọng tức chỉ.
Vọng chỉ tự chung mật
Ngộ lai tự sơ thủy
Mê ngộ tánh giai không
Giai không vô chung thủy
Sanh tử do thử mê
Đạt thử xuất sanh tử.*

Dịch:

*Chẳng phải chân sanh vọng,
Mê chân nên vọng khởi,
Ngộ vọng vốn tự chân,
Biết chân vọng liền dứt.
Vọng dứt đường rốt sau,
Ngộ ra tự trước nhất
Tánh mê ngộ đều không
Đều không chẳng sau trước*

Sanh tử do mê này

Thấu đây thoát sanh tử.

Thiền sư Đức Hồng tự Giác Phạm đáp:

Chân pháp bản vô tánh

Tùy duyên nhiễm tịnh khởi

Bất liễu hiệu vô minh

Liễu chi tức Phật trí.

Vô minh toàn vọng tình

Tri giác toàn chân lý

Đương niệm tuyệt cổ kim

Để xứ tâm chung thủy.

Bản tự ly ngôn thuyên

Phân biệt tức sanh tử.

Dịch:

Chân pháp tánh vốn không,

Tùy duyên nhiễm tịnh dấy,

Chẳng rõ gọi vô minh,

Rõ đó tức Phật trí.

Vô minh toàn vọng tình,

Giác tri toàn chân lý,

Đương niệm bất cổ kim,

Chỗ nào tìm chung thủy.

Vốn tự lìa nói năng,

Phân biệt liên sanh tử.

(Thạch Môn Hồng Giác Phạm Lâm Gian Lục)



Thiền sư Biện - Thê Hiền

Thiền sư Biện ở Thê Hiền đi đến Đông Lâm gặp sư Hồn Dung chê là ăn mặc lang thang. Sư làm kệ đáp:

Vật vị Thê Hiền cùng,

Thân cùng đạo bất cùng,

Thảo hài mãnh tự hồ,

Trụ trượng hoạt như long.

Khát ẩm Tào Khê thủy,

Cơ thôn lặt cục bông,

Đồng đầu thiết ngạch hán

Tận tại ngã sơn trung.

Dịch:

Chớ bảo Thê Hiền nghèo,

Thân nghèo đạo chẳng nghèo,

Giày cỏ như cạp mạnh,

Gậy trúc tự rồng bay.

Nước Tào Khê khát uống,

Đói ăn hạt cỏ gai,

Kẻ đầu đông trán sắt

Thấy ở trong núi này.

(Thiền Lâm Bảo Huấn – quyển 3)

